**MỤC LỤC CHUYÊN ĐỀ 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | | | **Trang** |
| **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT** ............................................................................................................. | | | | 2 |
| **A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG CỦA VĂN HỌC .................................................** | | | | 2 |
| 1. Khái niệm văn học ................................................................................................................ | | | | 2 |
| 2. Đặc trưng của văn học............................................................................................................. | | | | 2 |
| 3. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tác phẩm văn học .................................................. | | | | 4 |
| 4. Con người trong văn học......................................................................................................... | | | | 6 |
| 5. Chức năng của văn học........................................................................................................... | | | | 7 |
| 6. Giá trị của văn học.................................................................................................................. | | | | 9 |
| 7. Nhà văn và phong cách văn học.............................................................................................. | | | | 10 |
| 8. Quá trình văn học.................................................................................................................... | | | | 11 |
| 9. Tiếp nhận văn học................................................................................................................... | | | | 11 |
| **B. MỘT SỐ KĨ NĂNG CẦN NẮM VỮNG.............................................................................** | | | | 14 |
| **I. KĨ NĂNG XÁC ĐỊNH ĐỀ VÀ LẬP DÀN Ý ......................................................................** | | | | 14 |
| **II. KĨ NĂNG VIẾT MỞ BÀI, KẾT BÀI HAY.......................................................................** | | | | 16 |
| **III. KĨ NĂNG SỬ DỤNG KIẾN THỨC LÍ LUẬN HIỆU QUẢ TRONG BÀI VĂN.........** | | | | 18 |
| **C. THỰC HÀNH ĐỀ ................................................................................................................** | | | | 24 |
| **I. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ ĐẶC TRƯNG, CHỨC NĂNG, VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC ...........................................................................................................................** | | | | 24 |
| **Đề** | **Trang** | **Đề** | **Trang** |  |
| Đề 1...................... | 24 | Đề 5 ........................ | 45 |  |
| Đề 2...................... | 33 | Đề 6 ........................ | 47 |  |
| Đề 3...................... | 36 | Đề 7 ........................ | 53 |  |
| Đề 4...................... | 42 | Đề 8 ........................ | 56 |  |
| **II. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC** | | | |  |
| Đề 9 ............................................................................................................................................ | | | | 64 |
| Đề 10 ............................................................................................................................................ | | | | 66 |
| Đề 11 ............................................................................................................................................ | | | | 70 |
| Đề 12 ............................................................................................................................................ | | | | 72 |
| **III. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT CỦA NGƯỜI NGHỆ SĨ** | | | |  |
| **Đề** | **Trang** | **Đề** | **Trang** |  |
| Đề 13 ................... | 74 | Đề 17 ............... | 86 |  |
| Đề 14 .................. | 76 | Đề 18 ............... | 89 |  |
| Đề 15 ................. | 80 | Đề 19 ............... | 91 |  |
| Đề 16 ............... | 83 | Đề 20 …………….. | 93 |  |

**CHUYÊN ĐỀ 01:**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN VỀ VĂN HỌC**

**\*\*\***

**MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**Giúp HS :**

- Nắm được kiến thức cơ bản về văn học: khái niệm, đặc trưng, chức năng, giá trị... của văn học.

- Nắm vững những kĩ năng cơ bản, biết cách vận dụng vào bài văn nghị luận văn học.

1. **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG CỦA VĂN HỌC**

**1. Khái niệm văn học**

**- Văn học** hay **ngữ văn** (thường gọi tắt là **văn**) theo cách nói chung nhất, là bất kỳ tác phẩm nào bằng văn bản.

**-** Hiểu theo nghĩa hẹp hơn, văn học là nghệ thuật ngôn từ, phản ánh hiện thực đời sống bằng cách sáng tạo ra hình tượng văn học, thể hiện tư tưởng, cảm xúc của người viết về cuộc đời.

**2. Đặc trưng của văn học**

- **Văn học là loại hình nghệ thuật ngôn từ**. Văn học lấy ngôn từ làm chất liệu để phản ánh đời sống. Ngôn từ trong văn học không phải là ngôn ngữ của đời sống hàng ngày mà đó là thứ ngôn ngữ của quần chúng nhưng đã được cách điệu hóa nhằm tạo ra ý nghĩa thẩm mỹ. Đặc điểm của ngôn từ văn học:

+ *Tính chính xác và tinh luyện*: Ngôn từ phải gợi ra được cái “thần” của sự vật, hiện tượng, chỉ ra đúng bản chất của đối tượng được miêu tả trong tác phẩm. Ngôn từ trong văn học đòi hỏi tính chính xác cao độ, vì vậy cũng đòi hỏi cả người viết lẫn người đọc phải có sự nhạy cảm và tinh tế.

+ *Tính hàm súc, đa nghĩa*: Ngôn từ trong văn học (đặc biệt là trong thơ) tạo ra dư vang, nén chặt ý, tạo ra sức chứa lớn về ngữ nghĩa – “ý tại ngôn ngoại”; thường sử dụng các biện pháp tu từ và sự chuyển nghĩa để tạo ra tính đa nghĩa cho ngôn ngữ văn học.

*+ Tính hình tượng*: Ngôn ngữ văn học có khả năng làm sống dậy hiện thực trong tâm trí độc giả, tái hiện trạng thái, truyền được động tác hoặc sự vận động của con người, cảnh vật và toàn bộ thế giới mà tác phẩm nói tới. Ngoài ra nó còn biểu hiện ở sự nắm bắt những cái mơ hồ nhất, mong manh vô hình nhất chứ không chỉ dừng lại ở những cái hữu hình.  
 + *Tính biểu cảm:* Nghệ thuật là tiếng nói của cảm xúc. Khi sáng tác, người nghệ sỹ giãi bày cảm xúc của mình nên ngôn ngữ văn học có tính biểu cảm.

=> Vũ khí của nhà văn là ngôn từ, văn chương quan trọng nhất là chữ nghĩa, từ ngôn từ nghệ thuật ta nhận ra hiện thực, tài năng, thái độ của nhà văn thể hiện trong tác phẩm.

**- Đối tượng phản ánh của văn học là hiện thực đời sống**. Văn học phản ánh đời sống trên một phạm vi rộng lớn và đa dạng. Nhưng tất cả các sự vật và hiện tượng ấy đều được xét dưới mối quan hệ thẩm mỹ với con người. Nếu các ngành khoa học tìm đến các sự vật hiện tượưng để tìm ra bản chất, quy luật của nó thì nghệ thuật lại quan tâm và khám phá mối quan hệ của con người với thế giới xung quanh.

+ Đối tượng chủ yếu của văn học là con người. Văn học quan tâm trước hết đến bản chất xã hội của con người. Con người tồn tại như một thực thể khép kín với bản chất nội tại của nó, bản chất của con người chỉ bộc lộ qua những mối quan hệ hiện thực của nó.

+ Xem xét con người qua mối quan hệ xã hội không làm mờ đi bản chất riêng của nó mà ngược lại, qua các mối quan hệ, con người càng thể hiện bản chất của mình, hiện lên với những tính cách độc đáo, số phận cụ thể.

+ Nhà văn thông qua việc phản ánh thế giới khách quan để biểu hiện thế giới chủ quan của mình. Tác phẩm nghệ thuật là khát vọng thể hiện một quan niệm về chân lí đời sống, về cái "chân", "thiện", "mĩ" trong tự nhiên, xã hội, trong quan hệ giữa người với người và trong mỗi con người.

**- Văn học phản ánh đời sống thông qua các hình tượng văn học**. Hình tượng “là phương thức chiếm lĩnh, thể hiện và tái tạo đời sống theo quy luật của nghệ thuật” (*Từ điển văn học*). Đặc điểm cơ bản của hình tượng văn học:

+ Gắn liền với đời sống;

+ Có sự thống nhất giữa hai mặt: khách quan và chủ quan; lý trí và tình cảm;

+ Vừa khái quát vừa cụ thể.

- Văn học cần phải có sự sáng tạo. Một tác phẩm văn học có đứng vững được trong lòng người hay không chính là nhờ tài năng và phẩm chất của người nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm văn học là một công trình sáng tạo nghệ thuật chỉ khi lao động của nghệ sĩ đúng là lao động sáng tạo. Mỗi nhà văn là một thế giới khác nhau, tạo nên sự phong phú cho nền văn học, cho sự đa dạng của các cá tính nghệ thuật.

Quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn là quá trình công phu bởi nó đòi hỏi nhiều trí lực, tâm huyết của người nghệ sĩ. Tác phẩm văn học đã ghi nhận những sáng tạo của người nghệ sĩ và khẳng định nó bằng những giá trị bất tử của mình.

**3. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tác phẩm văn học**

**a. Nội dung của tác phẩm văn học**

* **Khái niệm:** Nội dung của tác phẩm văn học là một hiện tượng của đời sống được khai thác bằng nghệ thuật, được chiếu sáng bởi tư tưởng của tác giả.
* **Các vấn đề thuộc về nội dung tác phẩm văn học:**

**- Đề tài** là lĩnh vực đời sống được nhà văn nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản.

+ Phạm vi miêu tả trực tiếp trong tác phẩm rất đa dạng, có thể là chuyện con người, thú vật, cây cỏ, chim muông, đồ vật, thần tiên, ma quái, chuyện quá khứ và chuyện viễn tưởng v.v.

+ Đề tài của tác phẩm nghệ thuật không chỉ nhằm giới thiệu các hiện tượng cụ thể cá biệt của đời sống hay của tưởng tượng, mà ở phương diện nhất định, bao giờ đề tài cũng xuyên qua một phạm vi miêu tả cụ thể để khái quát lên một phạm vi hiện thực đời sống nhất định có ý nghĩa sâu rộng hơn.

+ Ví dụ: Đề tài của “Tắt đèn” (Ngô Tất Tố) tập trung phản ánh số phận bi thảm của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám.

- **Chủ đề** là vấn đề cơ bản được được nêu ra trong văn bản. Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống

+ Ví dụ: Chủ đề “Tắt đèn” (Ngô Tất Tố) là sự mâu thuẫn giữa nông dân và bọn cường hào quan lại ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

+ Tầm quan trọng của chủ đề không phụ thuộc vào khuôn khổ của văn bản. Có những văn bản khuôn khổ nhỏ nhưng mang chủ đề lớn (*Sông núi nước Nam* thời Lý chỉ có 28 chữ nhưng là một bản tuyên ngôn khẳng định chủ quyền của một quốc gia độc lập).

+ Mỗi văn bản có thể có một hoặc nhiều chủ đề tùy quy mô cũng như ý định của tác giả.

+ Có những văn bản, đề tài có thể đồng nhất với chủ đề.

**- Tư tưởng của văn bản văn học** là sự lí giải với chủ đề đã nêu lên, là nhận thức của tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc. Tư tưởng là linh hồn của văn bản.

+ Ví dụ: Tư tưởng của tiểu thuyết “Tắt đèn” ([Ngô Tất Tố](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4_T%E1%BA%A5t_T%E1%BB%91)) là tố cáo quyết liệt cái chế độ thống trị đen tối, thối nát phi nhân đã chà đạp tàn bạo cuộc sống của con người, nhất là nông dân nghèo; đồng cảm, trân trọng yêu thương đối với người nông dân bị áp bức.

**- Cảm hứng nghệ thuật** là nội dung tình cảm chủ đạo của văn bản. Những trạng thái tâm hồn, những cảm xúc được thể hiện đậm đà, nhuần nhuyễn trong văn bản sẽ truyền cảm và hấp dẫn người đọc. Qua cảm hứng nghệ thuật, người đọc cảm nhận được tư tưởng, tình cảm của tác giả nêu lên trong văn bản.

#### **b. Hình thức của tác phẩm văn học**

**\* Khái niệm:**

* + Hình thức là sự biểu hiện của nội dung, là cách thể hiện nội dung.
  + Hình thức được xây dựng dựa trên chất liệu là ngôn ngữ đời sống kết hợp với sự sáng tạo độc đáo của nhà văn.
  + Hình thức của tác phẩm văn học được xây dựng bằng sự tổng hợp sinh động của một hệ thống những phương tiện thể hiện nhằm diễn đạt cả về bên ngoài lẫn tổ chức bên trong của nội dung tác phẩm trong một quan hệ chỉnh thể thống nhất

\* Các khái niệm về hình thức của tác phẩm văn học:

**- Kết cấu:** “là sự tổ chức, sắp xếp các yếu tố trong tác phẩm để tạo dựng được thế giới hình tượng giàu ý nghĩa thẩm mĩ, có khả năng khái quát đời sống, thể hiện tư tưởng của nhà văn” (Lê Lưu Oanh). Hà Minh Đức cho rằng: “Nhìn bên ngoài thì kết cấu như một cái sườn cấu tạo bao gồm các bộ phận và biện pháp thuần túy hình thức của tác phẩm. Nhưng thực ra nhiệm vụ trọng yếu và sâu xa hơn của kết cấu là sự tổ chức nội dung mà trực tiếp nhất là việc xây dựng tính cách và hoàn cảnh”. Trong *Từ điển thuật ngữ văn học*, kết cấu được quan niệm là “toàn bộ tổ chức phức tạp và sinh động của tác phẩm”, thuật ngữ này được phân biệt với khái niệm bố cục, nó không chỉ là bố cục tác phẩm, mà còn bao gồm cả sự liên kết bên trong, nghệ thuật kiến trúc nội dung cụ thể của tác phẩm.

- **Ngôn từ nghệ thuật** chính là ngôn ngữ mẫu mực đã được chuẩn hóa chọn lựa nhằm phục vụ cho hoạt động giao tiếp, mang dấu ấn cá nhân, thể hiện phong cách, tài năng, cá tính sáng tạo của nhà văn. Nó vừa là công cụ tư duy, vừa là phương tiện chuyển tải hình tượng nghệ thuật chủ quan của người nghệ sĩ.

Ngôn từ ít nhiều mang dấu ấn của tác giả: Ngôn từ tài hoa của Nguyễn Tuân, ngôn từ trong sáng, tinh tế của Thạch Lam

- **Thể loại văn học** là những quy tắc tổ chức hình thức văn bản thích hợp với nội dung văn bản. (Hoặc là phương thức tái hiện đời sống và thể thức cấu tạo văn bản). Gồm:

+ *Tác phẩm**trữ tình*: loại tác phẩm văn học ưu tiên hàng đầu việc bộc lộ tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình, bao gồm nhiều loại như thơ, ca dao, truyện thơ, trường ca.

*+ Tác phẩm tự sự*: loại tác phẩm văn học sử dụng lời kể để kể một câu chuyện, bao gồm nhiều loại như sử thi, truyện cổ dân gian, truyện thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, …

+ *Kịch bản văn học*: bi kịch, hài kịch, chính kịch.

+ *Thể loại khác*: Kí, nghị luận văn học…

#### **c. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm văn học**

Trong những tác phẩm nghệ thuật có giá trị, nội dung và hình thức luôn luôn thống nhất và khăng khít với nhau. Hình thức tất yếu phải là hình thức của một nội dung nhất định và nội dung bao giờ cũng là nội dung được thể hiện qua một hình thức. Không thể có cái này mà không có cái kia hoặc ngược lại. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức được biểu hiện ở 2 mặt: nội dung quyết định hình thức và hình thức phù hợp nội dung.

Trong tác phẩm văn học, nội dung và hình thức bao giờ cũng thống nhất hữu cơ, biện chứng với nhau. Nói như Bi-ê-lin-xki: “*Nội dung và hình thức gắn bó như tâm hồn với thể xác*”. Sự gắn bó này là kết quả sáng tạo chứa đựng tài năng và tâm huyết của nhà văn. Càng những tác phẩm văn học có giá trị lớn thì càng chứng tỏ sự thống nhất cao độ giữa nội dung và hình thức. Nhà văn Nga, Lê-ô-nôp khẳng định: “*Tác phẩm nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là một phát minh về hình thức và là một khám phá về nội dung*”.

**4. Con người trong văn học**

**\* Đối tượng phản ánh của văn học:**

**- Đối tượng trung tâm của văn học là con người.** Theo M. Gorki, “Văn học là nhân học” có nghĩa là: Văn học là khoa học về con người. Trong bất kì thời đại nào, con người vẫn luôn là đối tượng trung tâm của văn học. Các Mác cũng đã từng nói: “*Lấy con người làm đối tượng miêu tả chủ yếu, văn học có được một điểm tựa để nhìn ra toàn thế giới*”.

**- Những phương diện phản ánh con người trong văn học:**

**+** *Con người tính cách*: Con người trong văn học là con người được nhận thức với toàn bộ tính tổng hợp, toàn vẹn và sinh động trong các mối quan hệ đời sống phong phú, phức tạp nhất. Con người trong văn học là con người tính cách: cả con người cá nhân và con người xã hội, cả con người sinh lý và tâm lý, con người ý thức và vô thức.

+ *Con người tâm trạng:* Con người trong văn học có khả năng cảm nhận được những gì vô cùng tinh tế, phức tạp trong đời sống và trong thế giới tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của chính con người.

**\*Hình tượng văn học:**

- Hình tượng văn học là một phương thức đặc thù trong phản ánh của văn chương. Hình tượng văn học vừa mang đặc trưng cụ thể, cá biệt vừa mang tính khái quát, vừa phải có tính thẩm mỹ cao. Thông qua các hình tượng văn học, nhà văn giúp con người nhận thức, khám phá đời sống, khái quát những vấn đề, những quy luật cơ bản của đời sống.

Ví dụ: Hình tượng Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ) là điển hình cho nỗi thống khổ của người phụ nữ trong xã hội trung đại. Hình tượng nhân vật ông Hai trong “ Làng”(Kim Lân) là điển hình cho người nông dân yêu làng, yêu nước...

- Hình tượng lôi cuốn người đọc trước hết phải đẹp, phải mang tính thẩm mĩ thật sự. Và nó phải chứa đựng nhiều nội dung đời sống và ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

**5. Chức năng của văn học**

**\* Khái niệm: Chức năng của văn học** là vai trò, tác dụng của văn học đối với đời sống xã hội; giá trị xã hội của văn học đối với đời sống tinh thần của con người.

**\* Phân loại:** Văn học có nhiều chức năng, trong đó, chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mỹ, chức năng giao tiếp là những chức năng cơ bản, quan trọng.

**- Chức năng nhận thức:** Văn học phản ánh cuộc sống và con người. Viết văn là một hoạt động nhận thức của nhà văn đối với thế giới và cũng là đối với bản thân mình. Tiếp nhận văn học là một cách tiếp thu những nhận thức ấy. Tác phẩm văn học có thể cung cấp cho người đọc những hiểu biết phong phú về lịch sử, địa lí, về văn hoá, xã hội, về phong tục, tập quán,… và quan trọng hơn là giúp họ khám phá những vấn đề xã hội, những bí ẩn trong đời sống tình cảm và tâm hồn của con người. Văn học cũng là một hình thức để tiếp cận chân lí.

Ví dụ: Ăng-ghen nhận xét khi đọc về tiểu thuyết của Ban-zắc – đó là giúp người đọc hiểu hơn về xã hội của nước Pháp.

**- Chức năng giáo dục của văn học**: Cũng là một trong những điều đặc biệt mà văn học mang lại. Sự giáo dục mà văn học mang lại không đơn thuần là những kiến thức sách vở mà đó là những bài học tác động đến tình cảm, cách ta nhìn nhận thế giới. Vì vậy, bên cạnh nhiều yếu tố khác, văn học chính là một trong những nhân tố giúp con người hình thành tam quan – thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan.

Văn học mang đến bài học giáo dục con người theo mỗi cách khác nhau. Điều đó phụ thuộc vào người đọc giải mã tác phẩm thế nào. Mỗi người có một cách đọc, một cách nhìn nhận và lí giải tác phẩm khác nhau. Nhà văn sẽ mã hóa thông điệp của mình vào một hình ảnh, một chi tiết hay một nhân vật nào đó trong tác phẩm của mình.

Ví dụ: Khi đọc “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, ta nhận thấy Nguyễn Du gửi gắm sự đồng cảm đối với những bất công ngang trái mà những người tài hoa bạc mệnh phải gánh chịu. Thúy Kiều là một cô gái tài sắc nhưng phải chịu số phận hẩm hiu không chỉ rời xa gia đình êm ấm, mối tình đầu dang dở nhưng nàng lại phải chịu đựng kiếp làm lẽ, bị người đời chà đạp. Đời một người con gái tài hoa cuối cùng lại chỉ đành “khép cửa phòng tu” mà thôi. Bởi lẽ trong một xã hội đầy bất công, thế lực đồng tiền lên ngôi thì con người có tài hoa mấy rồi cuối cùng chỉ dang dở mà thôi. Chính vì vậy đọc “Truyện Kiều”, ta không chỉ xót xa đồng cảm cho số phận của Kiều mà còn cảm thấy chán ghét bức bối trước xã hội thối nát; khâm phục tài sắc và cả nhân cách của Kiều...

**- Chức năng thẩm mĩ**: Đây là chức năng đặc trưng. Sự thưởng thức văn học nghệ thuật là một hoạt động tự nguyện, chủ yếu gắn với nhu cầu về cái đẹp, muốn vươn tới lí tưởng, vươn tới sự hoàn thiện. Văn học có nhiệm vụ thỏa mãn nhu cầu ấy thông qua sự phản ánh quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực khách quan, bồi dưỡng cho con người năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mỹ.

+ Mỗi người sẽ có định nghĩa khác nhau về cái đẹp, nên không có một thước đo chuẩn xác cho cái đẹp. Nhưng sự tác động của cái đẹp thì ta có thể thấy rõ và cảm nhận được. Cái đẹp xoa dịu tâm hồn, gạt bỏ mọi điều xấu xa chỉ để lại những gì thanh khiết trong tâm hồn con người. Chính nhờ có cái đẹp mà con người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc đời này, thấy cuộc sống có thêm ý nghĩa. Đó chính là chức năng đặc trưng của các loại hình nghệ thuật nói chung, của văn học nói riêng.

+ Cái đẹp của văn học đến từ cả hai phương diện hình thức và nội dung.

**- Chức năng giao tiếp**: Văn học cũng là một phương tiện giao tiếp. Nhà văn đặt bút sáng tác là để đáp ứng đòi hỏi bên trong bản thân mình về giãi bày, chia sẻ, trao đổi, đối thoại,… với người khác. Trong tác phẩm văn học, mỗi độc thoại, đối thoại giữa các nhân vật với nhau hoặc giữa nhà văn với nhân vật đều là những hình thức khác nhau của sự đối thoại của nhà văn với người đọc. Văn học còn là chiếc cầu nối người đọc với người đọc, một phương tiện liên kết xã hội, một hình thức tổ chức dư luận, tập hợp lực lượng.

Nhưng sự đối thoại giữa người đọc và tác giả lại được diễn ra gián tiếp thông qua tác phẩm. Nếu như nhà văn là người mang đứa con tinh thần của mình đến với người đọc thì người đọc lại chính là người mang lại hơi thở, sự sống cho tác phẩm. Và lời hồi đáp của người đọc dành cho tác giả chính là những nỗi niềm trân quý, sự rung lên trong tâm hồn và sự thay đổi của người đọc. Tất cả đều góp phần kiến tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn.

Ví dụ: Nguyễn Du từ cuối thế kỉ XVIII đã mong muốn đối thoại với độc giả hơn 300 năm sau: “*Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa/ Người đời ai khóc Tố Như chăng?”.*

Ngoài những chức năng cơ bản trên đây, văn học còn có chức năng khác như: chức năng thông báo, chức năng giải trí, chức năng kiến tạo,…

**\*Mối quan hệ giữa các chức năng:**

Bên cạnh việc chuyển tải nội dung thẩm mĩ, tác phẩm nghệ thuật còn tác động đến nhận thức của con người, đánh thức những tình cảm, cảm xúc, bản năng của con người, khơi dậy sức sống và niềm tin yêu, hi vọng vào thế giới ấy. Xét đến cùng, hành trình của một tác phẩm văn chương là hướng con người đến con đường CHÂN – THIỆN – MĨ. Do đó, một tác phẩm văn chương đích thực bao giờ cũng là sự hòa quyện của chức năng. Chức năng thẩm mỹ là đặc trưng của nghệ thuật. Chức năng giáo dục là nhiệm vụ của nghệ thuật. Chức năng nhận thức là bản chất của văn chương. Chức năng giao tiếp là nhu cầu của nhà văn và người đọc. Các chức năng của văn chương có quan hệ khăng khít và xuyên thấu vào nhau để cùng tác động vào con ngươi. Chức năng này đồng thời biểu hiện chức năng kia và ngược lại.

**6. Giá trị văn học**

**\* Khái niệm**: Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ văn học, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới con người và cuộc sống.

**\* Phân loại:** Giá trị cơ bản của văn học bao gồm:

**- Giá trị nhận thức**

+ Khái niệm: Khả năng của văn học có thể đáp ứng được yêu cầu của con người muốn hiểu biết rõ hơn, sâu hơn cuộc sống xung quanh và chính bản thân mình, từ đó tác động vào cuộc sống hiệu quả hơn.

+ Biểu hiện:

++ Văn học mang tới cho con người những nhận thức mới mẻ, sâu rộng về nhiều mặt của cuộc sống: tự nhiên, xã hội; quá khứ, hiện tại; các vùng miền, quốc gia, châu lục khác nhau…

++ Văn học giúp con người nhận thức về chính bản thân mình (tự nhận thức): mục đích tồn tại, tư tưởng, tình cảm, sức mạnh, khát vọng của con người…

**- Giá trị giáo dục**

+ Khái niệm: Khả năng văn học có thể làm thay đổi hoặc nâng cao tư tưởng, tình cảm của con nguời theo chiều hướng tích cực, tốt đẹp, tiến bộ đồng thời làm cho con người ngày càng hoàn thiện về đạo đức.

+ Biểu hiện:

++ Về tư tưởng: Văn học hình thành cho con người một lí tưởng tiến bộ, giúp con người có thái độ, quan điểm đúng đắn trước cuộc sống.

  ++ Về tình cảm: Văn học hình thành giúp con người biết yêu, ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn.

++ Về đạo đức: Văn học nâng đỡ nhân cách của con người, giúp phân biệt phải trái, tốt –xấu, đúng – sai, có quan hệ tốt đẹp, gắn bó cuộc sống của cá nhân với cuộc sống của mọi người.

**- Giá trị thẩm mĩ**

+ Khái niệm: Khả năng văn học có thể phát hiện và miêu tả vẻ đẹp của cuộc sống một cách sinh động, khiến con người có thể cảm nhận và biết rung động tinh tế, sâu sắc hơn trước vẻ đẹp đó.

+ Biểu hiện:

++ Văn học đem đến cho con người những vẻ đẹp muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời (thiên nhiên, đất nước, cuộc đời, lịch sử...).

++ Văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp con người từ hình thể tới tâm hồn.

++ Văn học khám phá những hình thức nghệ thuật phong phú, độc đáo để biểu hiện nội dung sáng tác.

**7**. **Nhà văn và phong cách văn học**

**\* Nhà văn:** Để trở thành một nhà văn cần có **tâm** và **tài** hơn người, cụ thể là:

+ Có tình cảm mãnh liệt;

+ Có tư tưởng tiến bộ, lớn lao;

+ Có óc quan sát tinh nhạy;

+ Có trí tưởng tượng phong phú;

+ Có vốn sống phong phú và sự gắn bó sâu sắc với đời sống;

+ Có năng lực ngôn ngữ giỏi, là bậc thầy ngôn từ…

**\* Phong cách văn học:**

- Khái niệm: Phong cách văn học (phong cách nghệ thuật) là nét riêng biệt, độc đáo của một tác giả trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, thể hiện trong tất cả các yếu tố nội dung và hình thức của từng tác phẩm cụ thể. Hay hiểu một cách đơn giản, *“Phong cách chính là người”* (Buy-phông), *“Người thơ phong vận như thơ ấy”*(Hàn Mặc Tử)*.*

- Phong cách văn học hình thành do nhu cầu của cuộc sống (văn học phản ánh đời sống mà dòng chảy của đời sống không lặp lại bao giờ); nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học, là điều quan trọng tạo nên tính hấp dẫn và sức sống của sáng tác (“*Cái bình thường là cái chết của nghệ thuật*” – Nguyễn Tuân).

- Qua phong cách văn học, ta nhận diện ra gương mặt tác giả, những điều không lặp lại ở người khác. Nhưng qua phong cách văn học, ta cũng nhận ra gương mặt chung của dân tộc, thời đại nhất định “*mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời****”*** (Tô Hoài). Như vậy, phong cách văn học mang tính dân tộc và tính thời đại.

- Những biểu hiện của phong cách văn học:

+ Cách nhìn, cách cảm thụ có tính chất khám phá; giọng điệu riêng của tác giả;

+ Sự sáng tạo các yếu tố thuộc nội dung tác phẩm: *lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, thể hiện hình ảnh, nhân vật, xác lập tứ thơ, triển khai cốt truyện*,…;

+ Hệ thống các phương thức biểu hiện, các thủ pháp kĩ thuật lưu lại đậm đặc cá tính sáng tạo*: ngôn ngữ, kết cấu, thể loại, cách kể chuyện, miêu tả ngoại hình, bộc lộ nội tâm*…

**8. Quá trình văn học**

- **Khái niệm**: Diễn tiến của văn học như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển qua các thời kì lịch sử được gọi là quá trình văn học. Như vậy quá trình văn học là sự vận động của văn học trong tổng thể.

- **Quá trình văn học gồm:**

+ Tất cả các tác phẩm văn học với chất lượng khác nhau;

+ Tất cả các hình thức tồn tại của văn học: truyền miệng, chép tay, in ấn;

+ Các thành tố của đời sống văn học: tác giả, người đọc, các hình thức hội đoàn, các hoạt động nghiên cứu, phê bình, dịch thuật, xuất bản;

+ Ảnh hưởng qua lại giữ văn học và các loại hình nghệ thuật, các hình thái ý thức xã hội khác…

- Sự vận động của quá trình văn học tuân theo những quy luật sau:

+ Quy luật văn học gắn bó với đời sống;

+ Quy luật kế thừa và cách tân;

+ Quy luật bảo lưu và tiếp biến.

**9. Tiếp nhận văn học**

**- Khái niệm**: Là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bởi ngôn từ, lắng nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo.

- **Tính chất tiếp nhận văn học:**

+ *Tính đa dạng, không thống nhất:* Cùng một tác phẩm nhưng cảm thụ và đánh giá của công chúng lại khác nhau. Dù vậy, người đọc cũng cần cố gắng để đạt tới một cách hiểu đúng về tác phẩm để tác phẩm tỏa sáng với đúng giá trị của nó.

+ *Tính chủ quan*: Sự tiếp nhận phụ thuộc vào cá nhân người đọc. Điều đó bị chi phối bởi lứa tuổi, tâm lý, tâm trạng, trình độ văn hóa.

+ *Tính khách quan*: Vì văn học phản ánh đời sống bằng hình tượng nhưng bao giờ hình tượng cũng có mã văn hóa, mẫu gốc; mỗi tác phẩm ra đời trong một hoàn cảnh cụ thể, xác định về xã hội, văn hóa nên buộc người đọc phải đặt tác phẩm trong hoàn cảnh ra đời; tác phẩm văn chương là một chỉnh thể nên phải đặt nó trong chỉnh thể

- **Các cấp độ tiếp nhận văn học**

+ Cách cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, trực tiếp của tác phẩm.

+ Cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy nội dung tư tưởng của tác phẩm.

+ Cảm thụ chú ý tới cả nội dung và hình thức biểu hiện của tác phẩm.

**- Mối quan hệ nhà văn – văn bản – bạn đọc:**

+ Nhà văn: người sáng tạo ra văn bản => thực hiện quá trình kí mã => Ý đồ nghệ thuật, cách lí giải của nhà văn về văn bản chỉ là một khả năng hiểu văn bản.

+ Bạn đọc: người tiếp nhận văn học => thực hiện quá trình giải mã.

+ Văn bản: là một bộ mã, có thể chấp nhận nhiều cách giải khác nhau nhưng phải phù hợp với các mã đã được nhà văn kí gửi.

Bạn đọc là người đánh giá tác phẩm và đồng sáng tạo với tác giả. Nếu tác giả tồn tại nhờ tác phẩm thì người đọc chính là người cấp “chứng minh thư” cho tác phẩm để tác phẩm và tác giả trở nên bất tử với cuộc đời.

Bởi vậy, khi tiếp nhận một tác phẩm, người đọc chỉ hứng thú khi tác phẩm đó thể hiện được cách nhìn mới, tô đậm được nét tính cách độc đáo của nhà văn trong đó. Những cái nhìn giống nhau, cách cảm nhận tương tự nhau sẽ bị người đọc quên lãng, đào thải.

=> Như vậy, để có được những tác phẩm có giá trị lay động được tới trái tim bạn đọc thì cần có một trái tim nóng bỏng, một tâm hồn nhạy cảm tinh tế; những gì viết ra cần phải xuất phát từ tình cảm chân thật sâu sắc. Muốn vậy trái tim người nghệ sĩ phải để ở giữa cuộc đời và vì cuộc đời.

Độc giả khi thẩm bình và hưởng thụ cái Đẹp của một tác phẩm văn học nói chung không nên nhìn vào kết cấu đồ sộ, dung lượng hoành tráng của câu từ để vội vàng đánh giá mà phải đi sâu tìm ra được cái mạch nguồn cảm xúc dạt dào mà sâu kín của người nghệ sĩ, nắm được cái hạt ngọc mà họ thai nghén gửi gắm. Có như thế mới có thể bước vào địa hạt của cái Đẹp.

**Quá trình sáng tạo**

**Nhà văn**

- Tâm

- Tài

**Cuộc sống**

- Hiện thực đời sống

- Con người

**Phong cách**

**Phong cách**

**Tác phẩm văn học**

- Nội dung

+ Đề tài, chủ đề

+ Tư tưởng

+ Cảm hứng nghệ thuật

- Hình thức

+ Kết cấu

+ Ngôn từ

+ Thể loại

**Văn bản văn học**

**- Nội dung**

+ Đề tài, chủ đề

+ Tư tưởng

+ Cảm hứng nghệ thuật

**- Hình thức**

+ Kết cấu

+ Ngôn từ

+ Thể loại

**Bạn đọc**

- Giải mã

- Kiến tạo

**Quá trình tiếp nhận**

**Giá trị văn học**

- Nhận thức

- Giáo dục

- Thẩm mỹ

**Chức năng văn học**

- Nhận thức

- Giáo dục

- Thẩm mỹ

- Giao tiếp

**Đặc trưng văn học**

- Nghệ thuật ngôn từ

-Phản ánh bằng hình tượng

- Tính sáng tạo

***Sơ đồ tóm tắt kiến thức lí luận chung về văn học***

**B. KĨ NĂNG LÀM DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC.**

**I. KĨ NĂNG XÁC ĐỊNH ĐỀ VÀ LẬP DÀN Ý**

**1. Ví dụ về dạng đề Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học**

- VD1.Đề thi HSG Ngữ văn lớp 9 năm học 2023 – 2024 của Hà Nội:

Bằng hiểu biết về văn học, em hãy bàn luận ý kiến sau:

“Một câu thơ hay nhất thiết phải tạo ra được nỗi ngạc nhiên cho người tiếp nhận . Tài năng và cống hiến của mỗi nhà thơ chính là ở chỗ đó.”

- VD2.Đề thi HSG Ngữ văn lớp 9 năm học 2023 – 2024 của tỉnh Hà Tĩnh:

*“Nếu cá tính nhà văn mờ nhạt, không tạo ra được tiếng nói riêng, giọng điệu riêng thì đó là một sự tự sát trong văn học.”*

(*Lý luận văn học*, Phương Lựu – Chủ biên, NXB Giáo dục, 2002, tr.2004)

Từ nội dung của ý kiến trên, em hãy viết bài văn nghị luận với chủ đề: Cá tính sáng tạo và tầm vóc của nhà văn.

- VD2. Đề thi HSG thành phố Hồ Chí Minh năm 2023:

**Đề.** *"Mỗi phút, mỗi lời tình cờ được nói ra và mỗi cái nhìn vô tình ta bắt gặp, mỗi ý nghĩ sâu sắc hoặc vui đùa, mỗi rung động thầm lặng của con tim, cũng như cả đến một bông xốp của hoa hướng dương đang bay hay lửa sao trong một vũng nước đêm - tất cả những cái đó đều là những hạt rất nhỏ của bụi vàng. Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn đãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt cát đó, lặng lẽ thu góp lại cho mình, biến chúng thành một hợp kim rồi từ hợp kim đó ta đánh "bông hồng vàng" của ta - truyện, tiểu thuyết hay là thơ...*

(Pautovsky, *Bụi quý*)

Chủ đề *Gọi đời vào trong chữ*và ý kiến trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa đời và chữ?

**2. Kỹ năng xác định đề và lập dàn ý**

**2.1. Kỹ năng xác định đề**

**- Bước 1.** Đọc và gạch chân các từ chìa khóa

**- Bước 2.** Xác định yêu cầu đề

+ Xác định dạng đề

+ Xác định vấn đề nghị luận (dựa vào vế câu, từ chìa khóa trong nhận định). Trả lời các câu hỏi:

++ Ý kiến đề cập đến trục nào trong ba trục: **nhà văn, tác phẩm, bạn đọc**?

++ Ý kiến đề cập đến **khía cạnh nào** trong trục đó?

++ Định hướng triển khai vấn đề nghị luận như thế nào?

+ Xác định thao tác lập luận

+ Xác định phạm vi kiến thức

**Bảng đối sánh giữa dạng đề nghị luận về một ý kiến với dạng đề mở**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Dạng đề nghị luận về một ý kiến bàn về văn học** | **Dạng đề nghị luận mở bàn về văn học** |
| Vấn đề nghị luận | - Đã được nêu trong ý kiến.  -> Cần **xác định chính xác** vấn đề được đặt ra trong ý kiến. | - Chưa được nêu trong đề bài.  -> **Tự đặt ra vấn đề nghị luận** cho bài viết |
| Thao tác lập luận | - Giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh. | - Căn cứ vào vấn đề nghị luận để lựa chọn và sắp xếp trình tự sử dụng các thao tác lập luận phù hợp. |
| Phạm vi kiến thức | - Căn cứ vào vấn đề nghị luận để lựa chọn kiến thức | - Căn cứ vào thông tin gợi ý trong đề bài để lựa chọn kiến thức |

**2.2. Kỹ năng lập dàn ý**

**- Bước 1. Nắm vững yêu cầu của từng dạng đề**

+Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học đòi hỏi phải hiểu biết cách giải thích, bình luận, chứng minh một vấn đề. Người viết phải đưa ra quan điểm của bản thân về ý kiến và chứng minh cho quan điểm đó một cách thuyết phục.

+ Nghị luận về một vấn đề mở của văn học đòi hỏi người viết phải biết tự đặt ra vấn đề nghị luận cụ thể, chính xác và phù hợp với những gợi ý của đề bài; biết tự đưa ra quan điểm của bản thân và chứng minh quan điểm của mình một cách thuyết phục.

**- Bước 2: Xác định chính xác đối tượng nghị luận**

+ Ở cả hai dạng đề đều cần xác định chính xác vấn đề cần bàn luận.

+ Cần đặt ra câu hỏi: Ý kiến (Vấn đề hướng tới) bàn về tác phẩm, tác giả hay là các phạm trù kiến thức về lí luận văn học như*: đặc trưng văn học, chức năng của văn học, đặc điểm của văn học, tiếp nhận văn học…*?

**- Bước 3. Lập dàn ý**

**+ Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận; trích dẫn ý kiến.

**+ Thân bài:** Triển khai vấn đề cần nghị luận.

**++ Giải thích** ý kiến: Trả lời câu hỏi **là gì?**

+++ Giải thích bộ phận (Giải thích từ, cụm từ then chốt).

+++ Giải thích tổng hợp (Khái quát vấn đề/ý nghĩa cuả cả ý kiến)

**++ Bàn luận**: Trả lời câu hỏi **Vì sao?** Cách lí giải: quay về bám sát vấn đề lí luận đã được trang bị liên quan đến đơn vị kiến thức được đề cập trong đề để lí giải.

**++ Chứng minh**: Chọn dẫn chứng phù hợp để phân tích, chứng minh làm sáng tỏ vấn đề. Khi chọn được dẫn chứng để chứng minh cần:

+++ Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

+++ Phân tích theo luận điểm được gợi ra từ ý kiến.

+++ Đánh giá về tác phẩm vừa phân tích, chứng minh.

**++ Đánh giá, mở rộng**:

+++ Khẳng định **tính đúng đắn** của ý kiến; **bổ sung, phản biện** lại vấn đề (nếu có).

**+++** Rút ra **bài học** cho **nhà văn** trong quá trình sáng tác và **bạn đọc** trong quá trình tiếp nhận.

**+ Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề.

**Lưu ý**: Trong quá trình viết, người viết luôn phải có ý thức **vận dụng kiến thức lí luận văn học**, **mở rộng dẫn chứng** để bài viết thêm sâu sắc.

**II. KĨ NĂNG VIẾT MỞ BÀI, KẾT BÀI HAY**

**3.1. Mở bài**

\* **Yêu cầu:** ngắn ngọn - đầy đủ - độc đáo - tự nhiên.

\* **Cách mở bài:**

- Cách trực tiếp: Đi thẳng vào vấn đề nghị luận.

- Cách gián tiếp: Dẫn dắt những nội dung liên quan, rồi giới thiệu đến yêu cầu của đề bài (vấn đề cần nghị luận). Gồm các cách mở bài gián tiếp sau:

+ ***Mở bài bằng tương liên***: Nêu một ý/hình ảnh giống như vấn đề cần nghị luận rồi bắt vào vấn đề đó.

+ ***MB bằng đối lập***: Nêu một ý trái ngược với nội dung NL cần bàn rồi bắt vào vấn đề NL.

***+ Mở bài bằng đặt câu hỏi***:Người viết hình dung điều mình băn khoăn muốn biết và thể hiện điều đó dưới hình thức của một câu hỏi để dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận.

***+ Mở bài bằng một nhận định/ý kiến khác về văn học có liên quan:*** Tìm một nhận định/ý kiến về văn học có điểm tương đồng hoặc gần gũi với vấn đề cần bàn luận để dẫn dắt làm tăng tính hấp dẫn cho mở bài. Tránh dẫn dắt, lắp ghép một cách cơ học, thiếu tự nhiên…

**Ví dụ:**

**Đề bài:** Bằng trải nghiệm văn học, hãy chứng minh ý kiến: *“Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm*” (Pauxtopxki).

HS có thể mở bài như sau:

- ***Mở bài trực tiếp***:  Chi tiết nghệ thuật chính là những yếu tố nhỏ lẻ nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng của nhà văn. Chi tiết không chỉ là yếu tố cấu thành nên tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời.  Bàn về vai trò của chi tiết nghệ thuật, Pauxtopxki đã khẳng định: *“Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm”.*

***- Mở bài bằng tương liên***: Một sợi tóc, một lóng móng tay, khoa học có thể xác định quan hệ huyết thống để ta thấy được sự bền vững của giống dòng và sự thiêng liêng nguồn cội; áp vỏ ốc biển vào tai, ta có thể nghe cả đại dương sóng vỗ. Mới hay, cái nhỏ bé ở đời nhiều khi lại chứa bao điều to lớn. Chi tiết trong trong tác phẩm văn học cũng vậy. Một bài thơ hay, một áng văn đặc sắc phải là nơi cất giấu được nhiều chi tiết giá trị. Đúng như ý kiến của Pauxtopxki: *“Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm”.*

***- Mở bài bằng đối lập:*** Người ta hay bị choáng ngợp bởi những thiên sử thi đồ sộ mấy nghìn trang, mấy trăm nhân vật. Người ta cũng dễ bị hấp dẫn bởi những hình tượng chói loà, kì vĩ mang vóc tầm vũ trụ. Còn tôi, đọc một áng thơ hay áng văn xuôi, tôi lại hay bị ấn tượng bởi những chi tiết bé nhỏ như mảy “bụi vàng” mà góp phần không nhỏ làm nên “bông hồng vàng” tác phẩm. Đúng như ý kiến của Pauxtopxki: *“Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm”.*

- ***Mở bài bằng đặt câu hỏi:*** Đã bao lần tôi băn khoăn tự hỏi: Điều gì khiến mỗi tác phẩm mang hình hài một chiếc lá, thả mình theo dòng chảy miên viễn của thời gian? Một cốt truyện li kì hấp dẫn? Một vần thơ sâu thẳm tự tâm hồn? Đôi khi làm nên giá trị của một tác phẩm văn học chỉ đơn giản ở những chi tiết nhỏ bé mà có sức chứa lớn. Đúng như ý kiến của Pauxtopxki: *“Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm”.*

***- Mở bài bằng nhận định/ý kiến về văn học có liên quan:*** Pautopxki từng nói: "Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp." Thiết nghĩ, với họ, đó không chỉ là niềm vui mà còn là sứ mệnh vô cùng cao cả, thiêng liêng. Họ đã nỗ lực hoàn thành sứ mệnh ấy trong những sáng tác văn chương giàu giá trị. Không cần phải là những điều to tát, lớn lao, đôi khi làm nên giá trị của một tác phẩm văn học chỉ đơn giản ở những chi tiết nhỏ bé mà có sức chứa lớn. Bởi thế, cũng chính Pauxtopxki đã khẳng định: *“Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm”.*

**3.2. Kết bài**

\* **Yêu cầu:** Tóm được những nội dung cốt lõi của bài viết, đọng lại những dư âm cho người đọc.

\* **Cách kết bài:**

Có thể kết bài theo các cách sau:

- Tóm lược vấn đề: Khái quát lại các nội dung đã trình bày ở phần thân bài.

- Phát triển vấn đề: Người viết mở rộng thêm vấn đề đã đặt ra trong bài.

- Phối hợp: Người viết khái quát lại các nội dung đã trình bày ở phần thân bài, đồng thời mở rộng thêm vấn đề.

**III. KĨ NĂNG SỬ DỤNG KIẾN THỨC LÍ LUẬN HIỆU QUẢ TRONG BÀI VĂN**

**4.1. Nguyên tắc vận dụng kiến thức lí luận trong quá trình viết văn**

**Bảng 05 nguyên tắc quan trọng khi vận dụng kiến thức lí luận văn học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nguyên tắc** | **Yêu cầu** |
| 1 | **Hai thao tác** quan trọng: khái quát hóa, cụ thể hóa vấn đề nghị luận | - Với các đề diễn đạt một cách trừu tượng, ta cần **cụ thể hóa** vấn đề nghị luận thành các biểu hiện cụ thể.  - Với các đề trích dẫn đoạn văn dài, ta cần **khái quát hóa** vấn đề nghị luận bằng cách xác định nội dung chính của đoạn văn và hệ thống ý phụ. Nội dung chính sẽ là vấn đề cần nghị luận. Hệ thống ý phụ sẽ là các luận điểm cần làm rõ. |
| 2 | Kiến thức lí luận văn học phải **liên kết** với vấn đề nghị luận | Kiến thức lí luận được học cung cấp cho ta tiền đề lập luận. Ta cần tạo ra kết luận. Chú ý các kết luận phải liên kết chặt chẽ với vấn đề nghị luận.  **Mô hình:** Tiền đề (kiến thức lí luận văn học) 🡪 Kết luận 🡪 Hướng về vấn đề nghị luận |
| 3 | Chú ý các **trục quy chiếu**: Nhà văn – tác phẩm – bạn đọc | Trên thực tế, các kiến thức lí luận ở các chủ đề đều có mối liên hệ với nhau và để giải quyết thấu đáo yêu cầu của đề bài, ta cần tổng hợp kiến thức ở các chủ đề khác nhau.  Để huy động được những kiến thức lí luận cần thiết, cần luôn nhớ **3 trục quy chiếu** quan trọng là: nhà văn – tác phẩm – bạn đọc.  (**Xem mục 4.2)** |
| 4 | Chú ý đến các **cặp phạm trù** của lí luận văn học: | - Các vấn đề lí luận văn học luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Nếu đề bài chỉ nhắc đến một yếu tố trong cặp phạm trù, ta cần bổ sung thêm yếu tố còn lại:  - Các cặp phạm trù của lí luận văn học luôn đi liền với nhau khi phân tích:   * Tư tưởng – Tình cảm (nhà văn) * Nội dung – Hình thức (tác phẩm) * Phản ánh hiện thực – Sáng tạo (quá trình sáng tác) * Cái Tâm – Cái Tài (nhà văn) * Cái mới mẻ - Cái ổn định (phong cách nghệ thuật) * Tính cụ thể - Tính khái quát (hình tượng văn học) * Tạo hình – Biểu hiện (hình tượng văn học) * Sáng tạo - Đồng sáng tạo (quá trình tiếp nhận) |
| 5 | Tạo **tính hùng biện** cho kiến thức lí luận văn học | Những kiến thức lí luận ta được học là ngôn ngữ khoa học, phi cá thể và không cảm xúc. Nhưng bài ta viết là nghị luận. Vì thế ta cần tạo âm hưởng hùng biện cho bài viết để tăng tính thuyết phục: có thể trích dẫn danh ngôn, sử dụng cấu trúc phủ định để khẳng định, cấu trúc nghi vấn, vận dụng cách hành văn giàu hình ảnh,… |

**4.2. Ba trục quy chiếu quan trọng đó là: Nhà văn – tác phẩm – bạn đọc**

| **Trục** | **Kiến thức lí luận văn học liên quan** | **Trả lời cho các câu hỏi** |
| --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | - Đặc trưng văn học  - Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tpvh  - Chức năng văn học  - Giá trị văn học  - Đặc trưng thể loại | *- Văn học có những quy luật nào? Những quy luật ấy có liên quan gì đến vấn đề cần bàn?*  *- Sức mạnh của văn chương là gì? Văn học tác động đến con người như thế nào? Những điều ấy liên quan gì đến vấn đề cần bàn?*  *- Tác phẩm thuộc thể loại nào? Có những đặc trưng quan trọng nào?* |
| **Nhà văn** | - Cái tâm và cái tài  - Phong cách văn học | *Quá trình sáng tác đòi hỏi điều gì ở nhà văn? Nhà văn muốn khẳng định được mình thì phải cần những điều kiện nào? Những điều ấy liên quan gì đến vấn đề cần bàn?* |
| **Bạn đọc** | - Quá trình tiếp nhận văn học | *- Bạn đọc mong chờ điều gì khi tìm đến tác phẩm văn học? Làm thế nào để tác phẩm có thể ghi dấu trong tâm hồn độc giả? Những điều ấy có liên quan gì đến vấn đề cần bàn?*  *- Quá trình tiếp nhận có những đặc điểm gì? Những đặc điểm ấy liên quan gì đến vấn đề cần bàn?* |

**4.3. Vị trí và các cách viết có sử dụng kiến thức lí luận**

- Sử dụng kiến thức lí luận văn học cho **đoạn văn mở bài**.

**Ví dụ với đề bài:** Bàn về nhà thơ, Lê Đạt tâm sự: “Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ”.

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm về thơ ca, hãy làm sáng tỏ *hành trình tìm hạt chữ của các nhà thơ.*

**Mở bài như sau:**

“Cái trang mơ ước một đời

chưa với tới

dần xa”

(Chế Lan Viên)

Ngày dấn thân vào địa hạt sáng tạo, người viết có lẽ đã mang theo bên mình bao nhiêu tham vọng lớn, bởi lẽ "Văn chương không cần những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có..."  Thế nhưng cái trang mơ ước một đời ấy, đâu phải người nghệ sĩ nào cũng dễ dàng dệt lên? Có những giây phút, người nghệ sĩ cảm thấy, hơn ai hết, chính mình lại bất lực với bút lực và thân thể mình. Quá trình sáng tạo ấy đầy gian nan. Phải chăng vì thế mà khi bàn về nhà thơ, Lê Đạt tâm sự: “Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ”. Cảm động trước hành trình đi tìm hạt chữ của các nhà thơ, ta càng chiêm nghiệm sâu sắc những điều mà Lê Đạt gửi gắm.

- Sử dụng kiến thức lí luận văn học cho **đoạn văn giải thích ý kiến**

**Ví dụ (cũng với đề bài):** Bàn về nhà thơ, Lê Đạt tâm sự: “Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ”.

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm về thơ ca, hãy làm sáng tỏ *hành trình tìm hạt chữ của các nhà thơ.*

**Đoạn văn giải thích ý kiến như sau:**

“Những nhà thơ thần đồng” là những nhà thơ có tài năng xuất chúng, thiên phú. “Một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền, bát mồ hôi, cánh đồng chữ, hạt chữ” là những hình ảnh ẩn dụ gợi về quá trình lao động nhọc nhằn, vất vả của nhà thơ. Nhà thơ phải bỏ công sức, thời gian, trí tuệ để lao động tìm tòi và sáng tạo trên từng trang giấy. Nhận định đã khẳng định quá trình lao động nghệ thuật để sáng tạo nên “hạt chữ” là quá trình nhọc nhằn vất vả như “con ong biến trăm hoa thành mật ngọt”. Và sức hấp dẫn với Lê Đạt không phải là tài năng của một nhà thơ thần đồng mà chính là quá trình lao động cần mẫn của người phu chữ. “Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi/ Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang” (Chế Lan Viên). Bởi lẽ, văn học là loại hình nghệ thuật ngôn từ, là quá trình lao động bằng ngôn từ, lao động trong sự giày vò của con chữ để mỗi dòng, mỗi chữ viết ra đều được chắt lọc tinh tế, độc đáo, đủ sức thuyết phục lòng người và lắng đọng lại với thời gian. Sáng tác văn chương là hành trình âm thầm, lặng lẽ không ngừng dấn thân. Nhà văn phải ngụp lặn trong muối mặn, phù sa, hương sắc cuộc đời để tìm ra chất vàng mà gửi vào trang sách, thậm chí phải chắt lọc từ nỗi đau của chính mình để tạo nên những hạt ngọc, hạt chữ trên trang giấy mà tôi và bạn hằng ngày vẫn đang thưởng thức.

- Sử dụng kiến thức lí luận văn học để **dẫn dắt vào phân tích, tiểu kết luận điểm**

**Ví dụ** **với đề bài:** Trong *Đến với thơ hay*, Lê Trí Viễn cho rằng: *Vào thơ hay, dù là điệu kiên cường hay làn êm ái, đều là vào thế giới của cái đẹp*

Anh (Chị) hiểu ý kiến trên như thế nào ? Bằng những hiểu biết về thơ ca, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Dẫn dắt vào phân tích luận điểm “Những làn êm ái trong những bài thơ cũng đều là thế giới của cái đẹp” như sau:**

[*“Một câu thơ hay là một câu thơ giàu sức gợi”*](https://theki.vn/cau-tho-hay-la-cau-tho-giau-suc-goi-luu-trong-lu/) (Lưu Trọng Lư). Hay nói cách khác một bài *“thơ hay”* là bài thơ phải kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp nội dung và vẻ đẹp đăc sắc nghệ thuật. Không chỉ có những “điệu kiên cường” mà những “làn êm ái” cũng đều là chiếc cầu nối đồng điệu giữa tâm hồn độc giả với tiếng nói trái tim của người nghệ sĩ, để rồi, qua đó, người đọc bước vào “thế giới của cái đẹp”, cái đẹp về tư tưởng, tình cảm, cái đẹp về nội dung và hình thức nghệ thuật được tác giả gửi gắm qua bài thơ.

- Sử dụng kiến thức lí luận cho **đoạn văn đánh giá**

**Ví dụ** **với đề bài:** Bàn về truyện ngắn, Nguyễn Kiên cho rằng: *Một truyện ngắn hay vừa là chứng tích của một thời vừa là hiện thân cho chân lý giản dị của mọi thời.*

Bằng trải nghiệm về truyện ngắn của anh/chị, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Đoạn văn đánh giá như sau:**

Tôi và bạn đều có thể thấy ý kiến của Nguyễn Kiên là hoàn toàn đúng đắn. Nguyễn Kiên đã khẳng định giá trị, vẻ đẹp, sức sống của thể loại truyện ngắn ở phương diện nội dung tư tưởng. Bởi lẽ, đối tượng phản ánh của văn học là hiện thực đời sống. Hiện thực xã hội là mảnh đất của văn chương, là cội rễ làm nên tính chân thực, tính đúng đắn, tính thực tế của tác phẩm văn học. “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi và trả lời những câu hỏi đó”. Ý kiến của Nguyễn Kiên cũng đưa ra bài học cho quá trình sáng tác và tiếp nhận văn học. Nhà văn phải là “Người thư kí trung thành của thời đại”, phải hiểu đời, hiểu người, phải biết đào sâu vào những vấn đề của nhân sinh, phải “có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời” và người đọc cũng phải biết trân trọng những giá trị chân, thiện, mỹ của văn chương, phải dùng lòng ta để hiểu lòng người, tạo nên quá trình đồng sáng tạo với người nghệ sĩ.

- Sử dụng kiến thức lí luận cho đoạn văn **kết bài**.

**Ví dụ (cũng** **với đề bài):** Bàn về truyện ngắn, Nguyễn Kiên cho rằng: *Một truyện ngắn hay vừa là chứng tích của một thời vừa là hiện thân cho chân lý giản dị của mọi thời.*

Bằng trải nghiệm về truyện ngắn của anh/chị, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Đoạn văn kết bài như sau:**

Dẫu yêu biết bao những cây chà là tươi xanh giữa thiên nhiên rộng lớn, nhưng ta vẫn luôn trân trọng những chà là kiên cường, mạnh mẽ giữa sa mạc gió đời. Thứ văn chương chân chính “đáng tôn thờ” phải là thứ văn chương “chuyên chú ở con người”, vì con người, phải là thứ văn chương “vừa là chứng tích của một thời vừa là hiện thân cho chân lý giản dị của mọi thời”. Có như thế, văn chương mới vượt lên trên quy luật băng hoại của thời gian và sống vĩnh cửu, trường tồn cùng nhân loại.

**4.4. Một số ý kiến/ nhận định lí luận văn học hay**

|  |
| --- |
| * **Mối quan hệ văn học và đời sống, vai trò của văn học:**  1. Tô Hoài cho rằng: *“Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời”.* 2. *Văn học không chỉ là văn chương mà thực chất  là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có. Cuộc đời là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học.* 3. Nam Cao viết: “*Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than*.” 4. Nhà phê bình người Nga Bê-lin-xki viết: “*Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó*” 5. *Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính con người cho con người. Cái cốt lỗi của nghệ thuật là tính nhân bản*. (Nguyên Ngọc) 6. Sêđrin đã từng nói: “Nghệ thuật nằm ngoài quy luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”.   **…** |
| * **Phong cách và cá tính sáng tạo của nhà văn:**  1. “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình”. 2. Marcell Proust quan niệm: *“Thế giới được tạo lập không phải một lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập”.*   Hay “*Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới”.*   1. Hoài Thanh cho rằng: “*Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này, nhưng thế giới này trong con mắt nhà văn phải có một hình sắc riêng”*. 2. Nhà văn Nga Tuốc –ghê – nhép nói: “*Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của mình, là cái giọng riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác”.* 3. Nam Cao viết: “*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu văn mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có”*. 4. *“Văn học của cả dân tộc giống như một cây đàn và mỗi nhà văn giống như một sợi dây. Trên cây đàn có những cung bậc riêng, âm điệu riêng nhưng chúng hợp lại tạo nên một giai điệu chung”*.   ...   * **Tình cảm của người nghệ sĩ:**  1. “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy.  Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật” (Theo Nguyễn Khải) 2. *“Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy*” (Sê-khốp) 3. “Người nghệ sĩ không thể lạnh lùng khi sáng tạo. Khi viết, máu phải sôi lên” (Sô-lô-khốp) 4. “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài” (Nguyễn Du) |

**C. THỰC HÀNH ĐỀ**

**I. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ ĐẶC TRƯNG, CHỨC NĂNG, VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC**

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 01**  Trong tiểu luận *Chữ bầu lên nhà thơ*, Lê Đạt có viết:  *“Có lẽ vì vậy mà tôi rất ủng hộ lời phát biểu của một nhà thơ Pháp, gốc Do Thái Ét-mông Gia-bét: Chữ bầu lên nhà thơ. Gia-bét muốn nói rằng không có chức nhà thơ suốt đời. Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ lại phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.”*  Nếu Lê Đạt đề cao vai trò của *chữ* trong quá trình sáng tác của nhà thơ, thì anh/chị đề cao yếu tố nghệ thuật nào của thơ ca?  Hãy làm sáng tỏ yếu tố nghệ thuật đó qua bài thơ *Dịch chuyển* của Nguyễn Phan Quế Mai:  *Là một cái cây đang trổ hoa*  *Tôi tự bứng mình lên Khỏi người thân, bạn bè, tiếng nói Trơ trọi Tôi rụng lá giữa không trung*  *Tôi lướt qua đại dương Sâu thẳm con sóng mang tên sợ hãi Tất cả ào ạt muốn nhấn chìm tôi Tất cả muốn xoá tan tôi*  *Tôi trồng tôi xuống những người xa lạ Mảnh vườn mới đẩy tôi lên Những chiếc rễ của tôi tứa máu Tôi đơn độc giữa những tiếng chim Tôi trơ trụi giữa thẳm xanh*  *Tôi tung mình khỏi sự ì ạch Tôi trút lá khỏi những cũ kỹ Tôi rũ mình khỏi mọi thói quen*  *Tôi mở từng tế bào cây Tôi uống từng tiếng chim Tôi ăn từng ngọn gió Tôi chập chững nảy mầm*  *Tôi rùng mình trổ hoa Tôi đậu quả từ những chiếc rễ tứa máu*  *Tôi là một cái cây tự bứng mình lên* |

**GỢI Ý**

**1. Xác định yêu cầu đề**

- Vấn đề nghị luận:

+ Xác định lệnh hỏi chứa vấn đề nghị luận: “anh/chị đề cao *yếu tố nghệ thuật* nào của *thơ* ca?”

+ Trả lời các câu hỏi:

++ Ý kiến bàn về trục nào? => Trục **tác phẩm văn học, thể loại thơ ca**

++ Ý kiến đề cập đến khía cạnh nào của trục đó? => Khía cạnh: **nghệ thuật**

++ Định hướng triển khai vấn đề nghị luận như thế nào? => **2 ý chính**

+++ Bày tỏ quan điểm của bản thân: Cần nêu rõ yếu tố về hình thức nghệ thuật của thơ mà bản thân đề cao nhất. VD như: Yếu tố về nhịp điệu, hình ảnh,...

> Trường hợp 1: Có cùng quan điểm với Lê Đạt, đề cao vai trò của ngôn ngữ trong quá trình sáng tác thơ ca.

> Trường hợp 2. Đồng tình một phần với Lê Đạt. Ngôn ngữ là yếu tố quan trọng trong quá trình sáng tác, song quan điểm của cá nhân thì cho rằng: “A” là yếu tố nghệ thuật quan trọng của nhất. (“A” là yếu tố nghệ thuật mà cá nhận lựa chọn).

+++ Chứng minh quan điểm của cá nhân qua một bài thơ.

- Thao tác lập luận: Giải thích, bình luận, phân tích, chứng minh, so sánh.

- Phạm vi kiến thức: Bài thơ *Dịch chuyển* của Nguyễn Phan Quế Mai

**2. Lập dàn ý**

**a. Mở bài:** Nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến

**b. Thân bài**

**\* Giải thích, bàn luận ý kiến của Lê Đạt**

**-** “Chữ bầu lên nhà thơ” có nghĩa là ngôn từ có vai trò quan trọng trong việc làm nên giá trị của bài thơ, hình thành phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

- Lê Đạt đã đề cao vai trò quan trọng nhất trong quá trình sáng tạo thơ ca là ngôn từ.

- Ý kiến đó hoàn toàn đúng đắn, bởi:

+ Ngôn ngữ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong thơ ca. Đó vừa là tiếng nói chân thực, giàu có của đời sống hiện thực, vừa là tiếng nói bay bổng của trí tưởng tượng diệu kỳ, lại vừa là tiếng nói tình cảm của con tim đang xúc động. Ngôn ngữ thơ ca không chỉ là sự biểu hiện tập trung nhất tính hàm súc, mỹ lệ, phong phú của ngôn ngữ mà ngôn ngữ thơ ca còn làm nên con người, phong cách của nhà thơ.

+ Quá trình sáng tác thơ ca là quá trình lao động bằng ngôn từ, lao động trong sự giày vò của con chữ để mỗi dòng, mỗi chữ viết ra đều được chắt lọc tinh tế, độc đáo có khả năng thuyết phục lòng người, lắng đọng lại với thời gian.

**\* Bày tỏ quan điểm cá nhân.** Chọn một trong hai trường hợp sau:

**- Trường hợp 1:** Có cùng quan điểm với Lê Đạt, đề cao vai trò của ngôn ngữ trong quá trình sáng tác thơ ca.

**- Trường hợp 2.**

+ Đồng tình một phần với Lê Đạt. Ngôn ngữ là yếu tố quan trọng trong quá trình sáng tác, song quan điểm của cá nhân thì cho rằng: “A” là yếu tố nghệ thuật quan trọng của nhất. (“A” là yếu tố nghệ thuật mà cá nhận lựa chọn).

**+** Trả lời câu hỏi: Vì sao cho rằng “A là yếu tố nghệ thuật quan trọng nhất của thơ ca”?

**\* Chứng minh**

**- Trường hợp 1.** Chọn 01 bài thơ tâm đắc nhất với bản thân và chứng minh “vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong thơ ca” qua bài thơ đó.

**- Trường hợp 2.** Chọn 01 bài thơ tâm đắc nhất với bản thân và chứng minh “A là yếu tố nghệ thuật quan trọng nhất của thơ ca”.

**\* Đánh giá**

**- Trường hợp 1:**

+Bàn luận lại ý kiến của Lê Đạt: Khẳng định vai trò của ngôn từ

+ Mở rộng vấn đề: Lê Đạt khẳng định vai trò quan trọng của ngôn từ nhưng không đồng nghĩa với việc phủ nhận vai trò quan trọng của các yếu tố về hình thức nghệ thuật khác của thơ ca như: hình ảnh, nhịp điệu. Bài thơ hay phải là bài thơ có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố về hình thức, cũng như có sự gắn kết giữa nội dung và hình thức nghệ thuật “Tác phẩm nghệ thuật phải là một khám phá về nội dung và một phát minh về hình thức”

**+** Rút ra bài học trong quá trình sáng tác và tiếp nhận văn học.

**- Trường hợp 2:**

+ Bàn luận ý kiến cá nhân đã đưa ra: Khẳng định vai trò của yếu tố A trong thơ ca

+ Mở rộng vấn đề: Đề cao vai trò của yếu tố A nhưng không đồng nghĩa với việc phủ nhận vai trò của ngôn từ cùng các yếu tố hình thức nghệ thuật khác của thơ ca. Bài thơ hay phải là bài thơ có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố về hình thức, cũng như có sự gắn kết giữa nội dung và hình thức nghệ thuật “Tác phẩm nghệ thuật phải là một khám phá về nội dung và một phát minh về hình thức”

**+** Rút ra bài học trong quá trình sáng tác và tiếp nhận văn học.

**c. Kết bài:** Khẳng định sức sống của thơ ca. Thơ ca đưa ta đến với cái đẹp của cuộc sống và cái đẹp trong tâm hồn con người.

**3. Viết bài hoàn chỉnh**

“Thơ, đong từng ngao nhưng tát bể

Là cái cân nhỏ xíu lại cân đời”

(Chế Lan Viên)

Thật vậy! Quá trình sáng tạo thơ ca đâu dễ dàng. Phải cân đo đong đếm! Viết câu này, chèn chữ kia! Không được thừa nhưng cũng chẳng được thiếu. Chính vì thế, Lê Đạt đã từng viết trong tiểu luận *“Chữ bầu lên nhà thơ”* rằng: “Có lẽ vì vậy mà tôi rất ủng hộ lời phát biểu của một nhà thơ Pháp, gốc Do Thái Ét-mông Gia-bét: *Chữ bầu lên nhà thơ.* Gia-bét muốn nói rằng không có chức nhà thơ suốt đời. Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ lại phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.” “Chữ” của thơ chắc chắn là yếu tố quan trọng trong quá trình sáng tác thơ ca. Song liệu rằng, “chữ” có là yếu tố quan trọng nhất? Cá nhân tôi lại đề cao nhịp điệu của thơ ca. Và khi đọc bài thơ “Dịch chuyển” của Nguyễn Phan Quế Mai, tôi càng nhận thấy vai trò quan trọng của nhịp điệu trong thơ.

Chúng ta đều đã biết, thơ là một hình thức sáng tác văn học đầu tiên của loài người. Thơ ca đã đồng hành cùng cuộc sống con người từ thuở bình minh của những nền văn hóa. Nó là những sợi tơ rút ra từ cuộc sống và quay trở lại trang điểm cho cuộc sống bằng vẻ đẹp muôn màu của nó. Thơ ca nói riêng và văn chương nói chung chính là một loại hình nghệ thuật bằng ngôn từ. Quá trình sáng tác thơ ca là quá trình lao động bằng ngôn từ, lao động trong sự giày vò của con chữ để mỗi dòng, mỗi chữ viết ra đều được chắt lọc tinh tế, độc đáo có khả năng thuyết phục lòng người, lắng đọng lại với thời gian. Hành trình của những người phu chữ ấy âm thầm, lặng lẽ. Họ phải ngụp lặn trong muối mặn, phù sa của cuộc đời, thâm chí phải chắt lọc từ nỗi đau để tìm ra chất vàng mà gửi vào trang sách. Chính vì thế mà Lê Đạt đã khẳng định vai trò quan trọng của ngôn từ, con chữ trong quá trình sáng tác thơ ca. Lê Đạt cho rằng “Chữ bầu lên nhà thơ”, cũng như để giữ được “chức danh nhà thơ”, mỗi lần sáng tác người làm thơ lại phải “ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ”. Tôi cho rằng, ý kiến của Lê Đạt hoàn toàn chính xác. Bởi lẽ, ngôn ngữ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong thơ ca. Đó vừa là tiếng nói chân thực, giàu có của đời sống hiện thực, vừa là tiếng nói bay bổng của trí tưởng tượng diệu kỳ, lại vừa là tiếng nói tình cảm của con tim đang xúc động. Ngôn ngữ thơ ca không chỉ là sự biểu hiện tập trung nhất tính hàm súc, mỹ lệ, phong phú của ngôn ngữ mà ngôn ngữ thơ ca còn làm nên con người, phong cách của nhà thơ: “Người thơ phong vận như thơ ấy”. Nhưng liệu rằng: ngôn ngữ thơ có phải là yếu tố quan trọng nhất của tác phẩm thơ ca? Maiakopxki từng cho rằng: “Nhịp điệu là sức mạnh cơ bản, năng lực cơ bản của câu thơ”. Nhịp điệu của thơ ca có sức chiếm lĩnh và lôi cuốn mạnh mẽ. Đó là nhịp điệu của đời sống trong tiếng nói sâu xa nhất của tâm hồn. Nếu không có nhịp điệu, người đọc không thể nhận thức đúng về nội dung ý nghĩa của con chữ, câu từ. Nhịp điệu không chỉ tạo ra những khoảng dừng cho câu thơ, không chỉ góp phần tạo nên âm điệu, giọng điệu bài thơ mà còn thể hiện mạch cảm xúc của nhà thơ cũng như để diễn đạt nội dung thẩm mỹ. Vì thế mà, tôi đề cao yếu tố nhịp điệu trong thơ ca. “*Nhịp điệu trở thành ngôn ngữ đặc biệt của thơ, nó biểu hiện được bao ý tình mà từ ngữ không thể nói hết được. Nhịp điệu - một khi được cảm xúc hoá, cá tính hoá sẽ mài sắc cảm nhận, cảm giác của người đọc. Đọc bài thơ giàu tính nhạc, người đọc như được sống trong cảm giác mới mà trước đó chưa từng biết*” (Trần Thiện Khanh). Và có lẽ, Nguyễn Phan Quế Mai cũng là nhà thơ luôn đề cao yếu tố nhịp điệu của thơ ca. Cho nên, những vần thơ của nữ thi sĩ luôn ngập tràn nhịp điệu. Đó không chỉ là những nhịp điệu bên ngoài, được biểu hiện bằng những hình thức cụ thể mà đó còn là nhịp điệu bên trong của tâm hồn.

Nguyễn Phan Quế Mai thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ của Việt Nam, và là một nhà thơ có quan điểm sáng tác tiến bộ. Nữ thi sĩ từng nói: “Tôi nghĩ văn học có sức mạnh hòa giải. Ngôn từ có thể giúp ta thấu hiểu và cảm thông với những người có trải nghiệm khác với chúng ta”. Bài thơ “Dịch chuyển” chính là những tiếng lòng của nhà thơ khi thay lời những người di cư nói lên trải nghiệm của họ trên hành trình đầy gian nan ấy.

Có người từng nói “Một bài thơ hay, một ca khúc hay, khi nội dung ta còn chưa nắm rõ thì nhịp điệu đã xâm nhập hồn ta tự bao giờ”. Bài thơ “Dịch chuyển” của Quế Mai đã xâm nhập tâm hồn tôi ngay cả khi tôi chưa kịp hiểu những điều nhà thơ gửi gắm. Đó chính là bởi nhịp điệu của nó. Trước tiên, đó là thứ nhịp điệu bên ngoài được tạo nên từ những yếu tố hình thức cụ thể.

*Là một cái cây đang trổ hoa*

*Tôi tự bứng lên*

*Khỏi người thân, bạn bè, tiếng nói*

*Trơ trọi*

*Tôi rụng lá giữa không trung*

Dấu câu là “sự im lặng không lời” thế nhưng nó lại ẩn chứa một sức mạnh “ý tại ngôn ngoại”. Nó gợi lên một khoảng lặng trong tâm hồn người đọc mà ngôn từ không thể diễn tả được cụ thể. Nhà thơ Quế Mai đã thấu hiểu điều đó nên dường như nữ thi sĩ rất thận trọng khi sử dụng các dấu câu trong thơ mình. Cả bài thơ chỉ có duy nhất hai dấu phẩy giữa dòng thơ: “Khỏi người thân, bạn bè, tiếng nói”. Hai dấu phẩy đó đã tạo nên nhịp thơ 3/2/2 chậm, đều cho câu thơ, phù hợp với nhịp thơ ngắn chung cho cả đoạn. Và nếu nhịp thơ 4/3 đã mở đầu bài thơ, nhấn mạnh vào ba chữ “đang trổ hoa”, làm cho âm điệu câu thơ được đẩy cao hơn như gửi gắm niềm kiêu hãnh của nhân vật trữ tình về vẻ đẹp của chính mình thì nhịp thơ 3/2/2 ở câu thơ thứ ba đã khiến cho âm điệu thơ trầm lắng. Khát vọng “bứng mình lên” của một “cái cây” đang ở độ trổ hoa sẽ phải đánh đổi bằng sự chia xa “người thân, bạn bè, tiếng nói”. Vì thế, nhịp thơ trùng xuống, ẩn chứa một nỗi niềm khó diễn tả thành lời mà chỉ có thể cảm nhận qua nhịp thơ, qua âm điệu. Bên cạnh đó, nhịp điệu của khổ thơ này còn được tạo ra bởi sự chia cắt dòng âm thanh từ đó giúp bạn đọc cảm nhận một cách trực tiếp cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình. Dòng thơ thứ tư chỉ có hai từ “trơ trọi” đã cắt đôi khổ thơ, tạo khoảng lặng, tạo quãng nghỉ để bạn đọc cảm nhận được nhịp điệu, từ đó nhấn mạnh vào sự cô đơn, lẻ loi của nhân vật trữ tình. Nếu hai từ “trơ trọi” chỉ đơn thuần khắc họa trạng thái cô độc một mình thì sự ngắt quãng của câu thơ còn tô đậm cái vực sâu hun hút của cõi câm lặng đang xâm chiếm tâm hồn của những người di cư. Các câu thơ dài ngắn kết hợp với nhau theo mạch cảm xúc của tác giả khiến nhịp thơ thay đổi, tạo nên những âm điệu riêng cho từng câu. Khổ thơ đã trở thành một bản nhạc với những giai điệu man mác buồn, man mác nhớ thương, ngậm ngùi ẩn chứa một vết thương lòng của một kiếp đời, kiếp người lưu lạc, phải rời xa quê hương, phải rời xa “người thân, bạn bè”, phải rời xa “tiếng nói” của chính mình.

Nhịp điệu của bài thơ, không chỉ được tạo ra bởi các dấu câu, các dòng thơ mà nó còn được tạo ra bởi sự kết hợp của câu thơ, nhịp thơ, các biện pháp tu từ trong bài. Và như thế, mỗi bài thơ trong điệu cảm xúc, cường độ, sắc thái riêng của nó đều có một nhịp điệu với một vẻ đẹp riêng. Vì thế, không phải ngẫu nhiên bài thơ “Dịch chuyển” được Quế Mai sáng tác bằng thể thơ tự do. Nhà thơ đã để nhịp thơ dàn trải theo cảm xúc của chính mình nên nhịp thơ rất linh hoạt và đa dạng. Nếu ở khổ thơ đầu là những nhịp ngắn thì đến khổ thơ thứ hai, ta lại thấy mỗi câu thơ là một nhịp:

*Tôi lướt qua đại dương*

*Sâu thẳm con sóng mang tên sợ hãi*

*Tất cả ào ạt muốn nhấn chìm tôi*

*Tất cả muốn xóa tan tôi*

Nhịp thơ một mạch ấy góp phần tạo nên bố cục của bài thơ, làm tăng khả năng diễn đạt tứ thơ. Nếu khổ thơ đầu là tâm trạng của nhân vật trữ tình trước quyết định di cư đến một vùng đất mới thì đến khổ thơ thứ hai này là tâm trạng của nhân vật trữ tình khi đang trên chuyến tàu vượt trùng khơi đại dương. Cái rộng lớn, bao la của đại dương, cái lo lắng, sợ hãi trong tâm hồn con người được kéo dài theo câu thơ, nhịp thơ dài: *“Tất cả ào ạt muốn nhấn chìm tôi/ Tất cả muốn xóa tan tôi”.* Cái cảm giác rợn ngợp trước vũ trụ bao la, không phải đến với thơ Quế Mai chúng ta mới được biết. Huy Cận khi xưa cũng đã từng thốt lên:

*Sóng gọn tràng giang buồn điệp điệp*

*Con thuyền xuôi mái nước song song*

Thế nhưng, khi đọc những vần thơ của nữ thi sĩ hôm nay, tôi cảm nhận được trong từng nhịp thơ, đó không chỉ là sự cô đơn nhỏ bé của một kiếp người lưu lạc, nổi trôi mà còn là sự phó thác sinh mệnh đời mình cho đại đương huyền bí. Quả thật, giới hạn sinh tử của đời người đôi khi lại không phải do con người quyết định. Sự xuất hiện của 14 vần trắc trong khổ thơ đã tạo nhịp điệu mạnh mẽ vừa khắc họa cái ào ạt, gào thét, cuồng nộ của từng con sóng trên đại dương vừa diễn tả sự giằng xé, day dứt trong tâm trạng của những con người vượt trùng dương di cư đến miền đất hứa. Họ vừa khao khát, bản lĩnh muốn bứt phá lại vừa nhút nhát, lo lắng, sợ hãi, vừa như muốn tiếp tục cuộc hành trình lại vừa như muốn quay thuyền trở lại. Nhịp điệu của bài thơ tiếp tục gây ấn tượng mạnh đến bạn đọc ở đoạn thơ tiếp theo:

*Tôi trồng tôi xuống những người xa lạ  
Mảnh vườn mới đẩy tôi lên  
Những chiếc rễ của tôi tứa máu  
Tôi đơn độc giữa những tiếng chim  
Tôi trơ trụi giữa thẳm xanh*

*Tôi tung mình khỏi sự ì ạch  
Tôi trút lá khỏi những cũ kỹ  
Tôi rũ mình khỏi mọi thói quen*

*Tôi mở từng tế bào cây  
Tôi uống từng tiếng chim  
Tôi ăn từng ngọn gió  
Tôi chập chững nảy mầm*

Sự linh hoạt, đan xen giữa các nhịp 3/4, 3/3, 5/3, 3/2 kết hợp với phép điệp từ “tôi”, biện pháp liệt kê: “Tôi đơn độc, tôi trơ trụi, tôi tung mình, tôi trút lá, tôi rũ mình, tôi mở, tôi uống, tôi ăn, tôi chập chững”, cùng thể thơ tự do đã diễn tả sự thay đổi rõ nét của nhịp điệu trong đoạn thơ. Nhịp điệu thơ mỗi lúc một nhanh hơn, mạnh hơn, gấp gáp hơn đã khắc họa rõ hơn quá trình “thoát kén” của nhân vật tôi, khiến bạn đọc cảm nhận sâu sắc mạch ý của đoạn thơ. “Cái cây đang trổ hoa” ấy tự mình tìm đến miền đất mới, tự mình “trồng xuống” bên cạnh “những người xa lạ” đầy đớn đau, rỉ máu, đầy cô độc, lẻ loi. Gục ngã để chết hay lột xác để sinh tồn? Dường như không có sự lựa chọn nào khác, cái cây ấy buộc mình phải lột xác dẫu đớn đau, dẫu rỉ máu vì thế nó “tung mình”, nó “trút lá”, nó “rũ mình” thoát khỏi những trì trệ, cũ kĩ, những thói quen xấu. Trong từng nhịp thơ, ta như nghe thấy từng tiếng vặn mình răng rắc của nhành cây, ta như cảm nhận được từng vết cắt đau đớn trên thân cây để rồi hành trình “lột xác”, “thoát kén” ấy đã đem tới những mầm xanh, đã đem tới sự sống mát lành cho tâm hồn:

*Tôi mở từng tế bào cây*

*Tôi uống từng tiếng chim*

*Tôi ăn từng ngọn gió*

*Tôi chập chững nảy mầm*

để rồi:

*Tôi rùng mình trổ hoa*

*Tôi đậu quả từ những chiếc rễ tứa máu*

Sự ngắt quãng giữa hai khổ thơ là dấu hiệu báo hiệu sự thay đổi nhịp điệu trong đoạn thơ. Vẫn là nhịp 3/2 nhưng nhịp điệu câu thơ không còn hối hả, gấp gáp như đoạn thơ trên mà chậm hơn, trầm hơn bởi hai thanh bằng ở giữa câu: “Tôi rùng mình – trổ hoa”. Đặc biệt ở câu thơ cuối đoạn, nhịp thơ được kéo dài hơn bởi số lượng con chữ: “Tôi đậu quả - từ những chiếc rễ tứa máu” khiến ta cảm nhận rõ hơn quá trình “đơm hoa kết trái” trên hành trình “trồng mình” nơi xứ lạ phương xa của nhân vật trữ tình không hề giản đơn. Nhịp điệu hai câu thơ ẩn chứa niềm tự hào, niềm kiêu hãnh của nhân vật trữ tình về bản lĩnh của chính mình. Và khép lại bài thơ là câu thơ với nhịp 5/4 dứt khoát như một lời khẳng định chắc nịch của nhà thơ: “Tôi là một cái cây/ tự bứng mình lên”.

Như vậy có thể thấy, chính nhịp điệu của bài thơ đã giúp bạn đọc xâm nhập vào thế giới nghệ thuật của bài thơ, để thấu cảm sâu sắc những cung bậc cảm xúc, trạng thái trong tâm hồn của nữ thi sĩ, những giằng xé, day dứt trên hành trình đến với vùng đất mới, những đớn đau rỉ máu, những khát vọng vươn lên khi một mình nhà thơ đơn độc nơi xứ lạ phương xa và cả niềm tự hào, trân trọng những thành quả mà nữ thi sĩ đã tạo dựng sau hành trình di cư đằng đẵng ấy. Quả đúng là nếu không có nhịp điệu, sẽ thật khó để có thể sự nhận thức đúng, về nội dung ý nghĩa của chuỗi âm thanh, chuỗi ngôn từ phát ra. Giáo sư Hà Minh Đức đã từng khẳng định: “Mỗi bài thơ trong điệu cảm xúc, cường độ và sắc thái tiêng của nó đều có một nhịp điệu riêng với một vẻ đẹp riêng”. Và để tạo nên được nhịp điệu riêng với vẻ đẹp riêng ấy, có lẽ những yếu tố về hình thức nghệ thuật bên ngoài là chưa đủ, mà còn cần đến một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp lòng của chính nhà thơ như Nguyễn Đình Thi quan niệm: "Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm của tiếng đàn bên tai (...). Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn (...)”. Bài thơ “Dịch chuyển” của Quế Mai cũng ẩn chứa một thứ “nhịp điệu bên trong”, thứ nhịp điệu của tâm hồn. Đó chính là sự đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia với hoàn cảnh, tâm trạng, cảm xúc của những con người trên hành trình di cư đến những vùng đất mới. Bài thơ có kết cấu ba phần thể hiện sáng rõ mạch ý, mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình. Năm dòng thơ đầu là tâm trạng của nhân vật trữ tình khi quyết định lựa chọn hướng đi của riêng mình. Mười tám câu thơ tiếp theo là tâm trạng của nhân vật “tôi” khi lênh đênh giữa đại dương và khi dấn thân vào hành trình “lột xác” đầy đớn đau, rỉ máu nhưng cũng đầy ngọt ngào. Khép lại bài thơ là một niềm kiêu hãnh, tự hào về vẻ đẹp, bản lĩnh và sức mạnh chính mình của nhà thơ. Chính sự kết hợp hài hòa giữa thứ “nhịp điệu trong tâm hồn” với “nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm” đã tạo nên một nhịp điệu riêng của bài thơ “Dịch chuyển”, một nhịp điệu riêng của tiếng thơ Quế Mai.

Trịnh Công Sơn đã từng viết trong “Tình khúc Ơbai”:

*Tôi đi bằng nhịp điệu một, hai, ba, bốn, năm…*

*Em đi bằng nhịp điệu sáu, bảy, tám, chín, mười…*

*Ta đi bằng nhịp điệu, nhịp điệu không giống nhau*

*Ta đi bằng nhịp điệu nhịp điệu sao khác màu …”*

Phải chăng, nhạc sĩ cho rằng: nhịp điệu là hơi thở của sự sống. Mỗi một khoảng khắc trong cuộc đời, mỗi một con người trong cõi thế đều có một nhịp điệu của riêng mình? Và thơ ca cũng thế. Thơ ca sẽ không còn là thơ ca nếu thiếu đi nhịp điệu. Sinlo đã từng khẳng định: “Mỗi bài thơ phải gây một ấn tượng về âm nhạc” còn P.Êluya từng nói: “*Thơ ca trước tiên là ngôn ngữ cất thành tiếng hát…”*. Vì thế tôi càng khẳng định sự lựa chọn và đề cao yếu tố nhịp điệu trong thơ ca của mình là đúng đắn. Nhịp điệu trong thơ sẽ làm tăng thông tin thẩm mỹ của bài thơ, sẽ làm cho những khoảng lặng không lời nhưng lại nói được nhiều hơn lời. Nhịp điệu không chỉ tách ý tách nghĩa mà còn thể hiện thế giới nội tâm của nhà thơ, thể hiện những cảm xúc được dấu kín, dè nén, mà không thể tìm thấy trong ngôn từ, trong âm thanh. Nhịp điệu là yếu tố quan trọng trong thơ ca, song thơ ca cũng không thể tồn tại nếu chỉ có nhịp điệu. Bởi như Nguyễn Đình Thi đã khẳng định: “*Đó là nhịp điệu thành hình của những cảm xúc, hình ảnh liên tiếp hòa hợp mà những tiếng và chữ gợi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động”.* Nhịp điệu chỉ có thể hình thành bởi những tiếng và chữ. Vì thế, ngôn ngữ, hình ảnh thơ cũng là những yếu tố quan trọng của thơ ca. Một bài thơ hay là bài thơ “hay cả hồn cả lẫn xác, hay cả bài”, phải là sự hợp sức của tất cả các yếu tố nghệ thuật trong bài, phải có sự kết hợp giữa nội dung và hình thức “Tác phẩm nghệ thuật phải là một khám phá về nội dung và một phát minh về hình thức”. Chính bởi khát vọng được sáng tác nên những bài thơ hay, mà trong quá trình sáng tác thơ ca, mỗi nhà thơ, mỗi người nghệ sĩ đều cần nuôi dưỡng cái tài và cái tâm của mình để có thể lắng nghe, thấu cảm những nhịp điệu của cuộc sống, để tạo nên những nhịp điệu riêng trong tâm hồn và trong thơ ca của chính mình. Còn đối với tôi và các bạn, những bạn đọc của ngày hôm nay cũng cần có trái tim biết lắng nghe, biết đón nhận những nhịp điệu của thơ ca, biết đồng sáng tạo, biết “lấy hồn tôi để hiểu hồn người” để đồng cảm, tri âm với nhịp điệu trong tâm hồn người nghệ sĩ, để vì người nghệ sĩ mà viết tiếp nên những nhịp điệu riêng cho thơ ca và cho cuộc đời. Khi ấy, nhịp điệu thơ ca mới đi hết sứ mệnh của mình, mới đem lại sức sống vượt thời gian cho thi phẩm.

Xin được khép lại bài viết của tôi bằng những ca từ sâu lắng trong *Tình khúc Ơ bai* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn:

*“Làm sao ta gặp*

*Làm sao ta gặp được nhau.*

Quả thật như vậy! Khát vọng tri âm là khát vọng lớn nhất trong cuộc đời mỗi người nghệ sĩ. Và làm sao để cho người nghệ sĩ và bạn đọc muôn đời luôn gặp gỡ được nhau dù bị ngăn cách bởi không gian và thời gian? Thiết nghĩ rằng, thơ ca là cánh cửa và nhịp điệu thơ là chìa khóa. Tôi đã tìm đến Quế Mai, đã tìm chìa khóa để mở cánh cửa thơ ca của nữ thi sĩ để từ đó tìm sự đồng điệu trong từng nhịp điệu, từng cung bậc cảm xúc của nhà thơ. Mong rằng, bạn cũng như tôi, sẽ tìm thấy cho mình một cánh cửa, một chìa khóa để bước vào thế giới của thơ ca và tâm hồn bạn nhé!

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 02**  Có ý kiến cho rằng:  *Một trong những quy luật của tồn tại văn học là nó vừa phải kế thừa những giá trị truyền thống vừa phải cách tân, sáng tạo ra những giá trị mới.*  Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ *Tương tư* của Nguyễn Bính  *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông, Một người chín nhớ mười mong một người. Gió mưa là bệnh của giời, Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng. Hai thôn chung lại một làng, Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này? Ngày qua ngày lại qua ngày, Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng. Bảo rằng cách trở đò giang, Không sang là chẳng đường sang đã đành. Nhưng đây cách một đầu đình, Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...  Tương tư thức mấy đêm rồi, Biết cho ai, hỏi ai người biết cho! Bao giờ bến mới gặp đò? Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?  Nhà em có một giàn giầu, Nhà anh có một hàng cau liên phòng. Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông, Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?*  -Hoàng Mai, 1939- |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: quy luật của tồn tại văn học.

- Trích dẫn nhận định.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích:**

Ý kiến trên đã đề cập đến một vấn đề quan trọng của quá trình văn học, cụ thể là quy luật của tồn tại văn học: một mặt nó phải kế thừa tiếp thu thành tựu trước nó (thời gian), ngoài nó (không gian), mặt khác, tác phẩm văn học phải tìm tòi sáng tạo, thể hiện dấu ấn riêng của thời đại cũng như của người nghệ sĩ.

**2. Bàn luận:**

**- Vì sao văn học phải kế thừa?**

+ Vì văn học bao giờ cũng tồn tại như một quá trình. Làm nên quá trình đó là sự tiếp biến của các thời kì, các giá trị, thành tựu. Hình thành và phát triển trong một quá trình như thế nên văn học mỗi dân tộc có những giá trị truyền thống của riêng mình. Những giá trị ấy đã được thời gian khẳng định, vì thế kế thừa trong văn học chính là kế thừa các giá trị đó.

+ Văn học lấy con người làm đối tượng phản ánh nên dù xa về không gian, thời gian, thời đại nhưng đời sống tâm hồn con người với những vấn đề muôn thưở vẫn có những mẫu số chung của tồn tại. Mặt khác, tiến bộ trong văn học có đặc thù, không phải cái gì mới cũng có giá trị, nên người ta phải bắt đầu từ kinh nghiệm và thành tựu của người đi trước.

**- Vì sao văn học phải cách tân, sáng tạo?**

+ Con người và cuộc sống luôn thay đổi. Cách tân, sáng tạo trong văn học nhằm phản ánh kịp thời cũng như đáp ứng kịp thời những đòi hỏi về sự thay đổi đó.

+ Bản chất lao động nghệ thuật là lao động sáng tạo.

+ Nghệ sĩ là người ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân – phong cách nghệ thuật độc đáo. Thể hiện tiếng nói cá nhân cũng phù hợp với yêu cầu về cách tân, sáng tạo trong nghệ thuật.

**3. Chứng minh:**

Chấp nhận những cách khai triển khác nhau, song phải có ý thức bám sát và làm sáng tỏ định hướng kế thừa và cách tân trong nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật.

- Sự tiếp thu văn học dân gian trong bài thơ *Tương tư.*

+ Đề tài: tương tư (nỗi nhớ của tình yêu đôi lứa, hoặc nỗi nhớ đơn phương) là đề tài quen thuộc của ca dao

+ Viết theo thể thơ lục bát quen thuộc của thơ ca dân gian

+ Mạch cảm xúc: có những cung bậc cảm xúc quen thuộc, điển hình trong thơ dân gian: nhớ nhung, tương tư gắn với khát khao chung tình, hướng đến hôn nhân.

+ Cách thể hiện cảm xúc: để diễn tả cảm xúc và tâm trạng trữ tình dùng lối phú, tỉ, hứng quen thuộc-> con người gắn với môi trường, các sự vật thiên nhiên đóng vai trò khơi gợi hoặc sẻ chia cảm xúc với nhân vật trữ tình.

+ Hình ảnh, ngôn ngữ

++ Dùng nhiều hình ảnh cặp đôi diễn tả ý niệm lứa đôi-> điều có thể gặp trong ca dao, dân ca (dòng sông-cành hồng, cơi-trầu, cây đa-con đò; mận-đào, loan-phượng…)

++ Ngôn ngữ: dùng nhiều chất liệu ngôn từ dân gian: địa danh *thôn Đoài - thôn Đông*, thành ngữ *chín nhớ mười mong*, dùng các số từ *chín, mười, một….*

- Nét mới trong bài thơ*Tương tư*

+ Thể thơ: nhìn chung ca dao thường ngắn => đây là bài thơ lục bát trường thiên hiện đại.

+ Mạch cảm xúc: thể hiện mạch tâm trạng phong phú và trọn vẹn với những cung bậc cảm xúc điển hình nhất của mối tương tư (khác ca dao thường là những mảnh tâm trạng);

+ Cách thể hiện cảm xúc: có nét mới so với ca dao khi nói về thiên nhiên phong phú, hệ thống -> từ đó hiện lên bức tranh làng quê hoàn chỉnh: hình ảnh chốn quê vừa là không gian vừa là phương tiện, ngôn ngữ để nhân vật trữ tình diễn tả nỗi tương tư một cách tự nhiên, kín đáo và tế nhị.

+ Hình ảnh: dùng hình ảnh cặp đôi một cách phong phú và sắp xếp theo trình tự để thể hiện khát vọng lứa đôi nhuần nhuyễn và tế nhị: từ nhớ nhung => khát vọng nhân duyên (từ *thôn Đoài - thôn Đông, bến - đò...=> cau - giầu*)

- Đặt vào hoàn cảnh ra đời việc vận dụng yếu tố dân gian trong bài thơ còn là cách bày tỏ ý thức cội nguồn dân tộc, thể hiện niềm thiết tha với giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Sự kế thừa và cách tân làm nên giá trị, sức sống cho tác phẩm văn học, làm nên phong cách tác giả, mang đến một diện mạo mới cho một giai đoạn, thời kì văn học và cả một nền văn học.

- Bài học cho người sáng tác và độc giả:

+ Tác giả cần biết tiếp thu kế thừa những thành tựu văn học trước đó đồng thời biết tìm tòi, sáng tạo để làm nên diện mạo cho văn học thời đại

+ Độc giả: cần có nền tảng tri thức văn học để đánh giá đúng giá trị của tác phẩm văn học, biết được đâu là đóng góp sáng tạo, đâu là sự kế thừa tinh hoa văn học trước đó của nhà văn.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định lại vấn đề

……………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 03**  **Đọc truyện ngắn sau:**  **CỔ TÍCH**  *Bà cụ kẹo ốm một trận. Bà sống được nhờ mấy lọ kẹo và chum nước lã. Hồi sức, bà bần thần như người mất trí, lang thang ăn mày đường phố. Xưa kia mẹ góa con côi. Bà xệp dưới gốc cột đèn góc phố ven đô, bày bán những lọ kẹo bột, kẹo vừng... mà nuôi đủ ba mẹ con.*  *Giữa trưa hè nắng đổ lửa. Vai đeo bị cói. Bà cụ ràng rạc chạy nắng. Đến gốc đa vệ đê, bà bất chợt gặp một chị cứng tuổi ngồi nghỉ với gánh cỏ đầy. Chị ới bà lại, bẻ đôi nắm cơm mời ăn. Hai con người cô đơn tìm thấy nhau trong cảnh ngộ chung. Chị rước bà theo.*  *Nhà chị cỏ bò, một túp lều thưng vách cót, phủ mái giấy dầu, đứng tựa chân tòa nhà ba tầng nghễu nghện. Từ rày có mẹ, có con. Tối xuống, bên ngọn đèn hạt đỗ, nho nhỏ câu nói, tiếng cười. Chị cỏ bò - tên người phố đặt cho - cắt cỏ thuê cho mấy anh xe bò. Thêm bà cụ, bớt bát cơm mà vui, cái vui ấm áp mới ghé thăm lều chị. Chị quý bà như mẹ, bà thương chị như con.*  *Ông trời chơi khăm kẻ khó. Cái nghề cỏ rả bọt bèo ai thèm đếm xỉa mà cũng yểu. Mấy anh chủ nhỏ đua đòi, hùn vốn tậu cái công nông. Ngồi lái cơ giới bành bạch, phì phèo điếu thuốc oách hơn xe bò kéo. Mất nghề, chị cỏ bò đành lân la, van vỉ việc vặt hàng phố.*  *Mùa đông rét mướt đang về. Rét mướt ác với kẻ nghèo. Từng cơn, từng cơn gió bấc ào ào lùa qua vách cót mỏng. Những hạt sương sa đồm độp gõ buốt xuống mái giấy dầu. Trong đêm tê cóng, hai tấm thân gầy ôm nhau, ủ ấm hơi thở hôi hôi cho nhau dưới tấm chăn chiên lỗ chỗ. Biết mình chẳng qua khỏi đêm nay, bà lão lào phào vào tai cô gái muộn mằn:*  *- Nhỡ mẹ có đi, con nhớ thay sống áo cho mẹ nhé!*  *Đoạn, mếu máo:*  *- Con ơi, mẹ thương con lắm! Cầu trời con sống sung sướng...*  *Chị cỏ bò thổn thức. Chị chỉ biết cuống quýt hai bàn tay xoa xoa, nắn nắn tấm thân già nguội giá.*  *Sớm mai, bà cụ đã mất. Chị con nuôi nấu lên nồi lá thơm, lau thi thể mẹ, tìm trong bị một bộ quần áo lành lặn. Ở cái chéo áo lụa màu gụ, có một nút gút hình củ ấu. Chị gỡ nút buộc. Tuột ra, lăn lóc, năm sáu khâu nhẫn, vàng chóe.*  *Chị cỏ bò sụp xuống, tức tưởi: "...Mẹ ơi...!"*  (Theo Lê Văn Nguyên, *108 truyện hay cực ngắn*,  NXB Phụ nữ, 2003, tr107-109)  Có ý kiến cho rằng: Truyện ngắn, *đó là một kỳ quan nghệ thuật bé nhỏ nhưng có sức chấn động phi thường.*  Phân tích truyện ngắn *Cổ tích* của tác giả Lê Văn Nguyên để làm sáng tỏ ý kiến trên. |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận

- Truyện ngắn *Cổ tích* của tác giả Lê Văn Nguyên trích trong “*108 truyện hay cực ngắn*” của nhiều tác giả. Đây là tác phẩm giàu giá trị nhân văn, gửi gắm đến bạn đọc những thông điệp sâu sắc.

- Dẫn dắt giới thiệu ý kiến*“Đó là một kỳ quan nghệ thuật bé nhỏ nhưng có sức chấn động phi thường”*.

**II. THÂN BÀI**

**\* Giải thích ý kiến.**

+ Khái niệm truyện ngắn: truyện ngắn là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ với một dung lượng hiện thực, số lượng nhân vật, sự kiện, thời gian, không gian… tương đối hạn chế.

+ Nói truyện ngắn là “*một kì quan nghệ thuật bé nhỏ nhưng có sức chấn động phi thường*” là cách nói có tính liên tưởng, so sánh. *Kì quan nghệ thuật*: công trình nghệ thuật độc đáo, có sức hấp dẫn đặc biệt. *Kì quan nghệ thuật bé nhỏ*: quy mô nhỏ bé, có tính giới hạn.

+ *Có sức chấn động phi thường*: Có giá trị và sức tác động, ảnh hưởng rộng lớn tới người đọc.

Nhận định vừa nêu lên đặc trưng cơ bản của truyện ngắn: một thể loại bị giới hạn về thế giới nghệ thuật nhưng có sức khái quát cao về giá trị tư tưởng vừa khẳng định và đề cao vị trí cũng như sức hấp dẫn đặc biệt của thể loại này. Đây là nhận định đúng đắn truyện ngắn.

**\* Phân tích - chứng minh:**

**Luận điểm 1**: Truyện ngắn “*Cổ tích*” *là một kỳ quan nghệ thuật bé nhỏ.*

+ Trước hết, truyện là một *kì quan nghệ thuật* (phân tích một số đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm):

++ Cốt truyện đơn giản, tình huống truyện nhẹ nhàng mà hấp dẫn sinh động bởi cách kết thúc truyện có hậu, mang màu sắc của những câu chuyện cổ tích, chị cỏ bò vì sống lương thiện, nhân hậu mà được bà cụ kẹo để lại cho toàn bộ tài sản của mình.

++ Nhân vật được xây dựng chủ yếu qua hoàn cảnh, cử chỉ, hành động và lời nói. Bà cụ kẹo được khắc hoạ *bần thần như người mất trí, lang thang ăn mày đường phố*, *vai đeo bị cói, bà cụ ràng rạc chạy nắng*,... những chi tiết miêu tả dáng vẻ, hoàn cảnh đáng thương đến tội nghiệp của một cụ già neo đơn, không nhà cửa, không con cái, không chỗ nương tựa. Lời nói *lào phào* của bà lão trước lúc lâm chung đã bộc lộ hết tình yêu thương, quan tâm của bà dành cho chị cỏ bò - *cô gái muộn mằn*, nghèo khổ nhưng lương thiện và nhân hậu đã chịu cưu mang, chăm sóc bà những ngày cuối đời: *Nhỡ mẹ có đi, con nhớ thay sống áo cho mẹ nhé!* Bà lão đã như hé lộ về món quà bà muốn dành cho chị con nuôi và mong ước con người tốt bụng ấy được may mắn, hạnh phúc hơn: *Con ơi, mẹ thương con lắm! Cầu trời con sống sung sướng...* Tuy tâm trí *bần thần như người mất trí*, nhưng trái tim bà cụ vẫn cảm nhận được hơi ấm tình người toả ra từ tấm chân tình của người con nuôi. Nhân vật chị cỏ bò cũng được tái hiện qua gia cảnh nghèo khó: cắt cỏ bò thuê kiếm sống, căn nhà, đúng ra chỉ là *một túp lều thưng vách cót, phủ mái giấy dầu,* *mùa đông rét mướt, từng cơn, từng cơn gió bấc ào ào lùa qua vách cót mỏng, những hạt sương sa đồm độp gõ buốt xuống mái giấy dầu*. Nhưng chính trong khó nghèo, tình người lại ấm lên trong cử chỉ: *hai tấm thân gầy ôm nhau, ủ ấm hơi thở hôi hôi cho nhau dưới tấm chăn chiên lỗ chỗ.* Khi nghe những lời trăn trối của bà cụ kẹo, chị *thổn thức*, *chỉ biết cuống quýt hai bàn tay xoa xoa, nắn nắn tấm thân già nguội giá.* Rồi như một người con, chị lo cho bà cụ khi bà về trời thật trọn vẹn, nghĩa tình.

++ Cách đặt tên nhân vật cũng mang đầy dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Nhân vật không có tên riêng mà được gọi theo nghề nghiệp, lứa tuổi: bà cụ kẹo và chị cỏ bò. Điều đó càng làm bật lên chỉ đề của truyện: viết về những con người nhỏ bé, bất hạnh, thiệt thòi nhưng ấm áp tình người, tình yêu thương, sẻ chia trong cuộc sống.

++ Chi tiết đơn giản, chân thực, giàu ý nghĩa. Tác giả thực sự đã có được những *hạt bụi vàng lấp lánh* làm sáng lên giá trị cả tác phẩm. Như chi tiết so sánh tưởng thoáng qua mà đầy ám ảnh về căn nhà của chị cỏ bò: *một túp lều thưng vách cót, phủ mái giấy dầu, đứng tựa chân tòa nhà ba tầng nghễu nghện.* Căn nhà tồi tàn, mục nát đã tố cáo cái nghèo không thể giấu nổi của người đàn bà lỡ thì tội nghiệp. Hay chi tiết tiếng gọi “*Mẹ ơi*” chị cỏ bò thốt ra cuối câu chuyện, đâu phải chỉ là sự xúc động trước món quà vô giá mà bà cụ để lại, mà chị đã thực sự coi bà như người thân, như mẹ của mình.

++ Ngôn ngữ kể chuyện giản dị, mộc mạc nhưng giàu sức gợi. Một số câu văn ngắn nhưng hàm súc, giàu ý nghĩa, giàu nhịp điệu. Lớp từ láy tượng hình, tượng thanh *bần thần, lang thang, ràng rạc, nghễu nghện*, *ào ào*, *đồm độp, lỗ chỗ,…* cũng làm tăng giá trị biểu cảm cho cách diễn đạt.

+ Truyện ngắn “*Cổ tích*”là một kỳ quan nghệ thuật *bé nhỏ:*

++ Truyện có dung lượng ngắn gọn: Tác phẩm kể về câu chuyện của bà cụ kẹo và chị cỏ bò từ hai người xa lạ trở thành mẹ con do sự đồng cảnh và đồng cảm với nhau. Ngày bà cụ mất, bà đã để lại cho cô con gái nuôi năm sáu khâu nhẫn vàng khiến cô khóc òa tức tưởi.

++ Số lượng nhân vật ít , chủ yếu xoay quanh hai nhân vật là bà cụ kẹo và chị cỏ bò.

++ Sự việc không nhiều: truyện không có nhiều tình tiết, sự việc mà chỉ xoay quanh một vài sự việc nho nhỏ, đời thường: sự việc bà cụ kẹo sau trận ốm, tâm trí bần thần, phải đi lang thang xin ăn; sự việc chị cỏ bò vô tình gặp và đưa bà cụ về chăm sóc; sự việc bà cụ kẹo mất để lại cho chị cỏ bò năm sáu khâu nhẫn vàng.

-> *Cổ tích* quả đúng là một *kì quan nghệ thuật nhỏ bé*.

**Luận điểm 2:** Truyện *Cổ tích* tuy nhỏ bé *nhưng có sức chấn động phi thường*. Sức chấn động ấy thể hiện ở nội dung tư tưởng và chủ đề đặc sắc của tác phẩm: Truyện ngợi ca tấm lòng yêu thương, sẻ chia và tình người ấm áp trong cuộc sống.

+ Tình yêu thương trước hết được thể hiện qua cách đối xử của chị cỏ bò với bà cụ kẹo:

++ Chị có hoàn cảnh bất hạnh, khó khăn: Chị quá lứa lỡ thì, sống một thân một mình trong căn nhà, mà thực chất chỉ là “*một túp lều thưng vách cót, phủ mái giấy dầu, đứng tựa chân tòa nhà ba tầng nghễu nghện”*. Chị làm nghề cắt cỏ thuê cho mấy anh xe bò, nên người hàng phố gọi chị bằng cái tên gắn với công việc mưu sinh của chị - chị cỏ bò. Rồi ngay cả công việc vất vả ấy cũng bị người khác có phương tiện chiếm mất, chị cỏ bò đành *lân la van vỉ việc vặt hàng phố* để kiếm kế sinh nhai.

++ Mặc dù có hoàn cảnh kém may mắn, nhưng ở chị ánh lên những phẩm chất tâm hồn cao quý của người nông dân chất phác. Chị chịu thương chịu khó, không nề hà việc vất vả, khó nhọc, kiếm tiền để nuôi sống bản thân bằng chính sức lao động của mình. Nhưng đáng trân trọng nhất ở người phụ nữ bất hạnh ấy chính là tấm lòng chân thành, nhân ái, giàu tình yêu thương. Giữa trưa hè đổ lửa trên chặng mưu sinh cực nhọc, đang *ngồi nghỉ với gánh cỏ đầy*, gặp bà cụ ăn xin, chị “*ới bà lại, bẻ đôi nắm cơm mời ăn*” nắm cơm mang theo cũng là bữa trưa chính cho cả ngày lao động, nhưng chị không ngần ngại mà bẻ đôi để chia sẻ với bà cụ đáng thương. Hành động nhỏ ấy của chị chắc chắn đã sưởi ấm trái tim bà cụ, làm ta thấm thía lời dạy của người xưa “*Một miếng khi đói bằng một gói khi no*”. Lân la trò chuyện, hai mảnh đời đơn độc, côi cút ấy dường như đã tìm được mối đồng cảm sâu sắc. Để rồi chị cỏ bò đã có một quyết định thật nhanh, không cần tính toán thiệt hơn, sau trước “*Chị rước bà theo”* về sống cùng mình trong túp lều dột nát*.* Cuộc sống một mình của chị vốn đã khó khăn, nay có thêm bà cụ nghèo chắc chắn sẽ vất vả, thiếu thốn hơn gấp bội. Nhưng người phụ nữ từ tâm, nhân hậu ấy không hề bận tâm tới những vất vả mình phải trải qua mà chỉ thấy ấm áp, hạnh phúc khi trong căn nhà giờ ngày ngày “*nho nhỏ câu nói, tiếng cười*”, “*bớt bát cơm mà vui*”, “*đêm tê cóng, hai tấm thân gầy ôm nhau, ủ ấm hơi thở hôi hôi cho nhau*”. Chị chăm sóc, yêu thương bà cụ kẹo như mẹ của mình. Lúc bà cụ lâm chung, chị đau đớn, xót xa: “*Chị cỏ bò thổn thức. Chị chỉ biết cuống quýt hai bàn tay xoa xoa, nắn nắn nắn tấm thân già nguội giá*.”. Bà cụ mất, chị chu đáo, tận tình, tận nghĩa: “*nấu lên nồi lá thơm, lau thi thể mẹ, tìm trong bị một bộ quần áo lành lặn*”. Thấy năm sáu khâu nhẫn tuột ra, vỡ lẽ về tấm lòng của người mẹ, chị đau đớn nghẹn ngào: “*sụp xuống, tức tưởi*” cất lên hai tiếng *“...Mẹ ơi...!”*. Chính tấm lòng nhân hậu, thiện lành của chị đã làm cảm động bà cụ kẹo, để rồi bà sẵn sàng để lại cho chị số vàng, tuy không nhiều nhưng là tài sản chắt chiu cả đời của mình. Cuộc đời chị cỏ bò giống với cuộc đời những nhân vật chính diện trong những câu chuyện cổ tích xưa với quan niệm “*ở hiền gặp lành*”.

+ Chủ đề của truyện còn được thể hiện qua nhân vật bà cụ kẹo và tấm lòng, cách cư xử của bà cụ với người con nuôi.

++ Bà cụ cũng là một mảnh đời bất hạnh, éo le: xưa kia vốn cảnh mẹ góa con côi, nhờ bán những lọ kẹo bột, kẹo vừng... mà nuôi đủ ba mẹ con; về già, sau trận ốm, bà bần thần như người mất trí, lang thang ăn mày đường phố rồi gặp chị cỏ bò, được chị rước về, nhận làm mẹ nuôi.

++ Cuộc sống luôn đầy rẫy bất công, nhưng bà cụ cũng là một người mẹ giàu tình yêu thương và đức hi sinh. Hồi còn trẻ vượt lên nỗi cô đơn, sự nhọc nhằn vất vả của phận mẹ goá con côi “*Bà xệp dưới gốc cột đèn góc phố ven đô, bày bán những lọ kẹo bột, kẹo vừng... mà nuôi đủ ba mẹ con.*”. Khi về già, được chị cỏ bò đưa về nhà chăm sóc. Tuy không cùng huyết thống, lại chỉ gắn bó trong thời gian ngắn nhưng bà cụ thực lòng coi chị cỏ bò như con “*bà thương chị như con*”. Trong phút lâm chung, bà thổn thức nói lời gan ruột: “*Con ơi, mẹ thương con lắm! Cầu trời con sống sung sướng*...”. Bà đã âm thầm để lại cho cô con gái nuôi năm sáu khâu nhẫn vàng - tài sản cả đời bà chắt chiu, dành dụm. Nhân vật bà cụ kẹo là hình ảnh đẹp về những người phụ nữ Việt Nam với vẻ đẹp truyền thống ngàn đời: yêu thương con cái bằng tất cả tấm lòng và đức hi sinh cao đẹp.

+ Ngoài ra, chủ đề của truyện còn được thể hiện ngay trong nhan đề “*Cổ tích*”. Câu chuyện kể về cuộc đời, số phận của những con người lao động nhỏ bé, bất hạnh, chịu nhiều thiệt thòi, vất vả trong cuộc đời nhưng lại có những phẩm chất tốt đẹp, cao quý, đáng trân trọng.

Với cách kết thúc có hậu đặc trung của truyện cổ tích. Từ đó, gửi gắm những thông điệp sâu sắc, gần gũi với ước mơ khát vọng ngàn đời của tác giả dân gian trong những truyện cổ tích với triết lý “ở hiền gặp lành”, người tốt, người lương thiện sẽ được sống hạnh phúc.

**\* Đánh giá:**

+ Qua tìm hiểu những thành công từ nghệ thuật đến nội dung của truyện ngắn Cổ tích, chúng ta nhận thấy ý kiến về truyện ngắn*“Đó là một kỳ quan nghệ thuật bé nhỏ nhưng có sức chấn động phi thường”* là hoàn toàn đúng đắn. Nó xuất phát từ đặc trưng của thể loại: với yêu cầu về dung lượng, nhân vật, sự việc không nhiều, không dài nhưng lại có khả năng phản ánh những điều lớn lao, mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc trong cuộc sống.

+ Bài học lí luận:

++ Với người cầm bút, muốn viết được những truyện ngắn hay, có giá trị đích thực, cần luôn lưu tâm đến đặc trưng thể loại, để từ đó chọn lọc những hình thức nghệ thuật phù hợp thể hiện được những nội dung sâu sắc, ý nghĩa, có thể truyền tải được những vấn đề nhân sinh lớn lao, có giá trị với muôn đời.

++ Với người đọc, khi tìm đến truyện ngắn, cũng cần hiểu được đặc trưng thể loại: sự ngắn gọn, nhỏ bé về dung lượng và giá trị lớn lao ẩn chứa bên trong. Từ đó, trân trọng tài năng, đồng cảm, đồng điệu với tấm lòng, tình cảm của người nghệ sĩ và thấm thía về những thông điệp sâu sắc mà tác phẩm gửi gắm.

**III. KẾT BÀI**

- Khẳng định lại tính đúng đắn của nhận định.

- Liên hệ bản thân.

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 04**  **Đọc truyện ngắn sau:**  *Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng.*  (Trích *Tiếng nói của văn nghệ*, Nguyễn Đình Thi, Ngữ văn 9, Tập II, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, trang 14)       Hãy khám phá những “ánh sáng riêng” đã “rọi vào” tâm hồn em trong một truyện ngắn mà em yêu thích. |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Chức năng của văn học.

- Trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích**:

- *Tác phẩm lớn*: Là những sáng tác xuất sắc, mang dấu ấn thời đại, có sức sống lâu bền, có giá trị lay động trái tim người đọc.

- *Rọi vào bên trong*: Là sự tác động, ảnh hưởng, lay thức tâm hồn, nhận thức người đọc.

- *Ánh sáng riêng*: Là những giá trị riêng của tác phẩm về nội dung và nghệ thuật. Đó có thể là những tư tưởng, bài học nhân sinh, cảm xúc, những sáng tạo nghệ thuật độc đáo.

=> Ý kiến khẳng định giá trị, tầm cỡ của một tác phẩm văn học lớn, xuất sắc:

- Phải có tác động lớn lao đến tâm hồn, nhận thức người đọc; làm cho tâm hồn con người trở nên giàu có, nhận thức đúng đắn và quảng đại hơn.

- Phải có cái riêng, sự khám phá, sáng tạo.

**2. Chứng minh:** HS chọn một tác phẩm văn chương để chứng minh. Ví dụ tác phẩm “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

\*/ Giới thiệu khái quát về Nguyễn Quan Sáng, về tác phẩm “Chiếc lược ngà”

\*/ **Tác phẩm “rọi vào” tâm hồn người đọc niềm xúc động về tình cảm cha con, tình cảm gia đình thiêng liêng, sâu nặng. Đó là tình cảm đơn sơ, giản dị mà cao quý thường trực trong mỗi con người.**

- Tình cảm sâu nặng của ông Sáu dành cho con gái:

+ Trong 3 ngày nghỉ phép: Ông không đi đâu xa, chỉ ở bên con và muốn chăm sóc cho con. Mặc dù bị con từ chối, cự tuyệt những ngày đầu, ông vẫn kiên trì. Ngay cả khi con có những cử chỉ xấc xược ông vẫn mỉm cười, bỏ qua. Khi nóng nảy không chịu được sự ương bướng của con, ông chỉ tát một cái vào mông con mà ông cứ ân hận mãi. Ngày chia tay con, ông cũng tôn trọng chỉ dám nhìn từ xa trìu mến mà không dám chạm vào con.

+ Trước lúc lên đường: Con bất ngờ gọi tiếng *ba*, ông nghẹn ngào xúc động, một tay ôm con, một tay nén lau nước mắt.

+ Những ngày ở chiến trường miền Đông: Ông dồn cả tâm huyết vào chiếc lược ngà. Ông tẩn mẩn, tỉ mỉ. Chiếc lược ngà là biểu tượng của tình phụ tử bất diệt. Giây phút hi sinh, trái tim người cha vẫn thổn thức nghĩ về con.

- Tình cảm của bé Thu dành cho cha bất ngờ mà xúc động:

+ Trước khi nhận ông Sáu: Con bé kiên quyết không gọi ông là ba. Ông Sáu càng gần gũi, quan tâm, nó càng lạnh nhạt, xa lánh. Nó kiên quyết cự tuyệt và không chấp nhận với những phản ứng dữ dội.

+ Khi nhận ra ba: Tình cảm cha con trỗi dậy mãnh liệt trong bé Thu. Sự xúc động làm toàn thân con bé run rẩy, hét lên một tiếng ba xé ruột gan mọi người. Bao nhiêu tình cảm đè nén bùng nổ dữ dội. Con bé chạy tới ba như một con sóc, ôm chặt lấy ba, hôn lên tóc, lên cổ, hôn cả vết thẹo dài trên má.

=> Ánh sáng riêng của tác phẩm khi viết về tình cảm gia đình: Tác giả đặt chủ đề đó trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt nhằm khẳng định sự bất tử của tình phụ tử thiêng liêng. Từ đó thể hiện niềm tự hào, tin tưởng về những giá trị tinh thần bất diệt của con người Việt Nam.

**\* Tác phẩm “rọi vào” người đọc nhận thức sâu sắc về hiện thực khốc liệt của chiến tranh, về tình đồng chí, đồng đội nghĩa tình, tình yêu Tổ quốc.**

- Tác phẩm phản ánh hiện thực tàn khốc của cuộc chiến tranh chống Mĩ của dân tộc. Chiến tranh đã khiến bao người phải sống cuộc đời người lính nơi chiến trường cam go với bao mất mát hi sinh. Nỗi đau của các nhân vật trong truyện khiến người đọc nhận thức sâu sắc hơn về những tổn thất nặng nề mà dân tộc ta phải trải qua trong chiến tranh.

- Tác phẩm giúp người đọc nhận thức về tình đồng chí, đồng đội bền chặt vô giá của con người Việt Nam. Đó là tình cảm của những con người thủy chung, gắn bó, trân trọng, thấu hiểu và nối dài những tình cảm tốt đẹp trong nhau (ông Sáu, ông Ba).

- Tác phẩm còn ca ngợi tình yêu Tổ quốc, ca ngợi những con người đã hi sinh những tình cảm riêng tư (tình vợ chồng, tình cha con, tình làng nghĩa xóm) thậm chí cả tính mạng cho nền độc lập tự do của đất nước.

=> Tác phẩm tố cáo chiến tranh nhưng không theo môtip truyền thống, mà khai thác sáng tạo dưới góc nhìn về tình cảm giữa con người với con người nhất là tình phụ tử.

**\* “Ánh sáng riêng” về nghệ thuật:**

- Tình huống truyện: Truyện đã xây dựng được những tình huống bất ngờ, éo le. Những tình huống đó khiến cốt truyện tự nhiên mà hấp dẫn, tạo kịch tính và thu hút người đọc.

- Nghệ thuật kể chuyện: Chuyện lồng trong chuyện, phần lớn truyện là chuyện của bác Ba kể về cha con ông Sáu; dẫn truyện thoải mái, tự nhiên; giọng thân mật, dân dã. Lựa chọn nhân vật kể chuyện hợp lí: Truyện được kể ở ngôi thứ nhất – người kể xưng “tôi” - bác Ba, nhân vật tham gia vào diễn biến truyện. Ngôi kể này khiến câu chuyện đáng tin cậy hơn.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhà văn đi sâu vào miêu tả tâm lí, đặc biệt là tâm lí trẻ em chính xác và tinh tế.

- Xây dựng chi tiết đắt giá: Chi tiết chiếc lược ngà là biểu tượng cho tình phụ tử mộc mạc, đơn sơ mà đằm thắm, thiêng liêng; biểu tượng cho tình đồng chí, đồng đội gắn bó, keo sơn; nối dài những tình cảm đẹp của con người. Ngôn ngữ kể chuyện gần với khẩu ngữ và đậm màu sắc Nam bộ.

=> Tác phẩm tiêu biểu cho những đặc điểm trong nghệ thuật truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng.

**3. Đánh giá, mở rộng:**

- *Chiếc lược ngà* là tác phẩm lớn, mang dấu ấn của thời đại, là truyện đọc đời nào cũng hay vì nó không phải là truyện của một thời mà là của muôn đời. Tác giả Nguyễn Quang Sáng xứng đáng là “con chim vàng” trên cánh đồng miền Tây.

- Ý kiến có tính định hướng cho quá trình sáng tác và tiếp nhận nghệ thuật. Người nghệ sĩ luôn phải lao động sáng tạo, nghiêm túc, tâm huyết. Văn học phải là nơi gieo sự sống cho con người, giúp tinh thần con người phong phú và làm thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ. Người đọc cần tiếp nhận tác phẩm bằng tâm hồn, khối óc, giải phóng ra khỏi những biên giới chật hẹp của chính mình.

**III. Kết bài**

- Đánh giá lại vấn đề.

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm.

……………………………………………………………………………………..

**ĐỀ LUYỆN 05**

Nhà văn Nguyễn Minh Châu từng viết:

***“Dù anh viết xuôi viết ngược như thế nào, dù cho rằng anh viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường thì rốt cuộc vẫn để truyền thổi vào tâm hồn người đọc một niềm tin, một tình yêu bát ngát vào cuộc sống”.***

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: Chức năng/ giá trị của văn học

- Trích dẫn nhận định.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích:**

*- “viết xuôi viết ngược”:* cách viết, hình thức thể hiện đa dạng, khác nhau.

*- “viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường”:* nội dung biểu hiện – thiên về những cảm xúc nghịch chiều, những mặt tiêu cực của cuộc sống.

*→* Quan điểm của Nguyễn Minh Châu:dù người nghệ sĩ lựa chọn viết theo hình thức nghệ thuật nào, viết về bất cứ nội dung gì, kể cả những *“mảng tối”* củahiện thực, của cảm xúc… thì cái đích cuối cùng văn học là phải đem đến cho người đọc niềm lạc quan, tin yêu vào cuộc sống, vào con người; hướng người đọc vươn tới những giá trị chân, thiện, mĩ. **(Chức năng/ Giá trị của văn học)**

**2. Bàn luận:**

- Quan điểm của Nguyễn Minh Châu xuất phát từ đặc trưng văn học. *“Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống”,* vì vậy mọi mảng hiện thực – *“sáng”* hay *“tối”* đều là đối tượng phản ánh của văn học. Điều quan trọng không phải là anh *“viết về cái gì”* mà là anh viết để *“hướng tới điều gì”.*

- Quan điểm của Nguyễn Minh Châu xuất phát từ chức năng bao trùm của văn học là *“nhân đạo hóa con người”*, giúp con người sống tốt hơn, nghị lực và kiên cường hơn. Giá trị cuối cùng của văn học là *“nâng đỡ”* con người, đặc biệt là *“những người cùng đường tuyệt lộ”* chứ không phải là dập tắt hi vọng của con người, để con người không biết bấu víu vào đâu. Vì vậy *“nhà văn lớn phải là những người nhân đạo từ trong cốt tủy”.*

**3. Chứng minh:**Lựa chọn một số tác phẩm để chứng minh theo các ý.

- Ý kiến trên đúng với các thể loại văn học, đặc biệt đúng với thể loại truyện cổ tích. Ví dụ truyện cổ tích “Tấm Cám”

+Tác phẩm *“Viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi khổ đau, chán chường…”:* Truyện phản ánh số phận bất hạnh của cô Tấm thảo hiền:

-> Mồ côi mẹ từ nhỏ.

-> Bị mụ dì ghẻ bóc lột, chà đạp, hãm hại: cướp mất yếm đỏ, bắt mất cá bống, không cho đi chơi hội, hãm hại nhiều lần…

→ Mâu thuẫn giữa Tấm với mẹ con Cám không chỉ là mâu thuẫn giữa dì ghẻ - con chồng mà còn là hình thức biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn giai cấp, xung đột thiện – ác trong xã hội. Thân phận đầy đau khổ của Tấm là thân phận chung của những người nghèo, người mồ côi lương thiện trong xã hội xưa.

+ Tác phẩm “*Truyền thổi vào tâm hồn người đọc một niềm tin, một tình yêu bát ngát vào cuộc sống”:* Cô Tấm trải qua bao bất hạnh cuối cùng được hưởng hạnh phúc vẹn tròn. Cuộc đấu tranh giữa thiện và ác dù gay gắt, quyết liệt đến đâu thì cuối cùng cái thiện cũng chiến thắng cái ác, *“ở hiền sẽ gặp lành”*. Con đường đến với hạnh phúc của cô Tấm luôn có sự ủng hộ, giúp đỡ của những lực lượng siêu nhiên: ông Bụt, gà, chim sẻ… thể hiện ước mơ của nhân dân về sự công bằng. Đó là quá trình tự đấu tranh để giành và giữ hạnh phúc: 5 lần hóa thân thể hiện sức sống mãnh liệt và sự trưởng thành trong ý thức tự đấu tranh của cô Tấm.

→ Tác giả dân gian đã mượn yếu tố kì ảo, truyền thổi sức sống mãnh liệt cho nhân vật, vực nhân vật dậy *“đi trả thù và sống tự do”.* Ta hiểu rằng đằng sau lũy tre làng yên tĩnh luôn ấp ủ bao ước mơ lãng mạn và kì diệu của người lao động nghèo. Và chính truyện cổ tích đã tạo hình, chắp cánh cho những ước mơ, nuôi dưỡng niềm tin, niềm lạc quan cho con người.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Ý kiến bàn về chức năng giáo dục của văn học. Văn học làm cho con người sống đẹp hơn…

- Ý kiến là một bài học, là yêu cầu cho người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Muốn *“viết nhân đạo”* phải *“sống nhân đạo”*. Người nghệ sĩ phải sống sâu sắc với đời, với người, phải có trách nghiệm với việc cầm bút của mình. Thông qua tác phẩm, tác giả phải gửi được những thông điệp mang giá trị nhân văn sâu sắc, như vậy tác phẩm mới có sức sống trường tồn trong lòng người đọc.

+ Với người đọc, phải đồng cảm, tri âm với tác giả thông qua tác phẩm. Có như vậy tâm hồn người đọc mới được bồi đắp, trở nên giàu có và tràn đầy niềm tin yêu với cuộc sống.

**III. Kết bài**

- Đánh giá lại vấn đề.

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm.

……………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 06**  **Đọc và suy ngẫm truyện ngắn:**  **MÀU ƯỚC MƠ**  - Đào Thu Hà -  *Dụng cụ vẽ của Oanh, ba mẹ đã thu dọn, cất vào kho từ đầu năm học. Ba mẹ đã cho phép Oanh được tự do vẽ vời, tham gia các cuộc thi vẽ tranh suốt từ những năm tiểu học đến giờ. Năm nay, cuối cấp cần phải tập trung để thi đỗ trường cấp ba trọng điểm. Ngay cả ngành học đại học sau khi tốt nghiệp cấp ba, ba mẹ Oanh cũng đã định hướng sẵn rồi.*  *Đã nhiều lần, Oanh nói với ba mẹ về ước mơ của mình nhưng lần nào ba mẹ Oanh cũng cho rằng đó là suy nghĩ viển vông của một đứa con nít. Trong mắt ba mẹ, Oanh vẫn còn là một đứa trẻ con “ăn chưa no lo chưa tới”. Việc của Oanh là học thật giỏi, đi theo con đường mà ba mẹ đã định sẵn. Oanh không thể cãi lời ba mẹ. Oanh không muốn làm ba mẹ buồn. Ngày trước còn nhỏ, gia đình khó khăn, để nuôi hai anh em Oanh, ba mẹ đã rất vất vả. Oanh nhớ, khi mình học lớp một, mẹ vì làm việc đến kiệt sức mà ngất xỉu. Dẫu vậy, ba mẹ chưa từng để cho anh em Oanh phải thiếu thốn gì. Nhà có hai anh em, anh Hưng đã học y theo đúng nguyện vọng của ba mẹ. Nhưng đấy cũng là ngành mà anh Hưng thích từ hồi còn nhỏ. Anh Hưng bảo từ cái lần mẹ bị ngất xỉu, anh còn nhỏ sợ quá chỉ biết đứng khóc, anh đã quyết tâm sau này lớn lên học ngành y.*  *Còn Oanh, Oanh thương ba mẹ rất nhiều nhưng Oanh cũng có mơ ước của mình là được trở thành một họa sỹ. Ước mơ ấy được nhen nhóm từ những câu chuyện kể của bà nội. Ngày còn bé, mỗi lần thấy Oanh ngồi nguệch ngoạc vẽ xuống đất, nội lại cầm xấp giấy đã ố vàng mà nội cất giữ cẩn thận suốt bao năm cho Oanh xem. Đấy là những bức ký họa bằng bút chì của ông nội ngày xưa. Nội kể, ông vẽ đẹp lắm. Ông đã từng có mơ ước đi khắp miền đất nước để vẽ lại những cảnh đẹp của nước mình. Nhất là được vẽ lại phong cảnh thơ mộng của núi rừng Tây Nguyên. Nhưng chiến tranh, ông nội đã xếp mơ ước của mình để đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Ngày theo đoàn quân tiến về giải phóng Sài Gòn, ông không may bị thương ngay tại cửa ngõ Sài Gòn, phải cưa cả hai chân. Ước mơ được đi dọc miền đất nước chẳng thể nào thực hiện được nữa. Bà nội thương ông lắm. Mỗi lần kể đến đây nội lại đưa tay lau nước mắt. Muốn ông thực hiện được một phần mong muốn của mình, bà chọn Tây Nguyên làm nơi sinh sống. Bà cóp nhặt mua được mảnh đất có địa hình cao, quan sát được toàn cảnh. Hàng ngày, bà bươn chải kiếm sống. Còn ông, ông thường ngồi trên ngọn đồi, ngắm cảnh bình minh hoặc hoàng hôn xuống. Tranh của ông được cảm nhận theo mùa, theo thời gian. Khi là những bông hoa cà phê trắng muốt tinh khôi, trải dài trên triền dốc. Khi là bức tranh nông dân phấn khởi hăng say lao động, thu hái cà phê mỗi độ mùa về… Không giá vẽ, không màu vẽ, tranh của ông nội chỉ đơn giản là những nét chì đen trên những tờ giấy A4 đã cũ mà vẫn sinh động và cuốn hút. Thầy dạy vẽ của Oanh từng nói, khi người họa sỹ đặt hết tâm hồn của mình vào bức tranh thì sẽ khiến bức tranh ấy sống động, có hồn. Chắc hẳn khi vẽ về nơi mình yêu, ông nội đã đặt hết tình cảm của mình vào đó. Những vết thương hành hạ nên ông nội mất sớm, những bức vẽ ông để lại không nhiều.* *Chúng trở thành tài sản vô giá của bà nội, nhen nhóm ước mơ trở thành họa sỹ của Oanh. Oanh muốn tiếp bước những điều ông nội còn đang ấp ủ, muốn vẽ về nơi Oanh đã sinh ra và lớn lên, vẽ về những điều giản dị mà thân thương ở nơi này cho mọi người cùng biết.*  *Nhiều lúc, Oanh thấy “ghen tị” với Nga, cô bạn mà Oanh biết trong một lần được ra Hà Nội dự lễ trao giải cuộc thi vẽ tranh do hội đồng đội tổ chức. Năm ấy, Oanh được giải nhất còn Nga được giải nhì. Hai đứa cùng tuổi, chung sở thích nên nhanh chóng kết thân. Những cánh thư học trò cứ nối dài thêm tình bạn. Đầu năm học này, cả hai đều được bố mẹ mua cho một chiếc điện thoại để tiện liên lạc, đưa đón nên chuyển qua nhắn tin. Nga bảo, Nga đã vẽ xong rồi. Nếu Oanh không nhanh thì sẽ không kịp.*  *Oanh vẫn không dám xin phép ba mẹ. Ba mẹ muốn Oanh học tập thật tốt để sau này có công việc ổn định. Mẹ bảo ngày xưa vì hoàn cảnh khó khăn mà không được học hành đàng hoàng, ba mẹ cố gắng làm lụng cũng là để cho hai anh em Oanh ăn học thành tài. Oanh lén xuống nhà kho, lấy đồ vẽ giấu lên phòng. Tranh thủ những lúc học bài xong và lúc sáng sớm, Oanh vẽ từng chút một. Chỉ còn hơn hai tuần nữa sẽ có một chương trình từ thiện do các anh chị bên đoàn thanh niên tổ chức để quyên góp tiền xây lại phòng học cho các bạn học sinh vùng khó khăn. Oanh, Nga và nhóm bạn cùng đạt giải cuộc thi vẽ cách đây hai năm đã thống nhất mỗi người sẽ vẽ một bức tranh mang đến tặng chương trình bán đấu giá. Oanh vẽ bức tranh về Tây Nguyên với mái nhà dài, những cô gái, chàng trai mặc trang phục thổ cẩm và say sưa cùng vũ điệu cồng chiêng… Nhìn vào bức tranh khiến người xem chưa từng biết đến Tây Nguyên vẫn có thể cảm nhận được nét văn hóa nơi này. Nơi Oanh sinh ra và lớn lên thật đẹp. Mỗi một mảng màu, một nét vẽ, Oanh đều dồn hết cả tâm trí vào đấy. Khi được cầm cọ vẽ, Oanh thấy trong lòng mình tràn ngập niềm vui và hạnh phúc.*  *Bức tranh được hoàn thiện dần từng chút một. Buổi sáng trước khi đi học, mẹ hỏi:*  *- Dạo này mẹ thấy con tắt đèn muộn mà sáng lại dậy sớm. Bài vở nhiều quá hả con?*  *Oanh đỏ mặt, ấp úng: - Dạ…*  *Mẹ dặn dò: - Năm nay cuối cấp, con phải chịu khó học hành nhưng cũng phải để ý sức khỏe. Thôi, con đi học đi không lại muộn giờ.*  *Oanh chào mẹ đi học mà trong lòng thấy có lỗi quá. Chưa bao giờ Oanh nói dối mẹ. Nhưng lần này…*  *Nga thường nhắn tin hỏi Oanh đã vẽ xong chưa, háo hức bảo không biết bức tranh của mình bán đi sẽ mua được bao nhiêu bộ sách, bao nhiêu cuốn vở. Rồi Nga lại ước giá như mình đã trở thành họa sỹ nổi tiếng để tranh của mình bán được nhiều tiền hơn. Những lời nói của Nga khiến Oanh cũng háo hức lây. Bức tranh hoàn thành vào trước ngày diễn ra chương trình đúng một ngày, lại ngay dịp cuối tuần. Chờ mẹ đã đi chợ, bố đi công chyện, anh Hưng thì đi thực tập ở bệnh viện, Oanh bọc cẩn thận rồi mang bức tranh đi gửi ban tổ chức cùng niềm hi vọng. Hi vọng sẽ có người thích bức tranh của Oanh mà mua nó. Trong những bộ sách giáo khoa tặng trường học, trong những cuốn vở, cây bút và có khi trong những viên gạch mới để xây trường, biết đâu có phần đóng góp từ bức tranh mà Oanh vẽ. Oanh lấy điện thoại, nhắn tin cho Nga: “Tớ đã nộp về ban tổ chức rồi. Tranh cậu gửi theo đường bưu điện cũng tới nơi rồi nhé”.*  *Niềm hạnh phúc lâng lâng theo Oanh về đến cửa nhà. Bước đến cửa phòng mình, Oanh khựng lại. Mẹ đang ngồi bên bàn học. Lúc đi vội quá, Oanh chưa kịp cất cọ vẽ và màu vẽ. Thấy Oanh, mẹ nghiêm khắc:*  *- Con hãy giải thích cho mẹ nghe những cây cọ vẽ và bút màu này là như thế nào. Những ngày vừa rồi, con thức khuya, dậy sớm là để vẽ tranh đúng không?*  *Oanh cúi đầu lí nhí: - Con xin lỗi mẹ. Nhưng con vẽ tranh là có lý do.*  *- Mẹ không cần biết lý do của con là gì. Con đã nói dối và không nghiêm chỉnh học hành. Ngay bây giờ mẹ sẽ vứt hết những dụng cụ vẽ này của con.*  *Oanh cuống quýt: - Mẹ...*  *- Mẹ không muốn nghe thêm gì nữa. Từ giờ con sẽ không được phép vẽ vời gì nữa hết.*  *Oanh bật khóc:*  *- Tại sao lúc nào mẹ cũng ép buộc con phải như thế này, như thế kia. Có bao giờ, ba mẹ hỏi xem con thích vẽ như thế nào, ước mơ của con là gì không? Con vẫn luôn cố gắng học tập để ba mẹ vui lòng nhưng sao ba mẹ không bao giờ cho phép con được vẽ theo mong muốn của mình?*  *Oanh chạy ra khỏi nhà. Cái nắng gay gắt ban trưa tháng 6 bỏng rát nhưng Oanh không để ý. Oanh chạy lại thác nước, thu mình ngồi trên tảng đá. Tiếng nấc tủi thân cứ thế tấm tức trong lồng ngực.*  *Đến chiều tối thì anh Hưng tìm thấy Oanh. Anh Hưng vừa an ủi Oanh, vừa trách Oanh trẻ con, có gì cũng phải từ từ nói, không thể chạy đi như vậy. Oanh làm cả nhà lo lắng có biết không? Vừa mệt, vừa đói nên Oanh chẳng thể trả lời anh. Đêm, Oanh lên cơn sốt. Oanh thấy mình lúc nóng, lúc lạnh, miệng muốn cất tiếng gọi mà chẳng thể cất nên lời. Oanh chìm vào giấc mê man.*  *Tỉnh dậy Oanh đã thấy mình trong bệnh viện. Ba mẹ ngồi cạnh giường, đôi mắt hai người trũng xuống, lộ rõ vẻ mệt mỏi. Thấy Oanh tỉnh lại, mẹ mừng rỡ:*  *- Con tỉnh rồi hả. Con có thấy khó chịu ở đâu không?*  *Cổ họng Oanh khô khốc, Oanh lí nhí:*  *- Con xin lỗi ạ. Con...*  *Bố rót một ly nước ấm cho Oanh:*  *- Con uống nước đi. Con sốt mê man cả hai ngày rồi. Con mê sảng vừa khóc vừa nói làm ba mẹ lo quá. Con tỉnh dậy là tốt rồi.*  *Mẹ cầm tay Oanh:*  *- Mẹ cũng xin lỗi vì đã trách con. Hôm qua, các anh chị bên đoàn thanh niên tới nhà gửi thư cảm ơn bức tranh của con. Bức tranh đã được một chị sinh viên chuẩn bị đi du học ở nước ngoài mua. Nếu mẹ biết con vẽ tranh để quyên góp quỹ giúp các bạn học sinh vùng khó khăn, mẹ sẽ không cấm con.*  *- Con rất thích vẽ mẹ ạ. Con còn muốn vẽ thật nhiều bức tranh nữa.*  *Mẹ mỉm cười:*  *- Ừ. Ba mẹ sẽ không cấm con nữa. Nhưng con vẫn phải chú ý việc học tập. Muốn thành một họa sỹ giỏi, truyền đạt được những điều con muốn thì con cũng phải học cho thật tốt đã nghe chưa.*  *Anh Hưng bước vào từ lúc nào, giọng anh đầy vui vẻ:*  *- Mẹ ơi, con thấy em muốn trở thành họa sỹ thì trước tiên phải ăn cho khỏe đã. Nào, em gái, cháo vừa thơm vừa ngon đến đây.*  *Cả nhà cùng cất tiếng cười giòn tan. Oanh thấy trong mắt ba mẹ có những tia nắng lấp lánh.*  Theo <https://baodaknong.vn/truyen-ngan-mau-uoc-mo-98918.html>  **Thực hiện yêu cầu sau:**  Cũng nói về ước mơ, trong diễn từ nhận giải Nobel văn học 2016, Bob Dylan cho rằng:  *Bất cứ ai viết một cuốn sách, một bài thơ hay một vở kịch ở bất cứ đâu trên thế giới đều có thể nuôi dưỡng giấc mơ bí mật từ trong sâu thẳm. Có thể nó được chôn sâu đến mức chính họ không nhận ra.*  Phải chăng, Đoàn Thu Hà đã tìm thấy tiếng nói đồng điệu với Bob Dylan? Qua truyện ngắn *Màu ước mơ* của Đoàn Thu Hà, em hãy làm sáng tỏ ý kiến của Bob Dylan. |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận; trích dẫn nhận định

- Giới thiệu truyện ngắn Màu ước mơ

Khi những trang văn mở ra, tôi luôn tự hỏi văn chương đã đem đến cho con người điều gi để rồi vì sao nhân loại không ngừng say đắm và thao thức vì nó? Nếu nhà văn Pháp Eric Emmanuel Schmitt từng khẳng định: *Văn học là hành lang dẫn ta vào giấc mơ* thì Bob Dylan cũng cho rằng: *Bất cứ ai viết một cuốn sách, một bài thơ hay một vở kịch ở bất cứ đâu trên thế giới đều có thể nuôi dưỡng giấc mơ bí mật từ trong sâu thẳm. Có thể nó được chôn sâu đến mức chính họ không nhận ra.* Phải chăng, sức sống của các tác phẩm văn học là thắp lên trong tâm hồn người đọc những ước mơ cao đẹp? Truyện ngắn *Màu ước mơ* của Đoàn Thu Hà cũng đã thắp lên những giấc mơ của tuổi trẻ chúng ta.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích:**

- *Giấc mơ*: mong muốn, khát vọng mà người nghệ sĩ gửi gắm trong sáng tác và thể hiện trong chủ đề, tư tưởng thẩm mĩ của tác phẩm. Tất cả được “ẩn” vào đặc trưng thể loại.

- *Giấc mơ bí mật từ trong sâu thẳm, có thể được chôn sâu đến mức chính họ cũng không nhận ra:*

+ *Giấc mơ* của người nghệ sĩ được thoát ra từ hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm, có thể vượt ra ngoài ý đồ sáng tạo của tác giả.

+ *Giấc mơ* là ước vọng tha thiết nhất của người sáng tạo, là tiếng nói về tình đời, tình người của tác giả…

=> Theo Bob Dylan, mỗi tác phẩm văn học đều gửi gắm ước mơ, khát vọng của người nghệ sỹ và ước mơ, khát vọng ấy vô cùng phong phú, tinh tế sâu sắc…

**2. Bàn luận:**

- Ý kiến bàn về ý nghĩa thẩm mĩ của tác phẩm nghệ thuật nói chung, tác phẩm văn học nói riêng:

+ Tác phẩm không chỉ thể hiện nhận thức, lí giải của nhà văn về hiện thực mà còn chứa đựng những giấc mơ về cuộc đời, là phương tiện để tác giả thực hiện sứ mệnh của “người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp”, cái chân, cái thiện…

+ Tác phẩm nghệ thuật chứa đựng những “giấc mơ bí mật”, vì vậy nó là một cấu trúc mở thu hút sự kiếm tìm, khám phá, lí giải của người đọc.

**3. Chứng minh:**

**a. Luận điểm 1. Truyện ngắn *Màu ước mơ* đã nuôi dưỡng những giấc mơ bí mật**

**\* Đó là ước mơ của nhân vật Oanh**

- Oanh là một cô bé ẩn giấu trong mình một tài năng và đam mê hội hoạ mãnh liệt. Cô yêu hôi hoạ và khao khát được cầm cọ để vẽ lên những bức tranh tô điểm cho cuộc sống, cho quê hương của cô. *Mỗi một mảng màu, một nét vẽ, Oanh đều dồn hết cả tâm trí vào đấy. Khi được cầm cọ vẽ, Oanh thấy trong lòng mình tràn ngập niềm vui và hạnh phúc.*

- Oanh ấp ủ trong mình một ước mơ trở thành hoạ sỹ. Ước mơ đó được khởi nguồn từ những câu chuyện về ông nội của bà: *Ngày còn bé, mỗi lần thấy Oanh ngồi nguệch ngoạc vẽ xuống đất, nội lại cầm xấp giấy đã ố vàng mà nội cất giữ cẩn thận suốt bao năm cho Oanh xem. Đấy là những bức ký họa bằng bút chì của ông nội ngày xưa. Nội kể, ông vẽ đẹp lắm.* Chính ước mơ của ông nội đã thắp lên trong Oanh khao khát được thay ông *đi khắp miền đất nước để vẽ lại những cảnh đẹp của nước mình… Oanh muốn tiếp bước những điều ông nội còn đang ấp ủ, muốn vẽ về nơi Oanh đã sinh ra và lớn lên, vẽ về những điều giản dị mà thân thương ở nơi này cho mọi người cùng biết.*

- Oanh còn có giấc mơ cao đẹp hơn nữa là: được dùng tài năng của mình để cống hiến cho cuộc đời. Dẫu chỉ là một cô bé chập chững bước sang tuổi 15 nhưng Oanh đã có những suy nghĩ, hành động cao đẹp. Cô bé mong muốn vẽ những bức tranh đẹp để bán lấy tiền quyên góp quỹ giúp các bạn học sinh vùng khó khăn. *Trong những bộ sách giáo khoa tặng trường học, trong những cuốn vở, cây bút và có khi trong những viên gạch mới để xây trường, biết đâu có phần đóng góp từ bức tranh mà Oanh vẽ.*

**\* Đó là ước mơ của bố mẹ Oanh:** Bố mẹ mong ước Oanh sẽ đỗ vào trường trọng điểm để sau này có tương lai tốt đẹp vì thế mẹ rất nghiêm khắc, không muốn cô bé dành quá nhiều thời gian cho việc vẽ mà ảnh hưởng đến việc học tập. Đó cũng chính là mơ ước của bao người cha, người mẹ cho tương lai của những đứa con mình.

**\* Đó còn là ước mơ của chính nhà văn gửi gắm trong từng trang sách**

- Ước mơ về thế hệ trẻ hãy biết thức dậy những ước mơ đang ngủ quên trong tâm hồn và nuôi dưỡng nó để biến ước mơ đó thành hiện thực.

- Đó còn là mơ ước được viết lên những trang văn ngợi ca những ước mơ cao đẹp của con người trong cuộc sống với bao bộn bề, âu lo.

**b. Luận điểm 2. Truyện ngắn *Màu ước mơ* đã sử dụng những hình thức nghệ thuật độc đáo để ấp ủ giấc mơ đẹp của con người**

- Truyện có dung lượng ngắn gọn: Tác phẩm kể về câu chuyện của cô bé Oanh. Một cô bé có ước mơ trở thành hoạ sỹ những không dám bộc lộ điều đó với cha mẹ. Cô bé đã giấu mẹ tham gia cuộc thi vẽ do Đoàn thanh niên tổ chức để bán tranh lấy tiền quyên góp cho các bạn học sinh vùng khó khăn. Khi mẹ phát hiện và không đồng ý cho Oanh tham gia. Cô bé ấm ức nói ra những suy nghĩ của mình rồi bỏ chạy ra khỏi nhà để mọi người lo lắng và đi tìm. Sau đó, Oanh bị ốm và phải vào bệnh viện. Mẹ biết được việc làm ý nghĩa của Oanh và cả nhà đã ủng hộ Oanh.

- Câu chuyện được kể theo trình tự thời gian, với ngôi kể thứ ba. Truyện không có nhiều tình tiết, sự việc gay cấn mà diễn ra nhẹ nhàng, êm dịu.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Khẳng định ý nghĩa của nhận định và giá trị của truyện ngắn *Màu ước mơ*. Câu nói của Bob Dylan hoàn toàn đúng đắn. *Bất cứ ai viết một cuốn sách, một bài thơ hay một vở kịch ở bất cứ đâu trên thế giới đều có thể nuôi dưỡng giấc mơ bí mật từ trong sâu thẳm. Có thể nó được chôn sâu đến mức chính họ không nhận ra.* Chính những *giấc mơ bí mật được chôn giấu* làm cho tác phẩm văn học có chiều sâu vô tận, luôn luôn mới mẻ và hấp dẫn. Truyện ngắn *Màu ước mơ* là những trang văn ngợi ca vẻ đẹp của tâm hồn con người qua chính những giấc mơ ẩn giấu. Đoàn Thu Hà là người dẫn đường tài năng và Màu ước mơ chính là xứ sở của cái đẹp.

- Mở rộng vấn đề: Trong diễn từ nhận giải Nobel của Bob Dylan, *giấc mơ bí mật* còn có thể hiểu là giấc mơ được sáng tạo, được khẳng định và ghi nhận của nghệ sĩ muôn đời.

- Rút ra bài học cho người sáng tác và tiếp nhận: Người nghệ sĩ phải sống sâu sắc với đời, với người, phải có trách nghiệm với việc cầm bút của mình. Người đọc phải có một tầm đón nhận tương ứng mới có thể giải mã được *giấc mơ bí mật* của nhà văn gửi trong tác phẩm.

**III. KẾT BÀI**

- Đánh giá lại vấn đề.

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm.

………………………………………………………………

**ĐỀ LUYỆN 07**

***Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người***

(Nguyên Ngọc - Báo văn nghệ số 31/10/1987)

Anh/Chị  hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: Vai trò, chức năng/ giá trị của tác phẩm văn học.

- Trích dẫn nhận định

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích**

**-** *Nghệ thuật* chỉ phạm trù lớn, bao gồm cả văn học và các ngành nghệ thuật khác.

- Nghệ thuật là *sự vươn tới, sự hướng về tính người :* Muốn nói tới sự khám phá, phản ánh vẻ đẹp nhân bản, nhân văn của nghệ thuật chân chính.

- Nghệ thuật là sự *sự níu giữ mãi mãi tính người:* muốn đề cập đến vai trò cảm hóa, tác động tích cực, chức năng bồi bổ tâm hồn con người của văn học nghệ thuật.

=> Tóm lại, ý kiến của Nguyên Ngọc muốn đề cao chức năng, vai trò của nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng: luôn mang thiên chức cao cả là phản ánh, ngợi ca vẻ đẹp nhân tính của con người và vì thế, văn học nghệ thuật đảm nhận chức năng nhân đạo hoá con người, giúp con người hoàn thiện hơn.

**2. Bàn luận**

- Nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng mang thiên chức cao cả là nhân đạo hoá con người

- Văn học nghệ  thuật vừa là sản phẩm đời sống vừa là  một hình thức biểu hiện tư tưởng tình cảm cũng là phương tiện giao tiếp quan trọng của con người. Nó có nhiều chức năng trong đó quan trọng hơn cả và quán xuyến tất cả là chức năng nhân đạo hoá con người.

- Là sản phẩm tinh thần của con người, do con người tạo ra để  đáp ứng những nhu cầu trong đời sống nhất là đời sống tâm hồn, văn học chỉ thực sự có giá  trị khi nói lên tiếng nói của tâm hồn con người, thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca, bảo vệ  con người. Vì vậy tinh thần nhân đạo bao giờ  cũng là cốt tuỷ và nhân đạo hoá  con người bao giờ cũng là thiên chức cao nhất của văn học chân chính.

- Tác phẩm văn học thể hiện tính nhân đạo theo nhiều phương thức phê phán tố cáo tội ác của những thế  lực hắn ám chà đạp quyền sống con người, tập trung ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp, thấu hiểu, cảm thông tâm tư tình cảm, nguyện vọng ước mơ  của con người giúp con người bày tỏ ước nguyện. Sự đa dạng của tính nhân đạo tuỳ thuộc  ở cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật, phương pháp sáng tác của nghệ sĩ.

**3. Chứng minh:** HS chọn các dẫn chứng để chứng minh, có thể theo hướng sau:

- Phân tích “tính người” - nội dung tư tưởng nhân văn, vẻ đẹp trong tâm hồn con người Việt Nam qua tác phâm lấy làm dẫn chứng.

- Chỉ ra tư tưởng, tình cảm mà tác giả gửi gắm qua tác phẩm của mình.

- Phân tích làm rõ được cách thể hiện độc đáo của các tác giả trong việc phản ánh, níu giữ tính người cho con người qua tác phẩm của họ; những biện pháp nghệ thuật độc đáo trong việc truyền tải nội dung tư tưởng nhân văn, tình cảm của con người Việt Nam

- Khái quát, đánh giá vấn đề bàn luận.

**Ví dụ cụ thể: Tác phẩm “Lão Hạc” của Nam Cao**

**\* Giới thiệu khái quát về tác giả Nam Cao, tác phẩm “Lão Hạc”**

**\* Tác phẩm ngợi ca vẻ đẹp của Lão Hạc.**

- Đó là một người nông dân nghèo khổ nhưng hết lòng yêu thương con, hi sinh tất cả vì con:Lão yêu con một cách thầm lặng. Vợ mất sớm, lão ở vậy nuôi con đến khi trưởng thành. Lão chắt chiu, dè sẻn để có tiền lo cưới vợ cho con. Lão luôn day dứt, đau khổ vì mình nghèo không lo được cho con. ***(HS lấy dẫn chứng chứng minh)***

**+** Thương con lão chọn cho mình một cách hi sinh, đặc biệt là hi sinh cả mạng sống của mình cho con***.***Mọi hànhđộng của lão đều hướng về con. Lão chọn cái chết để giữ tài sản cho con để trọn đạo làm cha.

- Lão Hạc là người nhân hậu, giàu lòng tự trọng

+ Lão rất mực yêu thương cậu Vàng – con chó mà đứa con để lại. Lão chăm sóc, trò chuyện, nâng niu cậu vàng. Phải bán con chó đi, lão đau khổ dằn vặt. Lão chọn cách chết bằng cách ăn bả chó như là một sự chuộc lỗi với cậu Vàng.

*- “Tính người” trong Lão Hạc được níu giữ nhờ biện pháp nghệ thuật độc đáo: Đó là cách kể chuyện* ở ngôi thứ nhất với người kể chuyện là ông Giáo làm câu chuyện dẫn dắt tự nhiên sinh động hấp dẫn. Đó là nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật xuất sắc qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Chi tiết giản dị, ám ảnh; ngôn ngữ gần gũi, quen thuộc.

- “Lão Hạc” không chỉ là *sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ*tính người trong nhân vật lão Hạc – một người nông dân nghèo khổ, làm lũ, “ít học nhưng không ít tấm lòng” mà còn là sự níu giữ tính người trong lòng người đọc. Đọc tác phẩm, người đọc như nhận ra cần phải trân trọng, nâng niu phần người trong mỗi con người, cần sống tốt hơn, lương thiện hơn.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Khẳng định giá  trị lớn lao phong phú đa dạng của khả năng nhân đạo, nêu bật sức hấp dẫn của văn học nghệ  thuật.

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận:

+ Người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo: phải rung động trước cuộc đời, tìm tòi, khám phá, hướng bạn đọc đến các giá trị Chân - Thiện – Mĩ, góp phần bồi đắp tâm hồn người đọc.

+ Người đọc cần có ý thức bồi đắp tâm hồn, biến quá trình nhận thức thành quá trình tự nhận thức và hoàn thiện bản thân.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định lại vấn đề.

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 08**  **Văn chương là lửa, băng, nước...**  *Tôi bắt đầu tin văn chương cũng có lửa, làm tan chảy những bức tường thép mà mỗi người tự dựng lên; văn chương cũng là băng, gắn kết những ốc đảo người thành một khối; văn chương cũng là nước, dịu dàng mà mãnh liệt vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ…”* (Nguyễn Ngọc Tư)  Hãy kiếm tìm lửa, băng, nước … trong những áng văn thơ mà em đã được học, được đọc được biết và được say. |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Chức năng của văn chương

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích nhận định**

- “Lửa” là sức nóng, là thứ có khả năng làm tan chảy những bức tường thép, những vật liệu kim loại thô ráp, cứng rắn; “những bức tường thép mà mỗi người tự dựng lên” là những suy nghĩ, tâm hồn của mỗi người; “văn chương cũng là băng, gắn kết những ốc - đảo - người thành một khối”; văn chương cũng mang sự dịu dàng của nước nhưng “mãnh liệt vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ,..”. Văn chương được tạo nên từ những con chữ nhỏ nhắn nhưng lại mang sức mạnh lớn lao để cho ra đời những bài học vô giá, vượt qua những giới hạn trong cuộc sống, kết nối con người với các thời đại.

- Mượn những hình ảnh ẩn dụ: *lửa, băng, nước* Nguyễn Ngọc Tư đã gợi mở cho chúng ta về vai trò của văn chương với con người. Tưởng chừng rằng văn chương như lửa, như nước sẽ đối lập nhau, ấy vậy mà trong câu nói của Nguyễn Ngọc Tư, văn chương đã kết nối hài hòa mọi thứ để phá tan xiềng xích, chạm vào sâu thẳm trong trái tim người đọc để gắn kết nhân loại.

- Vì sao Nguyễn Ngọc Tư lại cho rằng: Văn chương có lửa, có băng, có nước ...? Bởi lẽ văn chương là một loại hình nghệ thuật độc đáo. Văn chương được bắt nguồn từ cuộc sống con người nên văn chương cũng chính là *lửa, băng, nước* – những yếu tố tạo nên sự sống. Hơn nữa, Văn chương giúp nhân loại sưởi ấm, làm tan chảy khối băng, tưới mát tâm hồn bằng nước. Nó giúp kết nối trái tim ta, kết nối mọi người, mọi vật, mọi thời đại, làm người gần người hơn, làm người hơn, xóa nhòa đi mọi ranh giới. Tuy nhiên, văn chương chỉ thực sự phát huy hết mọi khả năng của nó nếu đó là tác phẩm chân chính. Tác phẩm đó phải là đứa con tinh thần mà tác giả thai nghén đã lâu, phải thể hiện được những giá trị chân - thiện - mĩ. Nói như nhà văn Nam Cao: “Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả nhân loại”. Nhà văn phải dùng hết thảy bút lực cùng với trí lực của bản thân để cho ra đời những tác phẩm hay nhất để nó có sức kết nối và lan tỏa với bạn đọc. Còn với độc giả, hãy cứ đọc, cứ thâm nhập bằng vốn hiểu biết của mình, hãy cứ khám phá, trải nghiệm, sống cùng tác phẩm để biết thật nhiều, hiểu thật sâu và nắm lấy sợi dây kết nối của văn chương để hòa hợp và lan tỏa.

**2. Phân tích, chứng minh**

**a. Văn chương là lửa là băng là nước**

**- Văn chương có lửa làm tan chảy những bức tường thép trong tâm hồn của con người.**

**+** Đến với văn chương, con người như tìm lại được con người thật của bản thân, tìm về với chính mình. Dưới những lo toan của cuộc sống, con người bao giờ cũng phải dựng lên bức tường thép, mặc áo giáp để xây nên những vỏ bọc hoàn hảo nhưng khi đã thả mình vào văn chương, người ta có thể cởi bỏ tất cả những thứ đó mà vô lo vô nghĩ bởi văn chương đã tưới mát cho tâm hồn già cỗi có thêm sức sống, trái tim được rung động. Phải chăng văn chương đã thấu cái tận cùng, tâm can của con người, thấy được những hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn để rồi làm tan chảy nó.

+ Chứng minh qua một tác phẩm văn học

**- Văn chương là băng để gắn kết những ốc đảo người thành một khối**

+ M.Gorki đã từng nói: “Văn học là nhân học”. Thật vậy, văn chương ra đời để “gắn kết những ốc - đảo - người” thành một khối. Tự bao đời nay, từ văn học dân gian cho đến văn học hiện đại, văn chương vẫn được biết đến là sợi dây kết nối người với người, mang đến những bài học đầy tính nhân văn để truyền tải tình yêu thương nhân loại.

+ Chứng minh qua một tác phẩm văn chương

**- Văn chương là nước, dịu dàng mà mãnh liệt vượt qua mọi rào cản**

+ Văn chương phá bỏ rào cản về không gian, thời gian, mở ra bờ cõi giúp ta “kết nối” đến mọi thời đại. Văn chương như một sợi dây vô hình không có giới hạn giúp ta tìm hiểu được mọi thứ mà ta muốn. Ta có thể khám phá những vùng đất mới qua văn chương mà chưa từng đặt chân đến.

+ Chứng minh qua một vài tác phẩm

**b. Văn chương cần đến những hình thức nghệ thuật độc đáo để có thể phát huy sức mạnh của lửa, băng và nước**

- Thơ ca cần đến hình thức nghệ thuật độc đáo: thể thơ, ngôn ngữ, âm điệu, biện pháp tu từ ...

- Truyện ngắn cần đến cốt truyện, sự kiện, nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn ...

- Kịch cần đến nhân vật, mâu thuẫn, xung đột ...

**3. Đánh giá**

- Khẳng định lại nhận định của Nguyễn Ngọc Tư

- Khẳng định giá trị của văn chương

- Rút ra bài học cho quá trình sáng tác và tiếp nhận văn học

**III. KẾT BÀI**

Khẳng định lại chức năng và sức sống của văn chương.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**SỨC MẠNH KẾT NỐI CỦA VĂN CHƯƠNG**

“Văn chương nằm ngoài mọi định luật băng hoại của thời gian, chỉ mình nó là không thừa nhận cái chết”, không phải ngẫu nhiên mà Seđrin lại khẳng định như vậy. Bởi lẽ, hầu hết vạn vật trên cõi đời đều sinh ra, tồn tại rồi tan biến vào hư vô, nhưng văn chương lại giữ được sức sống mãnh liệt cho riêng mình, vẫn tồn tại sau bao thăng trầm, sau bao cuộc “bãi bể hóa nương dâu”. Điều gì làm nên sức sống đó? Điều gì làm cho văn chương luôn giữ được giá trị vững bền của mình trong dòng chảy xiết của thời gian? Có lẽ là nhờ vào sức mạnh kết nối của văn chương như cách nhà văn Nguyễn Ngọc Tư viết: “Tôi bắt đầu tin văn chương cũng có lửa, làm tan chảy những bức tường thép mà mỗi người tự dựng lên; văn chương cũng là băng, gắn kết những ốc đảo người thành một khối; văn chương cũng là nước, dịu dàng mà mãnh liệt vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ…”.

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Tư, văn chương có “lửa”, có “băng” và có cả “nước”. Mỗi nguyên tố được đem ra so sánh với văn chương đều gửi gắm một phần sức mạnh kết nối của các tác phẩm: “Lửa” làm tan chảy “bức tường thép” của mỗi người tức là làm cho con người dẹp bỏ được cái tôi kiêu ngạo của mình, dẹp bỏ được phòng tuyến ngụy trang của bản thân, dùng trái tim để đối đãi với trái tim. “Băng” trong văn chương giúp “gắn kết các ốc đảo người thành một khối”, khiến cho người gần người hơn, nhân loại sống vì nhau hơn. Và cuối cùng, văn chương cũng là “nước” “vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ…”, đưa con người không chỉ ngược về quá khứ mà còn mang con người đến những vùng đất xa xôi, cho con người “một bài học trông nhìn và thưởng thức” (Thạch Lam). Quan điểm của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư góp phần khẳng định: Văn chương không bao giờ chỉ là những con chữ khô khan nằm đơ trên trang giấy, văn chương còn là “lửa”, là “băng”, là “nước”, là nhịp cầu kết nối con người.

Không thể nào phủ nhận ý kiến của nhà văn bởi văn chương sinh ra đã mang trong mình một sức mạnh mãnh liệt kết nối những tâm hồn đồng điệu. Văn chương ra đời với sứ mệnh nâng đỡ, xây dựng con người, hướng con người đến những quan niệm sống tốt đẹp. Nói như Hoài Thanh, “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta chưa có, luyện những tình cảm ta sẵn có”, hoặc nói như Macxim Gorki: “Văn học là nhân học”. Không phải chỉ đơn giản gắn kết giữa người đọc và tác phẩm, mà văn chương còn gắn kết độc giả với nhau thành một khối hoàn chỉnh. Do mang trong mình những sứ mệnh đặc biệt nên sức mạnh của văn chương không thể chỉ là sức mạnh nhỏ bé và tầm thường. Đó phải là một sức mạnh mãnh liệt và trường tồn, có khả năng chống lại “mọi định luật băng hoại của thời gian” (Sekhov).

Văn chương cũng có lửa, làm tan chảy những bức tường thép mà mỗi người tự dựng lên…Như ngọn lửa hồng, văn chương sưởi ấm và làm tan chảy những bức tường thép đang khóa chặt trái tim của con người, giúp con người tháo bỏ những phần cao ngạo, cái tôi cố chấp, để sống nhẹ nhàng hơn, yêu thương nhiều hơn. Nói như Hoài Thanh: “Một người hằng ngày chỉ cặm cụi lo lắng vì mình, thế mà khi xem truyện hay ngâm thơ có thể vui, buồn, mừng, giận cùng những người ở đâu đâu, vì những chuyện ở đâu đâu, há chẳng phải là chứng cớ cho cái mãnh lực lạ lùng của văn chương hay sao?” Đúng thật, văn chương có một sức mạnh lạ kì, làm con người ta tháo bỏ những thành trì, giúp con người nhận ra những cảm xúc bấy lâu thường che giấu hoặc có thể là không thể ngờ đến. Khi tiếp cận văn chương, bằng một cách tự nhiên, con người mở rộng lòng mình hơn, đón lấy những cảm xúc dạt dào.

*“Dù ở gần con*

*Dù ở xa con*

*Lên rừng xuống bể*

*Cò sẽ tìm con*

*Cò mãi yêu con*

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ*

*Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con”*

Một thứ cảm xúc hồn nhiên và trong trẻo chợt dâng lên khi ta đọc những vần thơ trong “Con cò” của Chế Lan Viên . Đó là tình yêu dành cho người đã ấp ôm và cho ta hình hài, cho ta sự sống, người luôn bên cạnh làm chỗ dựa, làm ngọn đèn soi sáng mỗi bước ta đi. Ta chợt thấy cay cay sống mũi khi nhận ra bóng dáng người mẹ tần tảo ẩn sau hình ảnh cánh cò. Dẫu đi hết đời này, mẹ vẫn sẽ mãi dõi theo con, như ngọn đèn khuya mẹ mãi bên cạnh con không rời. Con người lạ lắm, dễ dàng nói những lời yêu thương với người khác nhưng lại ngại ngùng bày tỏ với người thân của mình và hay giấu nhẹm tình cảm ấy vào bên trong. Nhưng khi tiếp xúc với văn học, với những tác phẩm viết về mẹ cha, chúng ta lại có thẻ rơi nước mắt, có thể ngẩn ngơ buồn vui vì những vần thơ da diết, nhẹ nhàng. Chính văn học đã phá bỏ bức tường thành kín đáo, để cảm xúc được tuôn trào một cách chân thật nhất. Bên cạnh tình cảm gia đình, văn học còn có thể là ngọn lửa thổi bùng lên tình cảm đối với quê hương, khiến con người càng thêm yêu đất nước. Đó là nhiệt huyết được thổi lên qua bản hùng ca “Đất nước” của Nguyễn Đình Thi, là lòng tự hào dân tộc trong “Bình Ngô Đại cáo” của Nguyễn Trãi. Văn chương khiến ta thật muốn cống hiến cho “nước những người chưa bao giờ khuất” này, muốn lên đường theo tiếng gọi của non sông. Văn chương đúng là lửa, “làm tan chảy bức tường thép” mà con người đã dựng lên, đồng thời ngọn lửa ấy còn thổi bùng lên những cảm xúc không thể ngờ như cách viết của nhà văn Nguyễn Đình Thi: “Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẻ cho đường chúng ta đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự bước lên đường ấy”

Văn chương cũng là băng, gắn kết ốc đảo người thành một khối…Trong bài thơ “Chẳng có ai tẻ nhạt trên đời”, tác giả Eptusenko viết rằng:

*“Không có ai tẻ nhạt ở trên đời*

*Mỗi số phận đều mang một phần lịch sử*

*Mỗi số phận rất riêng, dù rất nhỏ*

*Chắc hành tinh nào đã sánh nổi đâu? ”*

Mỗi số phận con người là một điều thiêng liêng và riêng biệt. Mỗi con người đều có cho mình một cá tính riêng, một hướng đi, một quan điểm, cho nên, để con người hiểu nhau, gắn kết với nhau là một điều vô cùng khó. Nhưng chính văn chương sẽ đảm nhiệm công việc khó khăn - “gắn kết ốc đảo người thành một khối” này. Con người có thể khó tìm được tiếng nói chung trong các lĩnh vực khác nhưng trong văn chương lại dễ dàng hơn cả. Bởi lẽ, văn chương có một sức mạnh kết nối mãnh liệt hàng triệu số phận nhờ vào giá trị nhân văn, những bài học sâu sắc trong tác phẩm. Không giống như sử học hay những nguồn tài liệu khác chỉ cung cấp thông tin một cách khách quan, văn chương đi sâu, khai thác cụ thể những số phận ở những giai đoạn khác nhau cho ta một cái nhìn sâu sắc, tường tận trên nhiều khía cạnh. Điển hình phải nói đến là tác phẩm “Những người khốn khổ” của đại văn hào Victor Hugo. Nhờ tác phẩm, chúng ta biết đồng cảm với những hoàn cảnh khốn khổ trong xã hội nước Pháp vào thế kỷ XIX. Ta không khỏi xót xa cho những con người cùng đường tuyệt lộ: Jean Valjean mất 19 năm cuộc đời chỉ vì “đập một miếng kín và lấy một cái bánh mì” cho đứa cháu sắp bị cái đói hành hạ đến chết. Nàng Fantine phải bán đi mái tóc của mình, bán răng và cả nhân phẩm chỉ để có tiền chăm sóc con gái Cosette. Victor Hugo gọi những con người ấy là “Những người trĩu nặng muộn phiền không ngoái nhìn lại bởi họ quá hiểu rằng nỗi bất hạnh đang đuổi theo sau mình.”. Thật vậy, độc giả không thể nào phủ nhận những tàn ác của xã hội, của số phận giày xéo lên những con người khốn khổ. Bất hạnh đeo đẳng họ, ám ảnh họ như một bóng ma, như “xiềng xích luôn mang trên cổ”. Jean Valjean đã có lúc “không còn là Jean Valjean” nữa “anh là con số 24.601”, cả quãng đời trước của anh đều bị xóa mờ đi bởi con số tù tội đó. Tâm hồn con người gắn kết với nhau hơn vì chúng ta biết thấu hiểu và cảm thông cho những số phận khổ đau, từ cảm thông cho nhân vật, con người sẽ học được cách thấu hiểu cho những người khác. Thông qua một kiệt tác vĩ đại, Victor Hugo muốn “thủ tiêu chế độ mãi dâm đối với đàn bàn, thủ tiêu chế độ nô lệ đối với đàn ông, thủ tiêu đêm tối đối với con trẻ”. Chúng ta, người tiếp nhận tác phẩm cũng có cùng mong muốn như thế. Niềm mong ước một thế giới tốt đẹp, nhân văn và hạnh phúc không phải chỉ là ước muốn của riêng cá nhân nào, đó là ước muốn chung của toàn nhân loại và chúng ta cùng bắt gặp nó trong “Những người khốn khổ”. Chúng ta gắn kết lại với nhau bởi những điểm tương đồng trong suy nghĩ; thông qua văn chương, ta tìm được người cùng chung một mục đích, một quan niệm và lý tưởng; nói không chừng, là tìm được tri kỷ cho đời mình. Tìm được tri kỷ là việc vô cùng khó khăn, nhưng chính trong hành trình tìm hiểu nghệ thuật con người lại có được “tri âm nghìn năm mới có một lần” (Lưu Hiệp) cùng gắn kết, sẻ chia với bản thân.

Văn chương cũng là nước, dịu dàng mà mãnh liệt vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ…

Theo nhà văn Nam Cao: “ Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người''. Sức mạnh của văn chương chân chính là phá vỡ những rào cản của lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ. Không có bất kì giới hạn nào văn chương thực thụ không thể bước qua để mang con người đến gần với nhau hơn. Những bài thơ Đường luật của các bậc “thi thánh, thi tiên” như Đỗ Phủ, Lí Bạch đã bước vào lịch sử văn học của nước ta hơn hàng nghìn năm nay:

*“Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,*

*Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.*

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận,*

*Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.”*

*(Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng,* Lí Bạch*)*

Đến với những bài thơ Đường luật của Lí Bạch, con người được dịp lắng nghe những tâm tình, cảm xúc của bậc thi tiên: tâm tình của một người tiễn bạn đi xa, tâm sự của một người xa quê hương,… để rồi những vần thơ ấy ngự trị lại trong tim mình một cách tự nhiên nhất. Có những áng thơ cứ thế “dịu dàng” len lỏi vào trong tâm hồn chúng ta từ lúc nào ta cũng chẳng nhớ, “mãnh liệt” vượt qua mọi rào cản của không gian và thời gian tự lúc nào ta cũng không hay. Thơ Đường xuất hiện vào những năm 600 đến 900 sau Công Nguyên, vậy mà, đến tận thế kỷ XXI, độc giả vẫn được chiêm ngưỡng trọn vẹn vẻ đẹp của chúng mà không chút mai một, thậm chí còn có thể sâu sắc và tinh tế hơn. Câu chuyện về chàng thanh niên Paven trong “Thép đã tôi thế đấy!” của nhà văn Ostrovsky dẫu trải qua hơn trăm năm vẫn giữ nguyên được giá trị. “Sự sống là điều quý giá nhất của con người. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng sống hoài, sống phí, cho khởi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và hèn đớn của mình, để khi nhắm mắt xuôi tay có thể nói rằng: Tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người” – châm ngôn sống của người thanh niên Xô Viết không chỉ đúng cho hoàn cảnh đương thời mà còn đúng với thời gian hiện tại. Đến bây giờ, tác phẩm vẫn giữ nguyên giá trị ban đầu của nó, vẫn “mãnh liệt” cuộn trào niềm tin trong lòng người đọc, nhắc nhở con người sống như thế nào là đúng đắn, sống như thế nào là sống đẹp. Tác phẩm đưa tới cho chúng ta những suy tư về cuộc đời, về lý lẽ sống và chính con người phải tìm ra câu trả lời cho những câu hỏi đó, đồng thời tìm ra được cách sống cho mình, một cách sống để “khỏi xót xa ân hận vì những năm tháng sống hoài, sống phí”. Như vậy, ta đủ thấy sức mạnh kết nối của văn chương mạnh mẽ và mãnh liệt đến nhường nào.

Tuy nhiên không chỉ có văn học nước ngoài “dịu dàng” len lỏi vào tâm hồn người Việt mà tác phẩm văn học Việt Nam cũng vươn mình ra thế giới, làm bạn bè trên toàn cầu phải thán phục. Nói đến các tác phẩm của người Việt thì không thể bỏ qua “Truyện Kiều” của đại thi hào Nguyễn Du, “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ và gần đây hơn là “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” của Nguyễn Nhật Ánh cùng nhiều tác phẩm khác… Theo như thống kê, “Truyện Kiều” đã được dịch sang hơn 16 ngôn ngữ khác nhau bao gồm có tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật,… và kiệt tác văn học của cụ Tố Như còn là tác phẩm được nhiều kỷ lục quốc gia nhất với 27 kỷ lục đã từng được xác lập.

*“Đau đớn thay phận đàn bà*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*

Với tiếng nói chung cho số phận của người phụ nữ, với từng câu chữ như moi hết cả ruột gan để đau đớn thay cho những phận “con ong cái kiến”, với “Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đứt ruột” (Mộng Liên Đường chủ nhân), không có lí do gì mà Truyện Kiều lại không thể được xem như một tác phẩm văn chương chân chính. Như nước, “dịu dàng” cùng “mãnh liệt”, hơn 200 năm, Kiều vừa khẳng định được giá trị trong nước và giá trị ở quốc tế. Những thông điệp nhân văn cao cả của Truyện Kiều có giá trị muôn đời và ở đâu nó cũng sẽ được đón nhận tích cực. Dẫu qua nghìn cơn “bãi bể hóa nương dâu”, những phen thay đổi sơn hà, văn học chân chính sẽ không bao giờ bị khuất phục, vì chúng chứa đựng giá trị vững bền cùng một sức mạnh mãnh liệt xuyên thời gian và không gian.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã dùng các nguyên tố “lửa”, “băng”, “nước” để đưa ra một hình dung thú vị về sức mạnh kết nối của văn chương. Tuy nhiên, không phải bất kỳ tác phẩm nào ra đời cũng được công nhận là “văn chương”, mang trong mình sức mạnh đem con người lại gần nhau hơn. Chỉ riêng văn học chân chính mới làm được việc đó, và cũng chỉ có người nghệ sĩ thực thụ mới sáng tạo ra nghệ thuật “làm cho người gần người hơn” (Nam Cao). Nói như vậy, sức mạnh kết nối của một tác phẩm mãnh liệt hay hời hợt, mạnh mẽ hay yếu ớt một phần nằm ở người sáng tạo ra nó. Nếu nhà văn không có vốn sống, không có tài năng để viết nên tác phẩm cho đời, cho người thì làm sao nghệ thuật có thể hóa thân thành “lửa”, thành “băng”, thành “nước”? Yếu tố góp phần làm nên sức mạnh mãnh liệt của văn chương không chỉ nằm ở người viết mà còn nằm ở bạn đọc. Nếu độc giả tiếp nhận một cách hời hợt và chóng vánh thì văn chương cũng không thể hóa thành bất cứ điều kỳ diệu nào để gắn kết con người. Do đó, ở vị trí là người tiếp nhận, chúng ta cần học cách mở lòng đón nhận và tìm hiểu tác phẩm một cách tường tận; không chỉ đọc mà phải kết hợp với nghiền ngẫm và liên hệ với thực tế cuộc sống. Có như vậy, hiệu quả tiếp nhận mới sâu sắc và sức mạnh kết nối của nghệ thuật mới được khai thác một cách trọn vẹn.

Quan niệm của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư là một quan niệm đúng đắn. Nghệ thuật chân chính không làm mọi điều thay con người mà hóa thân thành các yếu tố, ở bên khích lệ, động viên, hướng dẫn để con người tự khám phá, tự học hỏi được điều cần thiết cho bản thân. Văn chương sẽ là “lửa, làm tan chảy những bức tường thép mà mỗi người tự dựng lên”. Văn chương sẽ hóa thành “băng, gắn kết những ốc đảo người thành một khối”. Văn chương sẽ trở thành “nước, dịu dàng mà mãnh liệt vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ…”. Mỗi khi con người cần, văn chương sẽ biến hóa thành muôn hình vạn trạng để nâng đỡ tâm hồn, khai mở cảm xúc, giúp con người gắn kết với nhau. Chừng nào con người còn tồn tại, chừng đó sức mạnh kết nối của văn chương sẽ không bị lãng quên, văn chương sẽ không ngơi nghỉ sứ mệnh của mình.

……………………………………………………………………………………..

**II. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**ĐỀ LUYỆN 09**

Nhà lí luận văn học Nga, V. Girmunxki cho rằng:

***Trong nghệ thuật nội dung phải hóa thân vào hình thức thì mới có chỗ đứng trong tác phẩm***

Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/ chị hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý

I. MỞ BÀI

- Giới thiệu vấn  đề nghị luận: Yêu cầu về nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.

- Trích dẫn ý kiến.

II. THÂN BÀI

**1.** **Giải thích**:

- *Hóa thân* sự hòa hợp vi diệu, sự thống nhất.

- *Nội dung phải hóa thân vào hình thức:*

+ Tình ý của người nghệ sĩ lặn sâu vào hình thức nghệ thuật của một tác phẩm. Nghĩa là hình thức nghệ thuật của một tác phẩm phải tương thích với giá trị nội dung hay phải chở tải được nội dung cần biểu đạt của tác giả

+ Phải giải mã được hình thức của một tác phẩm, người đọc mới nhận ra “một cái gì mà trước câu thơ đó vẫn như là bị phong kín” Nguyễn Tuân

- *Chỗ đứng*: sức sống trong tác phẩm

=> Về thực chất, V. Girmunxki nhằm nhấn mạnh đến sự hòa hợp vi diệu (thống nhất) giữa nội dung và hình thức của một tác phẩm văn chương. Trong đó nội dung tìm được một hình thức thể hiện đóng vai trò quyết định sức sống của một tác phẩm

**2. Bàn luận:**

- Ý kiến xuất phát từ đặc trưng của văn học: Văn học phản ánh đời sống thông qua hình tượng nghệ thuật và phản ánh bằng ngôn ngữ. Nên nội dung của tác phẩm phải được thể hiện trong một hình thức cụ thể.

- Sự thống nhất về hình thức và nội dung trong văn chương nên hiểu là nội dung hóa thân và hình thức, hình thức biểu đạt cho nội dung mang tính nội dung.

-Trong văn chương hình thức luôn đóng vai trò thật sự nổi bật. L.Vưgôtxki cho rằng: “Nghệ thuật bắt đầu từ nơi mà hình thức bắt đầu”. Tuy nhiên  văn chương đẹp ở lời văn, câu chữ, đẹp ở hình thức cũng cần có ý nghĩa ở mặt nội dung, giá trị nội dung tình cảm tâm tư suy nghĩ cảm nhận của người sáng tạo ra nó.

  + Tác phẩm văn chương là mảnh đất nuôi dưỡng tâm hồn con người phản ánh cuộc sống khiến cho bao thế hệ phải say mê tìm hiểu, suy ngẫm không thể “chỉ bao hàm tính hình thức”

+ Văn chương luôn gắn liền với cảm xúc mạnh mẽ của con người với sự rung động của con tim. Nó có thể là niềm vui, nỗi buồn, yêu thương hay căm ghét nhưng không thể là một cái gì đó bình lặng, phẳng phiu, càng không thể chỉ là cái khung xơ cứng những con chữ vô hồn không cảm giác, không ý nghĩa.

**3. Chứng minh:**

Học sinh có thể chọn một tác phẩm (Văn học Việt Nam hoặc nước ngoài) đạt tới những yêu cầu mà V. Girmunxki nêu ra.

**Ví dụ: “Làng” (Kim Lân)**

\* Giới thiệu khái quát về tác giả Kim Lân, truyện ngắn “Làng”.

- Kim Lân là nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam. Ông chuyên viết về truyện ngắn. Tác phẩm của Kim Lân thường viết về nông thôn và người bình dân.

- “Làng” là một trong những truyện ngắn xuất sắc của đời văn Kim Lân viết về tình yêu làng, yêu nước cùng tinh thần kháng chiến của ông Hai - người nông dân phải rời làng đi tản cư khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra.

\* *Làng* là tác phẩm có sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và nghệ thuật.

- Nội dung: Tình yêu làng, yêu nước cùng tinh thần kháng chiến của ông Ha

+ Ông Hai là người dân làng Chợ Dầu. Kháng chiến nổ ra, ông theo lệnh của Ủy ban phải rời làng đi tản cư. Ở nơi tản cư, ông thể hiện tình yêu sâu sắc đối với ngôi làng thân thương của mình. Đi đâu cũng khoe về làng. Luôn nhớ nhung về những kỉ niệm khi ở bên những người anh em thân thiết. Hay đi nghe ngóng tin tức về cách mạng, vui vẻ mỗi khi thấy tin giặc bị bắt, bị tiêu diệt.

+ Khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, ông hoang mang, bàng hoàng cùng tâm trạng xót xa, tủi nhụ: "vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác", "cổ ông lão nghẹn ắng lại. Da mặt tê rân rân", "tưởng như đến không thở được", "cúi gằm mặt mà đi, "tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra". Ông thương xót bản thân và những đứa con thơ: "Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?". Ông Hai xấu hổ không dám đi đâu, chỉ biết ngồi thủ thỉ với đứa con nhỏ để làm rõ tấm lòng mình. Ông lựa chọn trung thành với cách mạng: "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù".

+ Khi tin làng Chợ Dầu theo giặc được cải chính: Tin tức đến như một sự hồi sinh đối với ông Ha. Ông vui vẻ mua quà bánh cho các con; chạy khắp nơi khoe: "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đối nhẵn". Ông tự hào về làng: ngồi miêu tả quá trình chống giặc của dân làng như chính mình đã tham gia.

- Nội dung đó được truyền tải qua những hình thức nghệ thuật phù hợp:

+ Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

+ Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.

+ Ngôn ngữ của ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.

- Qua nhân vật ông Hai, tác giả ca ngợi tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Ý kiến bàn về nội dung của tác phẩm văn học: nội dung phải thống nhất với hình thức. Nội dung chỉ có thể sâu sắc khi nó tìm được một hình thức thể hiện phù hợp. Đây là một đánh giá thực tể, bởi chỉ khi có những màu sắc âm thanh ngôn ngữ đã được cảm xúc hóa (hữu hình, sống động ,…) chứ không phải là “những con chữ nằm thẳng đơ trên trang giấy” (Nguyễn Khải), nhà văn mới có thể định hình được cái gì mà mình đang cần diễn đạt và độc giả mới có những trang viết để mà cảm thụ cái hay cái đẹp.

- Yêu cầu đối với người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Người nghệ sĩ phải luôn sáng tạo, không chỉ tìm đến một *khám phá về nội dung* mà còn hướng đến *một phát minh về hình thức* để chở tài nội dung đó.

+ Người đọc khi tiếp xúc với hình thức nghệ thuật của văn chương, cảm thấy sự hiện diện của nó và qua đó nhận ra nội dung được tìm thấy vốn ẩn sâu trong tác phẩm thì mới có thể nói là đã tiếp xúc với văn chương, cảm nhận văn chương.

- Trong tổng thể một tác phẩm văn chương, hai yếu tố hình thức và nội dung có mối quan hệ chặt chẽ, hữu cơ, biện chứng với nhau: *Hình thức như nó bộc lộ trong cảm nhận là hình thức của khách thể thẩm mỹ mà tác phẩm mang lại cho người đọc chứ không chỉ đơn thuần là một văn bản trần trụi*.

**III. KẾT BÀI: Khẳng định lại vấn đề.**

………………………………………………………………………………………….

**ĐỀ LUYỆN 10**

Bàn về sự sinh động của ngôn ngữ văn học, Viên Mai – nhà phê bình văn học nổi tiếng Trung Quốc cho rằng: ***Tất cả thơ văn, chữ phải đứng ở trên trang giấy chứ không được nằm trên trang giấy* (Tùy viên thi thoại)**

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ làm sáng tỏ ý kiến trên qua đoạn thơ sau:

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay,  
Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy.  
Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ,  
Mẹ bảo: Thôn Đoài hát tối nay.*

*Lòng thấy giăng tơ một mối tình.  
Em ngừng thoi lại giữa tay xinh.  
Hình như hai má em bừng đỏ,  
Có lẽ là em nghĩ đến anh.  
  
Bốn bên hàng xóm đã lên đèn,  
Em ngửa bàn tay trước mái hiên.  
Mưa thấm bàn tay từng chấm lạnh,  
Thế nào anh ấy chẳng sang xem.  
  
Em xin phép mẹ vội vàng đi,  
Mẹ bảo: xem về kể mẹ nghe.  
Mưa nhỏ nên em không ướt áo,  
Thôn Đoài cách có một thôi đê.*

*Thôn Đoài vào đám hát thâu đêm,  
Em mải tìm anh chả thiết xem.  
Chắc hẳn đêm nay đường cửi lạnh,  
Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em.  
  
Chờ mãi anh sang anh chả sang,  
Thế mà hôm nọ hát bên làng.  
Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn,  
Để cả mùa xuân cũng bẽ bàng.*

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt để giới thiệu được luận đề: Sự sinh động của ngôn ngữ văn học.

- Trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích ý kiến:**

- *Nằm trên trang giấy:* ngôn ngữ bất động, thiếu sự co duỗi, linh hoạt, không có khả năng truyền cảm;

*- Đứng trên trang giấy:* ngôn ngữ sống động, có hồn, mang tính biểu cảm cao

=> Theo Viên Mai, lời thơ, lời văn không được cứng đơ trên trang giấy mà phải sinh động, vừa có hình vừa có hồn, truyền được cảm xúc mãnh liệt cho người thưởng thức.

**2. Bàn luận:** Ý kiến trên là hoàn toàn xác đáng, sâu sắc và đúng đắn.

- Văn học là nghệ thuật của ngôn từ và chức năng quan trọng nhất của văn học là chức năng thẩm mỹ, bởi vậy khi đến với một tác phẩm văn học trước khi quan tâm đến nội dung tư tưởng của tác phẩm, yếu tố đầu tiên người đọc tiếp xúc chính là ngôn từ, nếu ngôn từ trong tác phẩm không sinh động, hấp dẫn thì khó có thể đem lại cho người đọc những thích thú và những xúc cảm thẩm mỹ.

- Nhà văn cùng với việc là một nhà tư tưởng còn là một người nghệ sĩ ngôn từ. Mỗi nhà văn đều có vốn từ vựng cũng như cách sử dụng ngôn từ đặc trưng riêng của mình. Khi việc sử dụng ngôn từ một cách nghệ thuật được hình thành cách cách thức, các con đường đặc trưng của nhà văn thì đồng thời nhà văn đã hình thành được cho mình phong cách riêng. Mà phong cách chính là vấn đề sống còn trong sáng tạo nghệ thuật.

- Ngôn từ văn học có những đặc điểm rất riêng như tính hàm súc, đa nghĩa, Tính hình tượng, tính cá thể hóa…bởi vậy chỉ khi biết tổ chức sắp xếp ngôn từ một cách tinh vi, khéo léo nhà văn mới có thể tạo nên ngôn từ nghệ thuật cho các tác phẩm của mình.

- Xét đến cùng sức hấp dẫn của nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng chính là ở chỗ *lạ hóa* những gì vốn quen thuộc. Bởi vậy nếu nhà văn không biết tổ chức ngôn từ tạo nên sự sinh động, hấp dẫn thì sẽ không cuốn hút được độc giả.

**3. Chứng minh:**

Học sinh dựa vào hiểu biết của mình về các tác phẩm văn học để chứng minh đặc điểm cũng như hiệu quả của ngôn từ nghệ thuật. Trong quá trình chứng minh cần tìm được dẫn chứng đắt giá kết hợp với phân tích, cảm nhận thấu đáo. Cần tìm được các dẫn chứng phù hợp với các đặc điểm: được tổ chức khéo léo; tinh vi; đôi khi rất đặc biệt không theo ngữ pháp thông thường từ đó đánh giá hiệu quả của cách sử dụng ngôn từ của nhà văn. Việc tìm được dẫn chứng đắt giá hay không cần được đánh giá cao.

**Ví dụ “Mưa xuân” của Nguyễn Bính**:

\* Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm.

\* Phân tích nét độc đáo trong sử dụng ngôn từ của bài thơ:

- Kết cấu rất lôgic. Bài thơ được tổ chức như một câu chuyện về tình yêu: Nhân vật trữ tình kể lại câu chuyện tình yêu của mình. Câu chuyện ấy gắn với thời gian “bữa ấy mưa xuân phơi phới bay”, khi “hoa xoan rụng vơi đầy”, khi “hội chèo làng Đặng về ngang ngõ” thật nên thơ. “Em” “vội vàng” xin mẹ đi xem hát, mặc kệ mưa bụi, đường xa, bỏ lại “giường cửi”, “thoi ngà”...Thế mà chờ mãi, anh chả sang dù anh đã hò hẹn. Thế rồi, “em” phải lầm lụi ra về. Quãng đường mới đó mà đã dài thêm ra, mưa bỗng nặng hạt hơn. Thế rồi “mưa xuân đã ngại bay”, “mùa xuân đã cạn ngày” thế mà “Bao giờ em mới gặp anh đây?”. Qua lời thơ, ta thấy được một thứ tình yêu trong trẻo và chân thành và một chút nuối tiếc, lưu luyến. Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương,đất nước, cuộc sống, người lao động và niềm khát khao hạnh phúc của con người.

- Giọng thơ nhẹ nhàng, tha thiết, du dương, Nguyễn Bính đã cầm ngòi bút của mình khắc từng chút một về sự mơ mộng, bâng khuâng của tình yêu.

- Sử dụng thuần thục chất liệu văn hóa dân gian thông qua hình ảnh mưa xuân và “chim én”, “khung cửi”,… thể hiện một niềm yêu mến,trân trọng cuộc sống bình dị của người dân quê thật thà,chất phác.

- Sử dụng nhiều hình ảnh thơ đẹp, giàu sức gợi cảm và nhiều phép tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa,…và đặc biệt là thể thơ bảy chữ thể hiện sự tài ba, điêu luyện trong cách điều khiển văn thơ. Ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Bính lúc nào cũng mang một sự giản dị, mộc mạc

=> Chính các sử dụng ngôn từ độc đáo ấy đã làm nên sức sống của bài thơ. Qua “Mưa xuân” nói riêng và các sáng tác cảu mình, “Nguyễn Bính không chỉ có công phát hiện cho thời đại nhiều ngôn ngữ thầm kín của tình yêu mà thể hiện được cái khát vọng tình yêu thật đẹp đẽ của những người chân quê ở mọi thời”.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Ý kiến của viên Mai đã chỉ ra đặc trưng của ngôn từ văn học. Đây là điều luôn được nhà văn và độc giả quan tâm.

- Để chữ có thể đứng trên trang giấy, chữ ấy cần thể hiện những nội dung mới mẻ có giá trị.

- Bài học:

+ Để viết được những dòng văn, dòng  thơ đầy cảm xúc, nhà văn phải lao động sáng tạo không ngừng nghỉ.  Nói như Maiacốpxki: “Tôi viết được một chữ, tôi phải có một quặng chữ” hay Chế Lan Viên: “Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật/ Một giọt mật thành đòi vạn chuyển ong bay”. Âu cũng bởi viết văn là một nghề nghiệp đặc biệt, “nghề văn là sứ mệnh” (Pauxtốpxki)

+ Với người đọc: khi đến với một tác phẩm văn học cần nhận ra, khám phá cái hay, cái đẹp trong cách sử dụng ngôn từ của nhà văn, từ đó khám phá chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị của ngôn từ nghệ thuật đối với sáng tác và thưởng thức văn học.

……………………………………………………………………..

**ĐỀ LUYỆN 11**

Bàn luận về vai trò của giọng điệu có ý kiến cho rằng:

“***Phân tích tác phẩm văn chương mà bỏ qua giọng điệu tức là tước đi cái phần rất quan trọng tạo nên bản sắc độc đáo của tác phẩm.”***

Anh/ Chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/ chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Giọng điệu trong tác phẩm văn chương.

- Trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích**:

- *Giọng điệu:* là yếu tố thể hiện thái độ, cảm xúc, lập trường, cách nhìn…của nhà văn với đối tượng được nói đến và được biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, cách xưng hô, khẩu khí, ngữ điệu, cách tổ chức lời văn…

- *bản sắc độc đáo:* là nét riêng, không thể trộn lẫn

=> Ý kiến trên bàn về vai trò của *giọng điệu*  trong đó khẳng định giọng điệu là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên nét đặc sắc cho tác phẩm cũng như hình thành phong cách nghệ thuật của tác giả

**2. Bàn luận:** Ý kiến trên là hoàn toàn xác đáng, sâu sắc và đúng đắn.

- Văn học là lĩnh vực của cái độc đáo của sự sáng tạo bởi vậy hình thành được phong cách nghệ thuật là yếu tố *sống còn* với mỗi nhà văn. Phong cách nghệ thuật được tạo nên bởi nhiều yếu tố như cái nhìn, cách cảm thụ về đời sống, cách lựa chọn đề tài, chủ đề, cách sử dụng cách yếu tố nghệ thuật… nhưng một trong những yếu tố quan trọng nhất là giọng điệu

- Giọng điệu là một yếu tố quan trọng nhất của tác phẩm văn học bởi giọng điệu là một yếu tố thuộc bình diện nghệ thuật và thể hiện thông qua các yếu tố nghệ thuật nhưng lại góp phần quan trọng trong việc bộc lộ tư tưởng, tình cảm của tác giả cũng như nội dung của tác phẩm.

- Trong mỗi tác phẩm có thể có nhiều giọng điệu, ở mỗi tác giả cũng vậy. Nhưng có những giọng điệu đặc trưng cho mỗi tác giả thể hiện ở nhiều tác phẩm của tác giả đó, đó chính là biểu hiện rõ ràng nhất của phong cách nghệ thuật

**3. Chứng minh:** Học sinh kết hợp kiến thức lí luận và kiến thức văn học để chứng minh. Để làm sáng tỏ những lí lẽ trên học sinh cần dùng các dẫn chứng về giọng điệu của một số tác giả qua các bài thơ cụ thể.

Ví dụ giọng điệu của Xuân Diệu trong ***Vội vàng***. Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần chỉ ra:

- Trong *Vội vàng,* giọng điệu chủ đạo của Xuân Diệu là giọng nồng nàn và trẻ trung đắm say thể hiện tình yêu cuộc đời mãnh liệt:

+ Khát vọng táo bạo, mãnh liệt, muốn đoạt quyền tạo hoá, để giữ mãi hương sắc của mùa xuân.

+ Rạo rực, say đắm, ngất ngây  trước sức sống tràn trề của đất trời mùa xuân, xem cuộc sống là một thiên đường trên mặt đất.

+ Nhạy cảm trước sự trôi chảy của thời gian.

+ Hối hả, giục giã mọi người kịp hưởng thụ (bằng tất cả các giác quan) phần ngon  nhất, đẹp nhất, trẻ trung nhất và nồng nàn nhất của cuộc đời: tình yêu và tuổi trẻ.

**Lưu ý**: Trong quá trình phân tích cần kết hợp các đặc sắc về mặt nghệ thuật:

+ Những từ ngữ gây ấn tượng mạnh, mang tính cá thể hoá cao độ.

+ Cách liên tưởng, so sánh độc đáo.

+ Hình ảnh thơ cường điệu, mới mẻ, độc đáo.

+ Giọng thơ thay đổi bất ngờ, linh hoạt.

+ Cách ngắt nhịp, ngắt câu sáng tạo….

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Vấn đề *giọng điệu*  trong văn học rất quan trọng, là vấn đề sống còn của người nghệ sỹ nhưng bên cạnh đó, để tạo được phong cách riêng người nghệ sỹ còn cần tạo cho mình một cách nhìn, cách cảm thụ riêng độc đáo về thế giới và con người và phải thực sự là người *nghệ sĩ ngôn từ.* Để làm được điều đó mỗi người nghệ sĩ cần có trong mình: tài năng, phong cách, lòng tâm huyết với nghề cũng như lòng tự trọng …

- Bài học:

+ Với nhà văn: Cần tạo ra cho mình một giọng điệu riêng không thể trộn lẫn.

+ Với người đọc: cần cảm nhận được giọng điệu trong mỗi bài thơ từ đó khám phá nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị vấn đề giọng điệu với phong cách của nhà văn và giá trị của tác phẩm.

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 12**  *Độc đáo phải là một giá trị, một vẻ đẹp* (*Tháp nghiêng Pisa, trích Tự tình cùng Cái Đẹp*, Chu Văn Sơn, NXB Hội Nhà Văn 2019, tr.89). Điều này không chỉ đúng với quy luật trong cuộc sống nói chung mà còn đúng cả trong sáng tạo văn chương nói riêng. Bằng trải nghiệm văn học của mình, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Sự độc đáo trong tác phẩm văn chương.

- Trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích**:

Chu Văn Sơn đặt ra tiêu chí của sự độc đáo: những sáng tạo mới lạ cần phải mang ý nghĩa tích cực, có đóng góp cho cuộc sống.

**2. Bàn luận**: Điều này hoàn toàn đúng với quy luật trong cuộc sống nói chung và trong sáng tạo của văn chương nói riêng vì:

- Cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện của những nhân tố mới mẻ, không lặp lại để thúc đẩy sự tiến bộ, phát triển.

- Sự phát triển của văn học xét đến cùng là sự sáng tạo, chỉ có sáng tạo mới tạo nên sức sống cho tác phẩm.

- Lao động nghệ thuật của người nghệ sĩ là lao động cá thể. Sáng tạo vừa là nhu cầu vừa là yêu cầu, đòi hỏi khắt khe mà người đọc dành cho họ.

- Sự sáng tạo đích thực của người nghệ sĩ chân chính sẽ có những giá trị lớn lao: vừa khẳng định diện mạo của người cầm bút, vừa thúc đẩy sự phát triển của văn học.

**3. Chứng minh**:

***\* Giới thiệu tác giả, tác phẩm***

***\* Sự độc đáo về nội dung: Bài thơ đã xây dựng thành công hình tượng những chiếc xe không kính và hình tượng những người lái xe trên tuyến đường Trường Sơn với những vẻ độc đáo riêng.***

- Hình tượng những chiếc xe không kính

+ Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền trong thơ, thường được “mĩ lệ hóa”, “lãng mạn hóa” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Hình ảnh đoàn xe vận tải trong thơ Phạm Tiến Duật lại mang đậm tính hiện thực như cuộc sống gian khổ, hiểm nguy trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ. Những chiếc xe phong sương trần trụi, méo mó tàn tạ đến mức khó có thể tưởng tượng nổi: không có kính, không có đèn, không có mui và thùng xe bị bom Mĩ làm dập nát hết. Điều này chứng tỏ Phạm Tiến Duật phải là một hồn thơ nhạy cảm, tinh tế, ưa sự mới lạ và đề cao sự sáng tạo.

+ Qua hình tượng những chiếc xe không kính, tác giả đã làm nổi bật sự ác liệt của chiến tranh, sự khốc liệt của chiến trường và cả sự gian khổ, hiểm nguy, sự hy sinh khó tránh khỏi của con người.

+ Những chiếc xe không kính cũng là bức phông nền đặc biệt làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn người cầm lái.

- Hình tượng người lính lái xe: Tác phẩm được sáng tác trong những ngày tháng cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng cam go, ác liệt nhưng tác giả lại tập trung khai thác, phản ánh hình ảnh những người chiến sĩ Trường Sơn với vẻ đẹp rất đời thường: trẻ trung, tếu táo, lãng mạn, hồn nhiên.

+ Họ thi vị hóa hiện thực chiến trường khốc liệt, chủ động chiêm ngưỡng và tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên qua ô kính vỡ (*gió xoa mắt đắng, con đường chạy thẳng vào tim, sao trời, cánh chim…*)

+ Người lính trẻ tếu táo hóm hỉnh (cách nói “*không có … ừ thì có* …; so sánh “*bụi phun tóc trắng như người già*”; dáng điệu “*phì phèo châm điếu thuốc*”; tiếng cười “*ha ha*” khi ngắm nhìn gương mặt lấm lem của nhau; suy nghĩ giản đơn: “*Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi”*)

+ Thậm chí, khai thác vẻ đẹp truyền thống của người lính cách mạng (ý chí khắc phục khó khăn, tinh thần đồng chí, đồng đội, tình yêu quê hương đất nước…), Phạm Tiến Duật vẫn làm nổi bật nét riêng của những người lính trẻ mười tám đôi mươi.

+ Họ bình thản hiên ngang trên những chiếc xe không còn vẹn nguyên qua cách nói ngang tàng “*không có … không phải vì không có …*”. Họ ung dung đến kì lạ: “*kính vỡ đi rồi*” với cái nhìn vừa bao quát vừa có sự tập trung cao độ.

+ Họ băng qua khó khăn (bụi, mưa) bằng nhiệt huyết của tuổi trẻ tràn đầy sức sống.

+ Có tình đồng đội sâu đậm: Tinh thần đồng chí đồng đội được thể hiện qua hành động bắt tay nhau qua ô cửa kính vỡ (“*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*”), qua bữa cơm thân mật (“*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*”)

+ Họ mang tình yêu quê hương đất nước (“*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*”), trái tim ngùn ngụt ngọn lửa căm thù và sục sôi ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (“*Chỉ cần trong xe có một trái tim*”)

- Những hình thức nghệ thuật độc đáo

+ Nhan đề độc đáo, giàu ý nghĩa

+ Có sự kết hợp linh hoạt giữa thể thơ bảy chữ và tám chữ

+ Giọng thơ ngang tàng, tinh nghịch, trẻ trung.

+ Ngôn ngữ thơ đậm tính khẩu ngữ, gần với văn xuôi.

+ Hình ảnh thơ mang đậm tính hiện thực của tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ.

…………………………………………………………..

**III. DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT CỦA NGƯỜI NGHỆ SĨ**

**ĐỀ LUYỆN 13**

***Thiên hướng của người nghệ sĩ là đưa ánh sáng vào trái tim con người.***

(George Sand)

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: thiên chức cao cả của nhà văn.

- Trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1.** **Giải thích**:

*- Thiên hướng:* làkhuynh hướng thiên về những điều có tính chất tự nhiên. *Thiên hướng của người nghệ sĩ*: là khuynh hướng chủ đạo của người cầm bút.

*- Ánh sáng:* gợi ra vẻ đẹp lung linh, kì diệu và có khả năng soi rọi, chiếu tỏ; đó là khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của con người.

*- Thiên hướng của người nghệ sĩ là đưa ánh sáng vào trái tim con người:* người nghệ sĩ thông qua tác phẩm được viết nên từ cái tài cái tâm của mình, đem đến cho bạn đọc những hiểu biết về thế giới xung quanh, giúp người đọc nhận thức sâu sắc về bản chất cuộc sống và con người, nhận ra những bài học quí giá về lẽ sống, những tư tưởng triết lí sâu xa, thắp sáng trong trái tim con người những tư tưởng tình cảm đẹp đẽ, giúp con người sống tốt hơn, nhân văn hơn.

🡪 Ý kiến đã đề cập đến thiên chức cao cả của nhà văn đó là nâng niu, trân trọng và hướng con người tới những điều tốt đẹp, đó cũng chính là chức năng của văn học đối với cuộc đời, con người.

**2. Bàn luận:**

- Ý nghĩa tồn tại của văn chương thực chất là hướng con người tới cái đẹp, cái thiện, là *đưa ánh sáng vào trái tim con người*. Ánh sáng văn chương chính là vẻ đẹp của cảm xúc, tư tưởng, tình cảm của nhà văn chuyển hóa vào tác phẩm thông qua hình thức nghệ thuật độc đáo. Ánh sáng ấy có khả năng kì diệu, soi sáng nhận thức, thắp sáng niềm tin, giúp con người hiểu hơn về cuộc sống và con người, tự nhận thức chính mình, từ đó khơi dậy, bồi đắp những tình cảm đẹp đẽ, giúp con người sống nhân văn hơn.

- Việc sáng tạo của nhà văn luôn xuất phát từ nhu cầu giãi bày, thể hiện tâm tư, tình cảm vì thế nâng đỡ cho cái tốt không chỉ là thiên chức, trách nhiệm mà còn là mong mỏi, nhu cầu của người cầm bút. Bằng cái tâm, tầm tư tưởng bén nhạy, người nghệ sĩ thấy được bản chất cuộc sống, khái quát thành những quy luật tâm lí, từ đó chuyển tải đến người đọc những thông điệp ý nghĩa về cuộc đời và con người.

- Để *đưa ánh sáng vào trái tim con người*, người nghệ sĩ còn ý thức phát huy cái tài trong cách sử dụng ngôn từ, sáng tạo hình ảnh, xây dựng hình tượng, kết cấu tác phẩm ... Ánh sáng từ tác phẩm văn học chính là sự hòa quyện của cái tâm, cái tài của người nghệ sĩ.

- Giá trị, sức sống lâu bền của tác phẩm chính là ở *ánh sáng* mà người nghệ sĩ *đưa vào trái tim con người*. Chính vì vậy, người nghệ sĩ cần phải sống sâu với cuộc đời, có tình cảm chân thành, mãnh liệt, nắm bắt và phản ánh sâu sắc những vấn đề cuả đời sống, có tài năng và bền bỉ, nghiêm túc luyện rèn ngòi bút... Người đọc khi đến với tác phẩm cần có ý thức bồi đắp tâm hồn, biết khám phá, đón nhận thứ ánh sáng đặc biệt từ tác phẩm, lĩnh hội được những ý tình sâu sắc mà nhà văn gửi gắm để hiểu cuộc sống, hiểu con người, hiểu chính mình hơn, từ đó sống đẹp, sống nhân văn hơn.

**3. Chứng minh:** Học sinh lựa chọn một/ một số tác phẩm để chứng minh cho ý kiến trong đề bài. Có thể có nhiều cách làm nhưng cần làm rõ *ánh sáng* mà tác giả *đưa vào trái tim người đọc* ở hai phương diện nội dung tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. Ví dụ: tác phẩm **“Ánh trăng” của Nguyễn Duy**.

***- Giới thiệu chung:***

+ Nguyễn Duy là một gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Thơ Nguyễn Duy nhiều bài có cái ngang tàng nhưng vẫn trầm tĩnh và giàu chiêm nghiệm vì thế cứ ngấm vào người đọc.

+ Ánh trăng ra đời vào năm 1978, ba năm sau khi đất nước giành lại tự do. Khi ấy, những chiến binh sống sót sau cuộc chiến trận trở về với cuộc sống xô bồ của thành phố Hồ Chí Minh. Bài thơ là sự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước rất bình dị, hiền hậu. Qua đó nhắc nhở người đọc phải có một thái độ sống “ Uống nước nhớ nguồn”, thủy chung ân tình với quá khứ, nhớ quên là lẽ thường tình, quan trọng là biết thức tỉnh lương.

- *Ánh sáng* mà Nguyễn Duy đưa vào trái tim con người qua bài thơ *Ánh trăng:*

+ Từ câu chuyện về người và trăng trong quá khứ, hiện tại, nhà thơ đưa đến bài học về đạo lí uống nước nhớ nguồn, lối sống nghĩa tình, thủy chung.

+ Ánh sáng trong bài thơ đã tác động đến người đọc:

++ Giữa thời khắc bộn bề của cuộc sống, con người vẫn có những khoảnh khắc sống chậm để nhìn lại quá khứ

++ Sống thủy chung, trọn vẹn nghĩa tình, trân trọng quá khứ.

….

- Nguyễn Duy đã đưa ánh sáng vào trái tim con người qua các hình thức nghệ thuật độc đáo

+ Thể thơ 5 chữ kết hợp yếu tố tự sự và biểu cảm

+ Các biện pháp nghệ thuật: so sánh, điệp, ẩn dụ,…

+ Xây dựng hình ảnh có tính biểu tượng: vầng trăng

+ Xây dựng tứ thơ: mối quan hệ giữa người và trăng để tạo thành mạch kể xuyên suốt tác phẩm.

…

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Ý kiến của George Sand đã khẳng định yếu tố cốt tử để người nghệ sĩ viết nên những tác phẩm giá trị, hoàn thành sứ mệnh cao cả của ngòi bút và khẳng định vị trí trên văn đàn, đó là *đưa ánh sáng vào trái tim con người*. Đây cũng là lời khẳng định ý nghĩa về chức năng, giá trị của văn học đối với con người.

- Ý kiến của George Sand là một định hướng cho người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo: hướng bạn đọc đến các giá trị Chân - Thiện – Mĩ, góp phần bồi đắp tâm hồn người đọc. Đây cũng là một căn cứ để người đọc tiếp nhận và đánh giá chính xác hơn về giá trị của một tác phẩm văn học. Để nhận ra thứ ánh sáng riêng từ tác phẩm, người đọc cần có ý thức bồi đắp tâm hồn, biến quá trình nhận thức thành quá trình tự nhận thức và hoàn thiện bản thân.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định lại vấn đề.

………………………………………………………………..

**ĐỀ LUYỆN 14**

Nhà nghiên cứu phê bình văn học Nga Biêlinxki cho rằng **nhà thơ, nhà văn lớn *“là người mà đau khổ và hạnh phúc đều thấm và vào xã hội, lịch sử”.***

Anh /Chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng trải nghiệm vă học của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý

I. MỞ BÀI

- Giới thiệu vấn  đề nghị luận: Tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ.

- Trích dẫn ý kiến.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích ý kiến:

- Nhà văn, nhà thơ lớn: nhà văn, nhà thơ chân chính, có tầm ảnh hưởng sâu rộng.

- “đau khổ và hạnh phúc”: nỗi buồn, niềm vui, trạng thái cảm xúc tích cực và tiêu cực, mọi tư tưởng, tình cảm của con người.

- “là người mà đau khổ và hạnh phúc đều thấm đẫm vào xã hội, lịch sử”: mọi cảm xúc đều xuất phát từ xã hội, lịch sử và gắn chặt với xã hội, lịch sử.

=> Như vậy, ý kiến trên đã khẳng định điều kiện để trở thành nhà văn, nhà thơ lớn là mọi tư tưởng, tình cảm đều xuất phát từ xã hội, lịch sử.

2. Bàn luận:

- Nhà văn, nhà thơ là người khởi xướng đời sống văn học. Trong đời sống văn học rất cần những tác phẩm có giá trị, có ý nghĩa đối với công chúng độc giả.

- Tác phẩm văn học, sản phẩm của sáng tạo nghệ thuật, chỉ có giá trị khi nó được viết bằng trái tim chân thành của người nghệ sĩ đối với cuộc đời và tình cảm của nhà thơ trong tác phẩm không chỉ là tình cảm riêng của nhà văn nhà thơ, mà đó còn là tình cảm chung - tình cảm của thời đại. Tiếng nói của nhà văn nhà thơ là tiếng nói của nhân dân, của đất nước.

Mỗi tác phẩm văn học là một bài học nhân sinh cho con người vì thế tác phẩm cần phải chuyển tải được những thông điệp quan trọng của đời sống. Đó là vấn đề liên quan đến vậy đến vận mệnh con người nói chung, vận mệnh của nhân dân, đất nước.

3. Chứng minh: HS lấy dẫn chứng để chứng minh. Ví dụ thơ của Hồ Xuân Hương

\* ***Giới thiệu khái quát về Hồ Xuân Hương***:

\* Thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói của người phụ nữ bình thường chịu nhiều bất hạnh trong xã hội cũ

- Người phụ nữ với số phận nhỏ bé, bất hạnh: Thân phận của những người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương thường nhỏ bé, cuộc đời của họ long đong lận đận. Họ phải sống trong một chế độ xã hội phong kiến lạc hậu, trọng nam khinh nữ, người phụ nữ không có chỗ đứng và địa vị trong xã hội. Vì vậy, những người phụ nữ có tài như Hồ Xuân Hương thường không được coi trọng, đồng thời việc làm của một người vợ thường ít được người chồng cảm thông, dù cho quanh năm lam lũ vất vả nuôi chồng nuôi con chăm sóc cho gia đình luôn được yên ấm. Họ là những người phụ nữ có tài có sắc nhưng cuộc đời lận đận, số phận bi đát, bé nhỏ trong xã hội:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn,*

*Bảy nổi, ba chìm với nước non*

(Bánh trôi nước)

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn*

*Trơ cái hồng nhan với nước non*

(Tự tình II)

Trong thơ Xuân Hương, bà không chỉ than cho người đàn bà dưới chế độ phong kiến mà còn nói lên nỗi đau của bản thân mình. Xuân Hương đã nói một cách trần trụi nhất, với cái mạnh mẽ của sự phản kháng và gắn chặt đời mình cùng với số phận của những người phụ nữ nói chung trong xã hội cũ:

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung*

*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng*

- Người phụ nữ với nỗi đau trong đường tình duyên: Do sống trong xã hội phong kiến – một xã hội coi thường phụ nữ và luôn bị lễ giáo trói buộc, không được hoạt động xã hội, không được học hành thi cử, chịu nhiều thiệt thòi cả ngoài xã hội cũng như trong gia đình. Chính vì vậy, người phụ nữ không chỉ chịu thiệt thòi, bất hạnh trong cuộc sống mà còn đau khổ trong đường tình duyên. Có lẽ phải chịu nhiều lận đận trong đường tình duyên, hai lần làm lẽ nhưng cả hai lần đều ngắn ngủi nên Hồ Xuân Hương rất hiểu và đồng cảm với phận của những người phụ nữ không may mắn trong đường tình duyên. Đó là nỗi khổ của người phụ nữ làm lẽ, người phụ nữ không chồng mà chửa, người phụ nữ chết chồng…Điều đáng nói ở đây là bà dám lên tiếng tố cáo gay gắt, quyết liệt xã hội phong kiến thối nát, mục ruỗng mà không ai dám lên tiếng. Hồ Xuân Hương khắc họa thân phận khổ nhục của người làm lẽ, năm thì mười họa mới được gần chồng, đồng thời vạch trần bản chất xấu xa của chế độ đa thê phong kiến.

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.*

*Năm thì mười họa hay chăng chớ,*

*Một tháng đôi lần có cũng không*

*Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm*

*Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*

Thơ Xuân Hương luôn là tiếng kêu xé lòng của những người con gái nhẹ dạ:

*Cả nể cho nên hóa dở dang,*

*Nỗi niềm chàng có biết chăng chàng…*

*Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc,*

*Phận liễu sao đà nảy nét ngang.*

*Cái nghĩa trăm năm chàng nhớ chửa?*

*Mảnh tình một khối thiếp xin mang.*

*Quản bao miệng thế lời chênh lệch*

*Không có, nhưng mà có mới ngoan*

Không chỉ cảm thông với thân phận của người làm lẽ, người phụ nữ không chồng mà chửa mà Hồ Xuân Hương còn muốn an ủi những người phụ nữ mất chồng, muốn dịu dàng với họ, để cho họ khuây khỏa nỗi đau và dìu họ trở lại với cuộc sống bình thường:

*Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng*

*Nín đi kẻo thẹn với non sông*

(Dỗ người đàn bà khóc chồng)

- Người phụ nữ phê phán, đả kích giai cấp phong kiến thống trị: Trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX, Hồ Xuân Hương là một nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa, bởi vì thơ bà trước hết là tiếng nói tâm tình của phụ nữ: “Có thể nói, ngoài văn học dân gian, Hồ Xuân Hương là nhà thơ đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc đã đem đến cho thơ văn tiếng nói của những người phụ nữ ấy: những tiếng than và những tiếng thét, những tiếng căm hờn và những tiếng châm biếm sâu cay”. Bởi trong xã hội lúc bấy giờ, phụ nữ không chỉ bị áp bức về mặt giai cấp mà trong tư cách là người phụ nữ nói chung, họ còn bị áp bức về mặt giới tính với đạo “tam tòng”. Hồ Xuân Hương châm biếm, đã kích từ vua đến quan, nhưng có lẽ chịu nhiều nhất là bọn “hiền nhân quân tử”, bọn mô phạm phong kiến. Bà gọi chúng là “phường lòi tói”, là “lũ ngẩn ngơ”… Qua thơ Xuân Hương, ta thấy cả một xã hội phong kiến thời bà bị chế giễu, đả kích. Bà dùng tiếng cười, thông qua yếu tố tục, xoáy vào đời sống bản năng của giai cấp thống trị để từ đó đả kích, tố cáo thói đạo đức giả của chúng. Nhưng thơ Xuân Hương đâu chỉ biết cười, mà đọc thơ bà ta nghe như có tiếng nấc bên trong.

- Vẻ hình tượng người phụ nữ, Hồ Xuân Hương có những bài thơ bày tỏ niềm kiêu hãnh của mình về vẻ đẹp hình thức, vẻ đẹp tâm hồn và vẻ đẹp của tài năng, trí tuệ của người phụ nữ như:

+ Vẻ đẹp hình thức: ca ngợi vẻ đẹp trẻ trung, công khai ca ngợi và khẳng định vẻ đẹp thân thể của người phụ nữ.

+ Vẻ đẹp tâm hồn: trong xã hội cũ, có ai dám như Xuân Hương đứng ra bênh vực cho những người con gái dở dang ấy, có ai dám ngang nhiên thừa nhận những quy tắc đi ngược lại khuôn mẫu của lễ giáo phong kiến như bà. Những điều đó chỉ có ở bản lĩnh, một trái tim tha thiết, nồng ấm sự cảm thông của một tâm hồn nghệ sĩ. Từ những tiếng nói cảm thông ấy, Xuân Hương còn lên tiếng đề cao ca ngợi họ, tìm thấy vẻ đẹp thực sự chân chính ở họ: chú trọng nêu bật cái đẹp bên trong, cái đẹp tâm hồn của họ; ca ngợi, đề cao, trân trọng phẩm chất kiên trinh của người phụ nữ…

+ Vẻ đẹp của tài năng, trí tuệ: tiếng thơ Xuân Hương là tiếng thơ của một người phụ nữ tài hoa, cá tính nhưng phải chịu sự gò bó của lễ giáo phong kiến khắt khe, kìm kẹp cuộc sống. Bao khao khát, bao nguồn sống mãnh liệt không được bộc lộ trong cuộc sống được bà gởi gắm cả vào trong thơ. Thơ Xuân Hương là những nỗi niềm không chỉ của riêng tác giả mà của tất cả những phụ nữ bất hạnh trong xã hội phong kiến.

- Hồ Xuân Hương là nhà thơ của phụ nữ, bà thấu hiểu tất cả những nỗi đau đó bằng kinh nghiệm của cuộc đời chung và cuộc đời riêng chẳng ra gì của mình; và bằng tiếng thơ, muốn nói lên những tiếng nói chia sẻ với họ. Trong lịch sử văn học dân tộc, có lẽ Xuân Hương là người đầu tiên dám cất lên tiếng nói khẳng định tài năng trí tuệ của người phụ nữ, nói lên ước vọng được khẳng định mình. Và cao hơn hết chính là tư tưởng nhân đạo trong thơ Xuân Hương đem lại cho đến nay vẫn còn giá trị. Có thể nói, tuy chưa phản ánh được những mâu thuẫn lớn của thời đại, chưa có tầm nhìn xa để thấy hết những đau khổ và khát vọng của con người, song Hồ Xuân Hương cũng đã đóng góp cho nền thơ ca dân tộc một tiếng thơ hết sức độc đáo. Thơ bà là thứ thơ giải phóng cá tính, dám khẳng định cá tính và bản lĩnh riêng.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Ý kiến khẳng định điều kiện về phương diện tư tưởng, tình cảm để trở thành nhà văn, nhà thơ lớn. Tất nhiên để có được một tác phẩm có giá trị thì không chỉ ở tấm lòng yêu thời mẫn thế mà còn do tài năng nghệ thuật của nhà thơ, nhà văn để tạo ra một tác phẩm có sức hấp dẫn nữa .

- Ý kiến trên có vai trò quan trọng đối với người sáng tác và người đọc.

+ Đối với người sáng tác: khi viết luôn phải có ý thức thể hiện những tư tưởng, tình cảm mang tính phổ quát của con người, của thời đại. Hãy mở lòng ra để đón nhận những khao khát, nỗi đau, tình yêu...của con người

+ Đối với người đọc: đến với tác phẩm văn học là đến với một thế giới mở, vì thế cũng phải mở trí để hiểu cái hay cái đẹp, mở tâm để lắng nghe những tư tưởng, tình cảm sâu sắc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định lại vấn đề.

………………………………………………………………………………..

**ĐỀ LUYỆN 15**

Trong tập *Chân dung và đối thoại*, Trần Đăng Khoa ghi lại câu nói của Xuân Diệu: **“*Nhà văn tồn tại ở tác phẩm. Nếu không có tác phẩm thì nhà văn ấy coi như đã chết*.”**

Anh/Chị hiểu quan niệm này như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ, mối quan hệ giữa người nghệ sĩ và tác phẩm nghệ thuật.

- Trích dẫn nhận định.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích**

- *“Nhà văn tồn tại ở tác phẩm”:* có thể hiểu là tên tuổi, phong cách của nhà văn được khẳng định thông qua những tác phẩm văn học chân chính, những tác phẩm có giá trị.

*- “Nếu không có tác phẩm thì nhà văn ấy coi như đã chết”:* Ngược lại, nếu không thể cho ra đời những tác phẩm có giá trị mà chỉ viết nên những văn bản hời hợt, sao chụp cuộc sống hoặc ghi chép vụn vặt về cuộc sống., không có chiều sâu tư tưởng thì khi đó nhà văn coi như “đã chết” – tức là không còn được sống trong niềm trân trọng của người đọc, sẽ bị người đọc lãng quên.

=> Như vậy, ý kiến của Xuân Diệu khẳng định:Một nhà văn chỉ được coi là tồn tại khi có được những tác phẩm thật sự có giá trị, không những đem đến một cái nhìn mới về cuộc sống, đem đến những tư tưởng đầy tính nhân văn mà còn phải được thể hiện bằng một hình thức nghệ thuật mới mẻ.

**2. Bàn luận**

- Mỗi một bộ môn nghệ thuật cần những phương tiện chất liệu để hiện thực hóa những tình cảm, suy nghĩ, ý tưởng của người nghệ sĩ: Hội họa cần những mảng màu, bố cục. Điêu khắc cần những đường nét và hình khối; Phim ảnh cần những phân đoạn trường đoạn, những góc máy xa gần... Tương tự như vậy, tác phẩm là phương tiện để nhà văn thực hiện thiên chức của mình, hoàn thành chức năng cao đẹp phản ánh hiện thực cuộc sống của văn học. Không có tác phẩm thì không có cái gọi là nhà văn, nhà thơ, khác gì người họa sĩ không có bút, nhà quay phim hành nghề không có máy quay...

+ Tác phẩm chính là cái cuối cùng, là cái túi chứa đựng mọi cảm xúc, khát khao, suy cảm của nhà văn trước hiện thực cuộc sống. Có những đêm mắt không ngủ và lòng rực sáng, tâm hồn nhà nghệ sĩ dồn chứa những rung cảm mãnh liệt dẫn tới một nhu cầu: viết, viết và phải viết, thậm chí có nhà nghệ sĩ cảm thấy nếu không được viết thì có thể phát điên, có thể chết hay tồn tại mà như đã chết nếu không được viết, không được thai nghén những tác phẩm (liên hệ Hộ trong *Đời thừa*).

+ Cái làm nên tên tuổi, thể hiện cái Tôi phong phú, làm cho những nhà văn nhà thơ cảm thấy sự sống của mình thực sự có ý nghĩa chứ không phải một sự tồn tại mờ nhạt đó chính là thai nghén ra được các tác phẩm có giá trị. Qua những đứa con tinh thần này, người nghệ sĩ khẳng định được cá tính riêng của mình cũng là để khẳng định sự tồn tại của cá nhân.

+ Có những tác phẩm đã thật sự giúp người nghệ sĩ-con người vượt lên khỏi ranh giới của sự lãng quên, của cái chết mà hướng tới một sự tồn tại vĩnh hằng. Đó là khi người nghệ sĩ sáng tác được những tác phẩm có giá trị cao.

**-** Một khi nhà văn không có đủ các điều kiện cần thiết để sáng tác hoặc là vẫn sáng tác đều đặn nhưng không còn “khơi được những nguồn chưa ai khơi”, chỉ là những trần ngôn sáo ngữ thì sớm muộn nhà văn cũng sẽ rơi vào quên lãng. Với nhiều những người nghệ sĩ có lương tâm thậm chí họ coi mình lúc này như đồ thừa, đồ vô dụng hay “một thằng khốn nạn” (Hộ - *Đời thừa*)

**3. Chứng minh:** Học sinh tùy chọn các tác phẩm và đoạn trích đã học và chốt được các ý sau:

- Nhà văn tồn tại ở tác phẩm: học sinh có thể lựa chọn những sáng tác trong Thơ mới hoặc văn xuôi 1930-1945 để làm sáng tỏ bằng việc lao động nghiêm túc, tìm tòi những cái nhìn mới thì những tác phẩm, tác giả thuộc giai đoạn này đã ghi những dấu mốc khó phai mờ trong văn đàn và trong lòng bạn đọc.

- Nhà văn không sáng tác được những tác phẩm thật sự sẽ nhanh chóng bị rơi vào quên lãng: những tác phẩm thuộc giai đoạn sau của *Tự lực văn đoàn*...

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Đây là một quan niệm xác đáng về quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ, mối quan hệ giữa họ và tác phẩm nghệ thuật.

- Câu nói cũng đưa ra một bài học sâu sắc cho người sáng tác: để có được những tác phẩm có giá trị lay động được tới tái tim bạn đọc thì cần có một trái tim nóng bỏng, một tâm hồn nhạy cảm tinh tế, những gì viết ra cần phải xuất phát từ tình cảm chân thật sâu sắc. Muốn vậy trái tim người nghệ sĩ phải để ở giữa cuộc đời và vì cuộc đời; Độc giả khi thẩm bình và hưởng thụ cái Đẹp của một tác phẩm văn học nói chung: không nên nhìn vào kết cấu đồ sộ, dung lượng hoành tráng của câu từ để vội vàng đánh giá mà phải đi sâu tìm ra được cái mạch nguồn cảm súc dạt dào mà sâu kín của thi nhân, nắm được cái hạt ngọc mà người nghệ sĩ thai nghén gửi gắm. Có như thế mới có thể bước vào địa hạt của cái Đẹp.

- Quan niệm trên không chỉ đúng với riêng thể loại cá biệt nào mà đúng với toàn bộ các thể loại, không chỉ đúng với một tác giả nào đó mà đúng với tất cả các nghệ sĩ đang muốn lưu dấu ấn trên hành trình sáng tạo cái Đẹp

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định lại vấn đề.

………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 16**  **"*Chân lý cuộc sống trong sáng tác nghệ thuật không tồn tại bên ngoài cái nhìn nghệ thuật có tính cá nhân đối với thế giới, vốn có ở từng nghệ sĩ thực thụ*"**. (Khrapchenko**).**  Anh/Chị suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên? Bằng việc phân tích bức tranh thiên nhiên trong những đoạn thơ sau, anh/chị hãy làm sáng tỏ *cái nhìn nghệ thuật có tính cá nhân.*  *Của ong bướm này đây tuần trăng mật;*  *Này đây hoa của đồng nội xanh rì;*  *Này đây lá của cành tơ phơ phất;*  *Của yến anh này đây khúc tình si.*  *Và này đây ánh sáng chớp hàng mi;*  *Mỗi sáng sớm, thần vui hằng gõ cửa;*  *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;*  *Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:*  *Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*  (*Vội vàng* – Xuân Diệu)  Và  *Mùa xuân là cả một mùa xanh*  *Giời ở trên cao, lá ở cành*  *Lúa ở đồng tôi và lúa ở*  *Đồng nàng và lúa ở đồng anh.*  (*Mùa xuân xanh –* Nguyễn Bính) |

GỢI Ý

I. MỞ BÀI

- Giới thiệu vấn  đề nghị luận: Vấn đề cái nhìn trong sáng tác nghệ thuật.

- Trích dẫn nhận định.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích ý kiến:

- "*Chân lý cuộc sống trong sáng tác nghệ thuật"* : là những nhận thức đúng đắn, tiến bộ của người nghệ sĩ về cuộc sống, được biểu hiện trong các sáng tác nghệ thuật.

*- "cái nhìn nghệ thuật có tính cá nhân đối với thế giới"*: là khả năng cảm thụ, nắm bắt hiện thực cuộc sống một cách tinh nhạy, chính xác, nhìn thấy cái mà người khác không nhìn thấy, in đậm dấu ấn riêng, không giống ai.

*- "nghệ sĩ thực thụ"*: là nghệ sĩ chân chính, khẳng định được tài năng, cá tính và đạo đức nghề nghiệp.

=> Nhận định của Khrapchenko đã khẳng định vai trò của cái nhìn của người nghệ sĩ chân chính trong sáng tác nghệ thuật - một trong những yếu tố quan trọng hình thành nên phong cách nghệ thuật: chân lý về cuộc sống được kết tinh trong các sáng tác nghệ thuật nằm trong chính cái nhìn tinh nhạy, chính xác, có tính chất khám phá, phát hiện của người nghệ sĩ về hiện thực cuộc sống ấy.

2. Bàn luận:

- Cái nhìn là một năng lực tinh thần đặc biệt của con người, nó có thể thâm nhập và phát hiện những đặc điểm của sự vật mà vẫn ở ngoài sự vật, bảo lưu sự toàn vẹn thẩm mỹ của sự vật.

- Trong nghệ thuật không thể thiếu cái nhìn. Nhà văn Pháp, M.Proust cũng nói: *"Đối với nhà văn cũng như đối với nhà họa sĩ, phong cách không phải là vấn đề kĩ thuật mà là vấn đề cái nhìn".*

- Cái nhìn của nhà văn về cuộc sống, con người bao giờ cũng mang nét riêng, khám phá, phát hiện ra những cái mới mẻ, độc đáo mà người bình thường không nhìn thấy.

- Cái nhìn không chỉ thể hiện lập trường, sự hiểu biết của nhà văn về cuộc sống mà còn thể hiện thái độ, tình cảm của nhà văn đối với đời sống: yêu, ghét, ngợi ca, đồng tình hay phê phán...

- Cái nhìn thế giới khách quan của mỗi nhà văn thường có quan hệ chặt chẽ với cuộc đời, hoàn cảnh, môi trường sống của nhà văn đó.

=> Do đó, cái nhìn nghệ thuật có tính cá nhân là một trong những biểu hiện đầu tiên và quan trọng nhất trong phong cách nghệ thuật của một nghệ sĩ thực thụ.

3. Chứng minh: HS phân tích bức tranh thiên nhiên qua các đoạn thơ:

\* Trong ***Vội vàng*** của Xuân Diệu:

- Giới thiệu khái quát về Xuân Diệu và bài thơ “Vội vàng”: là nhà thơ “mới nhất trong các nhà Thơ mới” – Hoài Thanh. Ông đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo. “Vội vàng” là bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu, in trong tập “Thơ thơ” xuất bản năm 1938, bài thơ là lời giục giã hãy sống hết mình, hãy quý trọng từng giây phút của cuộc đời mình, nhất là những năm tháng của tuổi trẻ của một tâm hồn yêu đời, ham sống đến cuồng nhiệt….

- Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ: Với một hồn thơ nồng nàn, sôi nổi (do ảnh hưởng từ thiên nhiên quê mẹ) và niềm khát khao giao cảm với đời (do thiếu thốn tình cảm từ nhỏ), Xuân Diệu nhìn cuộc đời "bằng đôi mắt xanh non" - đôi mắt trong sáng, trẻ trung của một chàng trai lúc nào cũng dào dạt, nồng nhiệt tình yêu đời. Khi đó, mùa xuân được vẽ bằng những hình ảnh rất quen thuộc nhưng nó hiện lên với vẻ đẹp căng tràn sức sống, tươi đẹp, non tơ nhất: ong bướm say trong tuần tháng mật, hoa của đồng nội xanh rì, lá của cành tơ phơ phất, yến oanh rộn ràng trong khúc tình si, ánh sáng chớp mi, tháng giêng như cập môi gần mọng đỏ, mời chào…Mùa xuân như một thiên đường trên mặt đất

+ Thiên nhiên trong *Vội vàng* là một bức tranh mùa xuân tươi đẹp, tràn đầy sức sống, chan chứa xuân sắc, rạo rực xuân tình nhưng lại mau chóng tàn phai trước thời gian vì vậy nhà thơ rơi vào trạng thái “*Tôi sung sướng….hoài xuân*”: tiếc xuân khi còn đang xuân.

\* Trong ***Mùa xuân xanh*** của Nguyễn Bính:

- Giới thiệu khái quát về Nguyễn Bính, bài thơ “Mùa xuân xanh”: Nguyễn Bính là một nhà thơ lãng mạn nổi tiếng của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông được coi như là nhà thơ của làng quê Việt Nam với những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc. “Mùa xuân xanh” là một trong số những bài thơ tiêu biểu của Nguyễn Bính được in năm 1937 trong tập “Một nghìn cửa sổ”. Bài thơ khắc họa thành công bức tranh mùa xuân với khung cảnh thiên nhiên đầy tươi sáng và ấm áp của một mùa xuân, xanh của hy vọng và sức sống mới cho một mùa xuân mới.

- Bốn câu thơ đầu, bức tranh mùa xuân được hiện lên thật tươi đẹp. Đó là mùa tràn đầy sắc xanh: Màu xanh của bầu trời, màu xanh của những tán lá cây, màu xanh của những cánh đồng lúa bát ngát. Chỉ bốn câu thơ nhưng có tới năm từ “ở”. Màu xanh ngập tràn, bao phủ cả không gian đem sự sống, hy vọng đến mọi người. Cảnh thật gần gũi, tươi sáng, trong trẻo gợi nên một cuộc sống bình dị, thuần hậu. Bức tranh thiên nhiên mang nét đặc trưng thơ Nguyễn Bính.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Nhận định của Khrapchenko đã khẳng định một trong những vấn đề cơ bản của lí luận văn học: đó là vấn đề phong cách nghệ thuật - một phẩm chất không thể thiếu của người nghệ sĩ chân chính, mà hạt nhân của phong cách là vấn đề cái nhìn.

- Bài học đối với người nghệ sĩ và độc giả tiếp nhận:

+ Nhà văn, người nghệ sĩ muốn có một cái nhìn riêng biệt cần phải không ngừng đi sâu vào cuộc sống, cần phải rèn thói quen quan sát với tinh thần khám phá, nghiên cứu đời sống, mài sắc nhọn các giác quan trong việc cảm nhận thế giới, để có thể tìm thấy những cái mới lạ, độc đáo trong những sự vật bình thường, quen thuộc.

+ Độc giả khi tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật cần thâm nhập sâu vào thế giới nghệ thuật của tác giả, chủ động, tích cực khi tiếp nhận tác phẩm, phát hiện ra cái riêng của mỗi người, để khẳng định phong cách nghệ thuật tác giả và vị trí của tác phẩm.

**III. KẾT BÀI :** Khẳng định ý nghĩa, giá trị của ngôn từ nghệ thuật đối với sáng tác và thưởng thức văn học.

…………………………………………………………………………..

**ĐỀ LUYỆN 17**

***Thế giới nghệ thuật của một tác giả được tạo nên từ những phát hiện riêng về chân lý đời sống và những triết lý riêng về nhân sinh.***

(*Trích Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*,

Nguyễn Đăng Mạnh, NXB Giáo dục, 2002).

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Thế giới nghệ thuật của người nghệ sĩ.

- Trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích**:

**-** *Thế giới nghệ thuật:* là hiện thực thứ hai mà người nghệ sĩ tạo ra để phản ánh cuộc sống, đó là một thế giới sinh động, là sự kết hợp hài hòa giữa cá tính nghệ sĩ và hiện thực khách quan. Nó là kết quả của tình yêu thương, những rung động lớn lao, sâu sắc và khả năng tiếp nhận xử lý thông tin một cách tài tình.

Thế giới nghệ thuật là những phát hiện riêng của người sáng tạo, biểu hiện những khát vọng chân thiện mĩ của chủ thể sáng tạo. Ở đó chứa đựng những triết lý riêng của người viết về nhân sinh - một thứ triết lý đầy tình cảm cảm xúc và nhiều hình tượng có sức ám ảnh.

**-** *Phát hiện riêng về chân lý đời sống*: là cách nhìn, cách nhận thức đúng đắn, tiến bộ, tinh nhạy, in đậm dấu ấn cá nhân của người nghệ sĩ về cuộc sống.

**-** *Triết lý nhân sinh riêng:* là những lý luận, kiến giải, quân điểm, lập trường của người nghệ sĩ về cuộc đời, về con người, những triết lý đó luôn cao đẹp, là sự trăn trở của những trái tim yêu thương vĩ đại.

=> Nhà văn phải có tài năng khám phá cuộc sống bằng trái tim nhiệt huyết, tạo dưng nên một thế giới nghệ thuật độc đáo, không trộn lẫn, từ đó bộc lộ triết lý cuộc sống cao đẹp của mình về cuộc đời.

=> Mỗi nhà văn là một thế giới, nhà văn này không thể thay thế nhà văn kia. Cho nên mỗi nhà văn bằng tài năng và cá tính sáng tạo của mình đều đóng góp cho sự phong phú đa dạng của một nền văn học.

**2. Bình luận:** Đây là một ý kiến đúng đắn vì:

- Hiện thực vô biên là nguồn nuôi dưỡng vô tận cho mọi cảm xúc thăng hoa. Mỗi người nghệ sĩ phải hòa mình vào cuộc sống để chắt được những mật ngọt của đời. Những con mắt nhìn tinh tế sẽ cảm nhận, nắm bắt, khám phá, phát hiện những điều khác thường trong những điều bình thường của ngàn vạn những lớp sóng cuộc đời. Sự nhạt nhòa, hời hợt hay rập khuôn, khô cứng trong việc phản ánh cuộc sống, xây dựng hình tượng sẽ bị chìm lấp trong sự quên lãng. Bởi vậy mỗi nhà văn luôn có ý thức đào sâu, tìm tòi, khơi nguồn để sáng tạo nên một thế giới nghệ thuật vang ngân giọng điệu của riêng mình.

- Thế giới nghệ thuật là sự phản ánh hiện thực. Từ những yêu thương, cảm thông, căm giận... những tàn ác, xấu xa được phản ánh trong tác phẩm , nhà văn bộc lộ những kiến giải riêng về các cư xử của con người, về đạo đức cuộc sống, về số phận cuộc đời...Những kiến giải đó không trộn lẫn, mang cá tính và bản lĩnh của người nghệ sĩ sẽ ánh lên những bài học đáng quý về lẽ sống, có khả năng làm phong phú đời sống của người đọc khi tiếp cận tác phẩm. Những triết lý đó được kết tinh từ những trăn trở, nung nấu của người nghệ sĩ làm nên tư tưởng nghệ thuật lớn lao.

- Xây dựng nên một thế giới nghệ thuật riêng biệt là yếu tố làm nên sức sống vững bền cho một tác phẩm và vị trí của một tác giả trong dòng chảy văn học dân tộc..

- Để tạo dựng nên một thế giới nghệ thuật riêng cho mình nhà văn phải sống những tình cảm chân thành mãnh liệt của một trái trái tim vẹn tròn, phải cọ xát, va chạm với hiện thực cuộc sống, nhạy bén và tinh tế với những vận động đa dạng của hiện thực khách quan. Đặc biệt phải vận dụng điêu luyện phương tiện nghệ thuật từ ngôn ngữ, hình ảnh, cách tổ chức, sắp xếp các chi tiết để tạo dựng hình tượng nghệ thuật, tạo dấu ấn riêng của mình.

**3. Chứng minh:**

Học sinh lấy dẫn chứng văn học để chứng minh các ý sau đây:

- Mỗi tác phẩm chân chính đều phản ánh hiện thực đời sống thông qua một thế giới nghệ thuật riêng qua cách nhìn của nhà văn.

- Qua thế giới nghệ thuật riêng, độc đáo trong tác phẩm, nhà văn bộc lộ quan điểm nhân sinh, triết lí về cuộc đời. Đó là những cách nhìn, cách nhận thức đúng đắn, tiến bộ, tinh nhạy của nhà văn về cuộc đời, về con người, chứa đựng tư tưởng nhân đạo của nhà văn.

**\* Ví dụ: Sáng tác của Nam Cao:**

**-** Dù là người đến với làng văn khi đã có những tên tuổi lẫy lừng cả ở hai mảng đề tài: người nông dân và người trí thức, nhưng dường như đó là sự sắp đặt của tạo hóa để thử thách tài năng văn học, Nam Cao vẫn phát huy mạnh mẽ bản sắc độc đáo của mình.

- Đi vào thế giới nghệ thuật của ông ta nhận thấy hình tượng ám ảnh, cứ trở đi trở lại dù là người trí thức hay nông dân, đều là những con người bị đặt vào tình huống “áo cơm ghì sát đất” hoặc bị lăng nhục bởi miếng ăn và cái đói. Tuy nhiên Nam Cao không đơn thuàn dựng nên một cảnh đói nghèo vì sự áp bức, bóc lột mà vạch trần sự tha hóa của con người từ nhân hình đến nhân tính. Bởi vậy cùng là một người Nông dân bị bần cùng hóa nhưng nhân vật Chí Phèo vẫn điển hình và có sức sống bền vững hơn cả. Điều đó xuất phát từ cái nhìn bén nhạy, trái tim nồng nhiệt với cuộc sống và tài năng tạo dựng hình tượng của nhà văn

- Thông qua những hình tượng đó Nam Cao cũng thể hiện một quan niệm nhân sinh đầy tinh thần nhân văn: Hãy cứu lấy nhân phẩm của con người.

\* **Ví dụ: Sáng tác của Xuân Diệu:**

- Xuân Diệu là đỉnh cao của phong trào Thơ mới, mà thơ mới là tiếng nói văn học của cái tôi các nhân cá thể. Xuân Diệu hơn bất kể một nhà thơ mới nào khác, không muốn hào tan cái tôi của riêng mình vào trong cái biển đời vô danh nhạt nhẽo “mờ mờ nhân ảnh”. Cái tôi cá nhân phải được tồn tại một cách đầy ý nghĩa trong đời sống. Xuân Diệu khẳng định cái tôi trong sự hòa hợp với cuộc đời. Con người ấy sợ sự cô độc, khát khao đến đau đớn được sống mãi với đời, được giao với tất cả. Ông muốn ôm tất cả cuộc sống này, riết lấy tất cả trong đôi tay hăm hở của mình. Vì thế trong thơ ông mọi cảnh sắc đều phải ở độ tuyệt mĩ.

- Trong thế giới nghệ thuật của mình, ông xây dựng một quan niệm mĩ học chưa từng có trong thơ ca, nêu cao tư tưởng sống ‘vội vàng, cuống quít’ để tận hưởng mọi vẻ đẹp của cuộc sống, luôn trân trọng cuộc sống hiện thực.

**4. Đánh giá, mở rộng:**

- Xây dựng thế giới nghệ thuật mang hình sắc riêng luôn là vấn đề trở trăn của bất cứ người nghệ sĩ nào. Đó là cơ sở khẳng định tài năng, vị trí của người cầm bút và những đóng góp của học trong quá trình sáng tạo.

- Bài học cho sáng tác và tiếp nhận**:**

+ **Người nghệ sĩ** trong quá trình sáng tác phải có xúc cảm mãnh liệt, chân thành, tài năng nghệ thuật điêu luyện, trí tưởng tượng phong phú để xây dựng nên những thế giới nghệ thuật độc đáo; qua đó thể hiện quan điểm nhân sinh sâu sắc, cách nhìn tiến bộ về cuộc đời, con người; giúp người đọc vươn tới những điều tốt đẹp.

+ Về phía **người tiếp nhận**, cần đến với tác phẩm bằng tất cả tình yêu, niềm say mê, chân thành mới có thể nhận ra được thông điệp mà người nghệ sỹ gửi gắm, từ đó khám vẻ đẹp kì diệu của văn chương, của thế giới nghệ thuật trong tác phẩm và những tình cảm sâu kín, nhân bản của con người.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định lại vấn đề.

……………………………………………………………………………………..

**ĐỀ LUYỆN 18**

Trong bài viết *Sáng tạo cái mới trong văn học nghệ thuật*, Giáo sư Trần Đình Sử cho rằng: ***Điều then chốt là phải luôn luôn sáng tạo ra cái mới… Cái quý của nhà văn là sáng tạo cái mới, chứ không phải viết được nhiều.***

(*Văn học và thời gian*, NXB Văn học, 2001, trang 185)

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Cái mới trong văn học/ Sự sáng tạo của người nghệ sĩ.

- Trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1.** **Giải thích**:

- *“Cái mới”:* sự mới mẻ, chưa có trước đây;

*- “Điều then chốt”:* điệu quan trọng;

=> Ý kiến khẳng định điều quan trọng, quý giá nhất của nhà văn là tạo ra cái mới – sự sáng tạo trong văn học.

**2. Bàn luận:**

- Văn học là một hoạt động sáng tạo, đặc biệt là sáng tạo ra cái mới. Cái mới trong văn học là cái chưa từng có, cái được sáng tạo ra lần đầu, có ý nghĩa đổi mới tiếng nói nghệ thuật, là sự phát hiện vấn đề mới về con người và xã hội. Tất nhiên mọi cái mới đều có cội nguồn sâu xa trong truyền thống văn học dân tộc và nhân loại nhưng nó phải có cái gì đó vượt lên, mở ra.

- Cái mới trong văn học bao gồm hai phạm vi: một là sáng tạo ra tác phẩm văn học mới; hai là khám phá giá trị trên cơ sở truyền thống, là cách tiếp cận, thể hiện mới về những vấn đề tưởng như đã quen thuộc. Cái mới trong tác phẩm văn học thường là đề tài mới, chủ đề mới, tính độc đáo về hình thức, phong cách,… Sáng tạo cái mới chính là thiên chức của người cầm bút. Đóng góp của nhà văn không phải chỉ ở số lượng mà chủ yếu ở chất lượng sáng tác.

- Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như*“cuộc thám hiểm thực sự”.* Nếu dấn thân vào*“vùng đất mới”* mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực.

- Việc sáng tạo ra cái mới tạo nên phong cách riêng, gương mặt tinh thần riêng của mỗi nhà văn. Sự hợp thành của các phong cách tác giả sẽ làm nên diện mạo phong phú của nền văn học, góp phần thúc đẩy sự vận động, phát triển không ngừng của văn học nghệ thuật. Đây là điều then chốt, là sự sống còn, cũng là quy luật phát triển tất yếu của văn học mọi thời đại, của mọi nền văn học dân tộc trên thế giới.“*Lịch sử văn học chỉ trân trọng những người sáng tạo độc đáo*” (Lí Nhuệ, nhà văn nổi tiếng Trung Quốc)

**3. Chứng minh:**

Học sinh chọn một hoặc một vài tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định. Ví dụ: tác phẩm “***Nhà mẹ Lê***” của Thạch Lam.

\* Về nội dung tư tưởng***:***

- Tác phẩm *“Nhà mẹ Lê”* viết về cuộc sống của người nông dân nghèo Việt Nam thời kì trước Cách mạng tháng Tám. Đây là đề tài quen thuộc, được nhiều nhà văn khai thác và đã xây dựng được những hình tượng điển hình như trong: *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Bước đường cùng* (Nguyễn Công Hoan), “Chí Phèo” (Nam Cao)...

- Cũng như với các nhà văn hiện thực phê phán đương thời, trong tác phẩm *Nhà mẹ Lê*, Thạch Lam đã miêu tả quá trình đói cơm rách áo, bần cùng khốn khổ... của người nông dân, mà còn trăn trở, băn khoăn suy ngẫm nhiều hơn về một hiện thực còn bức xúc hơn cả đói rét bần cùng, đó là hiện thực về sự chà đạp bởi cả một guồng máy thống trị bạo tàn. Đó một mối đe dọa thảm khốc trong xã hội đương thời .

- Qua tấn bi kịch và số phận bi thảm của bác Lê, Thạch Lam đã cất lên tiếng kêu cứu thảm thiết và đầy phẫn uất cho người lao động lương thiện: Làm thế nào để cho con người được sống một cuộc sống xứng đáng trong cái xã hội thực dân phong kiến; hãy tiêu diệt hoàn cảnh phi nhân tính, hãy làm cho hoàn cảnh trở nên nhân đạo hơn.

- Nhưng điều đặc sắc và đáng quý nữa ở Thạch Lam là nhà văn trân trọng phát hiện phẩm chất tốt đẹp của con người. Khẳng định bản chất lương thiện của con người không bao giờ mất đi cho dù họ phải sống trong hoàn cảnh bi đát...

\* Về hình thức nghệ thuật:

*- Cốt truyện:* Truyện ngắn truyền thống thường có kết cấu theo trình tự tuyến tính. Trong truyện ngắn *“Nhà mẹ Lê”*, Thạch Lam sử dụng kiểu cốt truyện đơn giản.

- *Kết cấu nhân vật*: Thạch Lam kể câu chuyện về bác Lê, vốn rất thương con, lo cho con. Nhưng hoàn cảnh đói khát, cùng quẫn, bác phải đi xin, đi vay nhà địa chủ để rồi nhận được kết cục không thể bi thảm hơn: bác bị chó cắt chết, để bầy con bơ vơ.

*- Cách kết thúc truyện:* Bằng việc người dân địa phương chung tay đưa bác về nởi an nghỉ cuối cùng, đề lại bầy con thơ trong túp lều, đằng trước, đàng sau gió lùa vào lạnh buốt.

(HS chọn thêm các tác phẩm khác để chứng minh)

**4. Đánh giá, mở rộng:**

**-** Ý kiến của GS Trần Đình Sử vô cùng đúng đắn. Dòng chảy lịch sử văn chương đã thừa nhận tính sáng tạo, phẩm chất sáng tạo của người nghệ sĩ. Sáng tạo vừa là yêu cầu vừa làm nên vị trí danh dự của nhà văn, sức sống lâu bền của nhà văn trong lòng độc giả.

- Ý kiến trên có vai trò quan trọng đối với người sáng tác và người đọc.

+ Đối với người sáng tác: Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu không phải là ở số lượng tác phẩm mà là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống, nghệ thuật. Đây là yếu tố sống còn của mọi tác phẩm.

+ Đối với người đọc: đến với tác phẩm văn học là đến với một thế giới mở, vì thế cũng phải mở trí để hiểu cái hay cái đẹp, mở tâm để lắng nghe những thông điệp tình cảm sâu sắc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm, để thấy được những khám phá, phát hiện độc đáo của nhà văn. Điều này sẽ giúp người đọc “đồng sáng tạo” với tác giả.

- Ý kiến của Trần Đình Sử là bài học cho những người nghệ sĩ trong sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật để tạo ra những tác phẩm độc đáo, có giá trị, có phẩm chất và cốt cách văn học, có sức lay động lòng người, có khả năng sống mãi với thời gian.

**III. KẾT BÀI:** Khẳng định lại vấn đề.

…………………………………………………………………..

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 19**  Có ý kiến cho rằng: *Một nhà văn thực thụ không vì một lối mòn mà lùi bước, cũng như một nhà thám hiểm tài ba không vì một vùng đất quen thuộc mà quay gót trở về.*  Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua hình tượng nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân (Ngữ Văn 9 tập I – NXB Giáo dục, năm 2005). |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI**

- Giới thiệu và trích dẫn ý kiến.

- Giới hạn vấn đề phân tích: hình tượng nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích nội dung ý kiến**

- Nhà văn thực thụ: nhà văn có tài năng, tư tưởng lớn, sáng tác những tác phẩm có giá trị, khẳng định được tên tuổi và chỗ đứng.

- Không vì một lối mòn mà lùi bước, không vì một vùng đất quen thuộc mà quay gót trở về: gợi liên tưởng về cá tính sáng tạo của nhà văn.

- Câu nói khẳng định: Tiêu chí quan trọng để đánh giá tầm vóc của một nhà văn là sự khám phá, sáng tạo mới mẻ ngay ở những điều quen thuộc.

- Cơ sở: Sáng tạo là một đặc trưng quan trọng của sáng tác văn chương, cũng là thước đo tầm vóc của một nhà văn và là yêu cầu của bạn đọc.

**2. Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm**

**3. Chứng minh nhận định**

**3.1. Kim Lân là nhà thám hiểm tài ba không vì một vùng đất quen thuộc mà quay gót trở về và truyện ngắn *Làng* chính là sự sáng tạo của nhà văn trên vùng đất quen thuộc**

**-** Đề tài người nông dân là đề tài quen thuộc

**-** Kim Lân có sự sáng tạo mới mẻ ngay ở đề tài quen thuộc ấy: nhà văn đã phát hiện, khẳng định tình cảm, nhận thức mới mẻ của người nông dân trong những năm đầu kháng Pháp: **tình yêu làng quê thiết tha sâu nặng, gắn bó, thống nhất với tình yêu nước và tinh thần kháng chiến**. Ở nhân vật ông Hai có những tình cảm, nhận thức mới mẻ: Xa làng, ông mang nỗi nhớ da diết về làng kháng chiến; Ông tự hào về làng kháng chiến của mình; Ở ông, mọi nỗi niềm đều gắn với làng kháng chiến; Ngay khi nghe tin làng theo Tây, ông bàng hoàng, đau đớn đến nghẹt thở; Từ lúc về đến nhà cho đến tận những ngày sau đó, ông vẫn dằn vặt, đau khổ tột cùng… về tin đồn đó. Khi tin đồn cải chính, ông sung sướng, hả hê, gột sạch mọi tủi nhục, đớn đau; Ông luôn có sự tin tưởng, ủng hộ và sẵn sàng hi sinh tất cả cho kháng chiến. Ông quyết định tản cư, chấp nhận rời xa làng. Ông quan tâm một cách nhiệt thành đến kháng chiến (hay ra phòng thông tin, vui mừng với những chiến thắng của quân ta…) Ông sẵn sàng hi sinh, dành tất cả cho kháng chiến (quyết định “thù” làng, không trở về làng; khoe nhà bị Tây đốt…). Ông thể hiện một cách cảm động sự thủy chung với cách mạng (qua lời tâm sự với đứa con út)

**3.2. Sự sáng tạo còn được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo**

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật chân thực, tinh tế.

+ Chú ý miêu tả cử chỉ, dáng điệu bề ngoài để bộc lộ nội tâm nhân vật.

- Đan xen hài hòa giữa yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

- Ngôn ngữ kể chuyện thống nhất với ngôn ngữ của nhân vật, mang đậm tính khẩu ngữ, gần với lời ăn tiếng nói của người thôn quê mộc mạc chân chất.

- Nhan đề giàu ý nghĩa

**4.Đánh giá chung**

- Khẳng định tính đúng đắn của nhận định: tầm vóc của một nhà văn được thể hiện ở sự khám phá, sáng tạo mới mẻ ngay ở những điều quen thuộc.

- Kim Lân đã góp thêm một tiếng nói mới vào đề tài người nông dân.

- Bài học

+ Người viết: có vốn sống, trải nghiệm phong phú sâu sắc, lao động công phu miệt mài, có tài năng nghệ thuật để có thể sáng tạo những tác phẩm độc đáo ngay ở những điều quen thuộc.

+ Người đọc: có vốn hiểu biết để tiếp nhận, khám phá sự độc đáo của tác phẩm, đồng sáng tạo với tác giả.

**III. KẾT BÀI**

- Khẳng định sáng tạo là tiêu chí quan trọng để đánh giá tầm vóc của một nhà văn

- Đánh giá về giá trị của tác phẩm “Làng”

|  |
| --- |
| **ĐỀ LUYỆN 20**  Trong bài Truyện ngắn đầu tiên, K. Pauxtopxki cho rằng*: Chỉ có người nào nói được với mọi người những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị, nhìn thấy những gì mà người khác không nhận ra, người đó mới có thể là nhà văn.*  (*Bông hồng vàng và bình minh mưa*, NXB văn học, 1999, tr.56)  Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một tác phẩm mà anh/chị yêu thích nhất. |

**GỢI Ý**

**I. MỞ BÀI.** Giới thiệu và trích dẫn ý kiến.

**II. THÂN BÀI**

**1. Giải thích**

- Những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị là vấn đề tư tưởng đọc đáo, sâu sắc, có giá trị nhân sinh lớn lao,…được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.

- Nhìn thấy những gì mà người khác không nhận ra là cái nhìn cuộc sống mang tính khám phá và phát hiện của nhà văn.

=> Ý kiến của Pauxtopxki là một định nghĩa về nhà văn với phong cách nghệ thuật độc đáo.

**2. Lí giải**

Nhà văn cần phải có phong cách nghệ thuật độc đáo là bởi vì:

- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm. Nhà văn phải là những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có (Nam Cao).

- Văn học lấy chất liệu từ cuộc sống. Hiện thực cuộc sống luôn là mảnh đất màu mỡ để nhà văn không ngừng sáng tạo. Nhưng cuộc sống dẫu đa dạng, phong phú vẫn có giới hạn. Vì vậy, có khi viết về một đề đề tài cũ nhưng nhà văn phải có cái nhìn khám phá những điều mới mẻ, thú vị mà người đọc không nhận ra. Có như vậy tác phẩm mới có giá trị và khơi gợi được hứng thú ở người đọc.

- Hơn nữa, phong cách nghệ thuật là yếu tố góp phần tạo nên sự phát triển đa dạng, phong phú cho văn học; là một tiêu chí để đánh giá chính xác vai trò cũng như vị trí của nhà văn trên văn đàn. Bởi chỉ những nhà văn thực thụ, có tài năng và tâm huyết mới tạo nên cho mình những phong cách nghệ thuật độc đáo. Phong cách nghệ thuật của nhà văn được biểu hiện qua tác phẩm cả về nội dung lẫn hình thức. Tác phẩm ấy bao giờ cũng thể hiện cách nhìn nhận, khám phá đầy mới lạ, độc đáo về cuộc sống; hướng đến những nội dung, chủ đề mới; mang một giọng điệu riêng và có những sáng tạo nghệ thuật độc đáo,..

**3. Phân tích, chứng minh:** Thí sinh có thể lựa chọn phân tích một tác phẩm và trong quá trình phân tích, bình giá cần chú ý những điểm sau để làm sáng rõ vấn đề đặt ra trong đề bài:

- Quá tác phẩm ấy, tác giả đã mang đến những cái nhìn, phát hiện mới mẻ gì về hiện thực cuộc sống?

- Tác phẩm ấy đã gửi gắm đến bạn đọc những tư tưởng gì mới mẻ, sâu sắc?

- Tác giả đã chuyển tải bức thông điệp của mình bằng những hình thức nghệ thuật độc đáo như thế nào?

- Từ đó đánh giá về tác phẩm và khái quát phong cách nghệ thuật của tác giả.

**4. Đánh giá, mở rộng, nâng cao**

- Đây là ý kiến đúng đắn, giúp ta thấy được tầm quan trọng của cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật của nhà văn trong quá trình sáng tác.

- Nhận định đã đặt ra yêu cầu đối với người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Với người sáng tác: Phải sống sâu sắc, có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, trí tưởng tượng phong phú và có tài năng nghệ thuật độc đáo.

+ Với người tiếp nhận: Phải biết trân trọng những đóng góp mới mẻ, giá trị của nhà văn qua tác phẩm.

**III. KẾT BÀI**

Khẳng định lại vấn đề.

…………………………………………………………………..